

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THẢO LINH

**KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC HIỆP HÒA,
TỈNH BẮC GIANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

HÀ NỘI – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THẢO LINH

**KIỂM SOÁT CHI THUỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC HIỆP HÒA,
TỈNH BẮC GIANG**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã ngành : 8340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. ĐÀO MẠNH HUY

HÀ NỘI – 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn “*KIỂM SOÁT CHI THUỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG*” là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN**NGUYỄN THỊ THẢO LINH**

LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian nghiên cứu lý luận và thực tế, tác giả đã hoàn thành luận văn thạc sĩ kế toán với đề tài “*KIỂM SOÁT CHI THUỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG*”.

Tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất tới thầy giáo. TS. Đào Mạnh Huy đã tận tình hướng dẫn, quan tâm giúp đỡ, chỉ bảo và đóng góp nhiều ý kiến quý báu giúp tác giả hoàn thiện Luận văn này.

Tác giả cũng xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo, các anh chị đã dìu dắt, hỗ trợ trong suốt khóa học. Xin cảm ơn gia đình và bạn bè, những người luôn khuyến khích và giúp đỡ tác giả trong mọi hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành của mình đến các anh chị tại Kho bạc nhà nước Hiệp Hoà đã cung cấp số liệu để tác giả hoàn thành luận văn này.

Trong thời gian thực hiện, mặc dù đã nỗ lực hết sức mình trong quá trình học tập và nghiên cứu nhưng khó có thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế, vì vậy tác giả rất mong nhận được đóng góp ý kiến của quý thầy, cô giáo để Luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	vii
DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ	viii
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGUYÊN CỨU	1
1.1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
1.2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến chọn đề tài.....	2
1.3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
1.4. Câu hỏi nghiên cứu.....	5
1.5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	6
1.6. Phương pháp nghiên cứu	6
1.7. Những đóng góp mới của luận văn	6
1.8. Kết cấu của luận văn	7
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....	8
2.1. Tổng quan về chi thường xuyên NSNN.....	8
2.1.1. Ngân sách Nhà nước.....	8
2.1.2. Chi thường xuyên NSNN	9
2.2. Kiểm soát chi thường xuyên NSNN	13
2.2.1. Đặc điểm kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN	13
2.2.2. Sự cần thiết của việc kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN ..	15
2.2.3. Nguyên tắc kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN.....	17
2.2.4. Quy trình và nội dung kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN	17
2.2.5. Vai trò của KBNN trong kiểm soát chi thường xuyên tại KBNN.....	24
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2.....	27
Chương 3: THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN TẠI KBNN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG	28

3.1. Khái quát về KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.....	28
3.1.1. Quá trình hình thành phát triển của KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang ...	28
3.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	30
3.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý hoạt động của KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	33
3.2. Thực trạng kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	35
3.2.1. Khuôn khổ pháp lý thực hiện kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	35
3.2.2. Quy trình và nội dung kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.....	36
3.2.3. Tình hình thanh toán chi thường xuyên NSNN tại Kho bạc nhà nước Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.....	79
3.3. Đánh giá thực trạng kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.....	83
3.3.1. Các kết quả đạt được về KSC thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang.....	83
3.3.2. Những tồn tại và hạn chế.....	86
3.3.3. Nguyên nhân	90
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3.....	93
Chương 4: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYỀN NSNN TẠI KBNN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG	94
4.1. Mục tiêu, định hướng hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	94
4.1.1. Mục tiêu hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.....	94
4.1.2. Định hướng hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN	

Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	95
4.2. Một số giải pháp hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	98
4.2.1. Hoàn thiện tổ chức bộ máy tại Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa, Bắc Giang 99	
4.2.2. Hoàn thiện quy trình kiểm soát chi NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang 100	
4.2.3. Giải pháp hoàn thiện nội dung kiểm soát chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang.	101
4.2.4. Hiện đại hóa công nghệ thông tin KBNN trong quy trình quản lý cấp phát, thanh toán các khoản chi NSNN tại KBNN Hiệp Hòa.....	103
4.2.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Kho bạc Nhà nước.....	104
4.2.6. Tăng cường phối hợp với các cơ quan, ban, ngành và ĐVSDNS trong thực hiện công tác KSC tại KBNN Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang	105
4.2.7. Các giải pháp khác.....	106
4.3. Điều kiện thực hiện giải pháp	107
4.3.1. Về phía các cơ quan quản lý Nhà nước.....	107
4.3.2. Về phía đơn vị sử dụng ngân sách	109
TIỂU KẾT CHƯƠNG 4.....	111
KẾT LUẬN.....	112
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	114
PHỤ LỤC	117

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Giải nghĩa
CKC	Cam kết chi
ĐVSDNS	Đơn vị sử dụng ngân sách
GDV	Giao dịch viên
HDND	Hội đồng nhân dân
KBNN	Kho Bạc Nhà Nước
KSC	Kiểm soát chi
NHTM	Ngân hàng thương mại
NS	Ngân sách
NSDP	Ngân sách địa phương
NSNN	Ngân sách Nhà Nước
NSTW	Ngân sách Trung ương
TABMIS	Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc
TS	Tài sản
TSCĐ	Tài sản cố định
TTĐTSP	Thanh toán điện tử song phương
TTHC	Thủ tục hành chính
TX	Thường xuyên
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1. Quy trình kiểm soát chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước qua KBNN.....	18
Sơ đồ 3.1: Mô hình tổ chức bộ máy Kho bạc Nhà nước Hiệp Hoà	33
Bảng 3.1: Trình độ cán bộ KBNN Hiệp Hoà năm 2018.....	34
Sơ đồ 3.2: Sơ đồ Quy trình giao dịch một cửa	38
Sơ đồ 3.3. Quy trình cấp phát bằng lệnh chi tiền	42
Bảng 3.2. Số liệu kiểm soát chi các khoản thanh toán cá nhân	57
Bảng 3.3: Số liệu kiểm soát chi trả các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn	63
Bảng 3.4: Số liệu thanh toán các khoản mua sắm, sửa chữa tài sản	69
Bảng 3.5: Doanh số chi thường xuyên NSNN qua KBNN Hiệp Hoà giai đoạn 2016-2018.....	80
Bảng 3.6: Số lượng hồ sơ giải quyết trước hạn, đúng hạn, quá hạn tại KBNN Hiệp Hoà giai đoạn 2016-2018.....	81
Bảng 3.7: Số món và số tiền từ chối thanh toán.....	82

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGUYÊN CỨU

1.1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, nền kinh tế nước ta tăng trưởng ổn định và có khuynh hướng phát triển tốt như tỷ lệ tăng trưởng khá, tỷ lệ lạm phát duy trì ở mức thấp, nguồn thu tiếp tục tăng. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực nền kinh tế nước ta vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn đó là tăng trưởng có tăng nhưng chưa bền vững, nguồn thu có tăng nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu chi đang tăng nhanh, dẫn đến thâm hụt ngân sách và nợ công còn ở mức cao. Do đó, việc sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm hiệu quả luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu của chính phủ.

Chi ngân sách nhà nước bao gồm hai bộ phận chính là chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, trong đó chi thường xuyên chiếm tỷ trọng lớn và có vị trí, vai trò rất quan trọng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Chi ngân sách nhà nước là công cụ chủ yếu của Đảng, Nhà nước và cấp uỷ, chính quyền cơ sở để thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc tổ và thúc đẩy sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước. Thời gian qua Đảng và Nhà nước đã có nhiều biện pháp tích cực nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực chi ngân sách nhà nước nói chung và và lĩnh vực kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc nói riêng. Kho bạc Nhà nước phải thực sự trở thành một trong những công cụ quan trọng của Chính phủ trong việc thực hiện công cuộc cải cách hành chính nhà nước và đặc biệt là cải cách hành chính công theo hướng công khai, minh bạch, từng bước phù hợp với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế góp phần thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực của Chính phủ, chất lượng hoạt động quản lý tài chính vĩ mô, giữ vững ổn định và phát triển nền tài chính quốc gia.

Chính vì vậy, hoạt động nghiệp vụ của Kho bạc Nhà nước (KBNN) yêu cầu ngày càng cao hơn, đảm bảo quản lý chặt chẽ nguồn thu và cấp phát kịp thời

nhu cầu chi tiêu, giúp cho hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương thông suốt, hiệu quả. Do đó, KBNN cần tăng cường trong công tác kiểm soát chi NSNN đảm bảo các khoản chi đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức, tránh thất thoát lãng phí tài sản của Nhà nước.

Cho nên việc hoàn thiện quy trình kiểm soát chi thường xuyên NSNN nhằm tiết kiệm chống lãng phí là nội dung hết sức cần thiết và có ý nghĩa thiết thực trong công tác quản lý, điều hành NSNN. Vì vậy, tôi chọn đề tài: ***“Kiểm soát chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang”*** làm luận văn thạc sỹ nhằm đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn.

1.2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến chọn đề tài

Kiểm soát chi NSNN tại KBNN một đề tài mang tính thời sự, nhất là trong giai đoạn cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính công. Trong thời gian qua, có nhiều đề tài tập trung nhận diện, mô tả, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả, hiệu quả quản lý chi NSNN và đã đề xuất nhiều giải pháp để hoàn thiện về công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN như:

- Đề tài: “Hoàn thiện công tác kiểm soát chi NSNN Bắc Giang” của tác giả: Đào Hoàng Liên, Trường Đại học Đà Nẵng, thực hiện năm 2010. Luận văn đi sâu nghiên cứu phân tích, đánh giá thực trạng công tác kiểm soát chi NSNN tại KBNN Bắc Giang đã nêu ra những kết quả và hạn chế của công tác kiểm soát chi NSNN tại KBNN Bắc Giang. Từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường kiểm soát chi NSNN tại KBNN Bắc Giang để đáp ứng được yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý, điều hành NSNN, phù hợp với quá trình cải cách tài chính công, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

- Đề tài: “Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị” của tác giả: Phan Tuấn Anh, Trường đại học Tài chính Marketing, thực hiện năm 2011. Mục tiêu của đề tài là trên cơ sở nghiên cứu thực trạng công tác kiểm soát chi ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, rút ra những kết quả đạt được và

những mặt tồn tại hạn chế và những nguyên nhân của các hạn chế. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao công tác kiểm soát chi ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Tác giả đã đề xuất: những giải pháp chung và giải pháp cụ thể gồm các nhóm giải pháp có liên quan đến quy trình, nghiệp vụ kiểm soát chi NSNN, nhóm giải pháp về tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ và nhóm giải pháp về hiện đại hóa công nghệ KBNN.

- Đề tài: “Tổ chức công tác kiểm soát chi NSNN tại Kho bạc Nhà nước Cần Thơ” của tác giả: Đỗ Thị Thiên Hương, Trường đại học Kinh tế Quốc dân, thực hiện năm 2013. Đề tài đi sâu nghiên cứu đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế trong thời gian tại của công tác tổ chức kiểm soát chi NSNN, cách quản lý, kiểm tra, kiểm soát chi NSNN tại KBNN Cần Thơ. Từ đó, tìm ra nguyên nhân của những hạn chế trong kiểm soát chi NSNN tại KBNN Cần Thơ. Đồng thời đưa ra các phương hướng, giải pháp và kiến nghị có tính thực tiễn và khoa học nhằm hoàn thiện để góp phần nâng cao chất lượng tổ chức kiểm soát chi NSNN tại KBNN Cần Thơ.

- Đề tài: “ Hoàn thiện quy trình kiểm soát chi thường xuyên ngân sách xã tại Kho bạc Nhà nước Hải Dương (2013), đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành do Thạc sĩ Vũ Đức Trọng, Nguyễn Quang Hưng Kho bạc Nhà nước Hải Dương đồng chủ nhiệm. Đề tài nghiên cứu thực trạng kiểm soát chi thường xuyên ngân sách xã (NSX) tại Kho bạc Nhà nước Hải Dương giai đoạn 2009-2012 đối với chi thanh toán cá nhân, chi hàng hoá dịch vụ, tác giả đã nêu ra nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế từ đó đề ra định hướng hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên NSX tại Kho bạc Nhà nước Hải Dương. Cụ thể: Hoàn thiện quy trình kiểm soát chi thường xuyên NSX; Phối hợp đẩy mạnh việc tổ chức thực hiện Nghị định 51/2010/NĐ-CP về quản lý hoá đơn tại các địa phương trên cả nước; Hiện đại hoá ứng dụng hệ thống thông tin; Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cập nhật kiến thức về kiểm soát chi NSNN; Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các đơn vị cấp xã; Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức KBNN làm nhiệm vụ kiểm soát chi thường xuyên NSX.

- Đề tài “*Kiểm soát chi bằng dự toán tại KBNN Vĩnh Phúc*” của tác giả Dương Thị Kiều Loan, Luận văn Thạc sỹ kinh tế (năm 2014) tác giả đề xuất những những phương hướng và giải pháp hoàn thiện kiểm soát chi NSNN tại KBNN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, bao gồm các nhóm giải pháp như: hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của KBNN; hoàn thiện các phương pháp nghiệp vụ kiểm soát chi NSNN; đổi mới cơ chế quản lý NSNN và cơ chế quản lý tài chính của các đơn vị sử dụng NSNN, ...

- Đề tài: “*Nâng cao công tác kiểm soát chi ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Đại Từ*”, Nguyễn Văn Bắc, (2014), Luận văn Thạc sỹ Kinh tế. Mục tiêu của đề tài là trên cơ sở nghiên cứu thực trạng công tác kiểm soát chi ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Đại Từ, rút ra những điểm mạnh, hạn chế và những nguyên nhân của các hạn chế. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao công tác kiểm soát chi ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Đại Từ, cụ thể tác giả đã đề xuất: Nhóm giải pháp về luật pháp cơ chế và chính sách, nhóm giải pháp có liên quan đến quy trình, nghiệp vụ kiểm soát chi ngân sách Nhà nước, nhóm giải pháp về tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ và nhóm giải pháp về hiện đại hóa công nghệ Kho bạc Nhà nước.

- Luận án “*Đổi mới kiểm soát chi ngân sách thường xuyên của chính quyền địa phương các cấp tại Kho bạc Nhà nước*” năm 2015 của NCS Nguyễn Quang Hưng, tại Học viện Tài chính, tác giả đã hệ thống hóa phân tích làm rõ thêm những vấn đề lý luận về: Chi thường xuyên NSNN của chính quyền địa phương các cấp tại Kho bạc Nhà nước; đã đi sâu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác kiểm soát chi thường xuyên của chính quyền địa phương và đưa ra được một số giải pháp và kiến nghị về quy trình, về chế độ và ý thức chấp hành các quy định về tài chính của các đơn vị sử dụng ngân sách.

Các đề tài luận văn trên đều là những công trình khoa học có giá trị cao, và là những tài liệu tham khảo hữu ích góp phần giúp cho tôi trong quá trình thực hiện và hoàn thành luận văn. Tất cả các công trình trên đã xây dựng được cơ sở lý luận về kiểm soát chi tại KBNN và đã phân tích làm rõ được thực trạng các vấn đề:

Về kiểm soát chi ngân sách xã đối với chi thanh toán cá nhân, chi hàng hoá dịch vụ; Về kiểm soát chi bằng dự toán tại KBNN; Về chi thường xuyên NSNN của chính quyền địa phương các cấp tại KBNN; Về chế độ kiểm soát thanh toán các khoản chi NSNN theo Luật NSNN 2015; Về cải cách thủ tục hành chính hiện đại hoá hướng tới kiểm soát chi điện tử. Đồng thời, các tác giả cũng đã đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát chi NSNN tại KBNN đáng ghi nhận và đã nhận mạnh được tầm quan trọng của việc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực kiểm soát chi tại KBNN. Tuy nhiên vẫn chưa xuất hiện các công trình nghiên cứu một cách toàn diện chuyên sâu về kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN. Do vậy, vấn đề tiếp tục nghiên cứu về kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN vẫn là một vấn đề thời sự cần được quan tâm, để nó nâng cao chất lượng kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN góp phần làm minh bạch, lành mạnh vấn đề chi tiêu ngân sách trong giai đoạn hiện nay.

1.3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu là: hệ thống hóa cơ sở lý luận về công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại Kho bạc Nhà nước, phân tích và đánh giá thực trạng của công tác kiểm soát chi thường xuyên tại Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa.
- Nhiệm vụ nghiên cứu là: đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa bảo đảm cho việc quản lý, sử dụng NSNN một cách chặt chẽ, hợp lý, chính xác, đúng quy định, đúng chế độ và có hiệu quả, góp phần thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí tài sản công.

1.4. Câu hỏi nghiên cứu

Kiểm soát chi NSNN qua KBNN thông qua:

- Quy trình kiểm soát chi thường xuyên qua KBNN? Nội dung công tác KSC thường xuyên NSNN qua KBNN như thế nào?
- Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả KSC thường xuyên NSNN qua KBNN?
- Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả KSC thường xuyên NSNN qua KBNN?

- Thực trạng KSC thường xuyên NSNN qua KBNN Hiệp Hòa như thế nào? Các kết quả, hạn chế và nguyên nhân của các kết quả và hạn chế như thế nào?

- Các giải pháp nào cần thực hiện để hoàn thiện KSC thường xuyên NSNN qua KBNN Hiệp Hòa?

1.5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Kiểm soát chi thường xuyên NSNN

- Phạm vi nghiên cứu: Hoạt động kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với số liệu từ năm 2016 đến năm 2018.

1.6. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập thông tin, số liệu

Thu thập dữ liệu thứ cấp: Được sử dụng để thu thập các dữ liệu thứ cấp bên trong như các Báo cáo chi NSNN Hiệp Hòa,... và dữ liệu thứ cấp bên ngoài như: các sách chuyên khảo, bài báo, tạp chí,... liên quan tới kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN.

- Phương pháp tổng hợp số liệu

Phương pháp tổng hợp số liệu: Toàn bộ số liệu thu thập được xử lý bởi chương trình Tabmis, chương trình tổng hợp báo cáo. Đối với những thông tin là số liệu định lượng thì tiến hành tính toán các chỉ tiêu cần thiết như số tuyệt đối, số tương đối, số trung bình và lập thành các bảng biểu, đồ thị nhằm đánh giá, phân tích thực trạng kiểm soát thanh toán từ NSNN qua KBNN huyện Hiệp Hòa.

- Phương pháp xử lý số liệu

Phương pháp phân tích số liệu: Phương pháp so sánh nhằm đánh giá xu hướng biến động, tỷ trọng của các chỉ tiêu kinh tế phản ánh thực trạng kiểm soát thanh toán chi thường xuyên từ NSNN qua KBNN huyện Hiệp Hòa. Ví dụ như so sánh tổng số vốn thanh toán chi thường xuyên từ KBNN huyện Hiệp Hòa năm này so với năm trước.

1.7. Những đóng góp mới của luận văn

Luận văn hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại Kho bạc Nhà nước, phân tích thực trạng vấn đề kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, chỉ ra những tồn tại, hạn chế từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm soát chi thường xuyên tại Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Cụ thể như: đổi mới cơ chế quản lý NSNN và cơ chế quản lý tài chính của các đơn vị sử dụng NSNN; ứng dụng dịch vụ công vào trong quy trình kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại Kho bạc Nhà nước giúp khách hàng có thể tiết kiệm thời gian, nhanh chóng, hiệu quả; nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ Kho bạc...

1.8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mục lục, Danh mục từ viết tắt, Danh mục bảng, hình vẽ, sơ đồ, Danh mục tài liệu tham khảo, Kết luận, luận văn được chia thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan về đề tài nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận chung về kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại Kho bạc Nhà nước

Chương 3: Thực trạng kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Chương 4: Giải pháp hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

2.1. Tổng quan về chi thường xuyên NSNN

2.1.1. Ngân sách Nhà nước

NSNN là một phạm trù lịch sử, phản ánh các quan hệ kinh tế trong điều kiện kinh tế hàng hóa – tiền tệ và được sử dụng như một công cụ để thực hiện chức năng của Nhà nước. Sự ra đời và tồn tại của NSNN gắn liền với sự tồn tại và phát triển của Nhà nước.

Theo Luật NSNN được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 25/06/2015: *“Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước”*.

NSNN phản ánh các quan hệ phân phối cơ bản của nền tài chính quốc gia. Về mặt kinh tế, NSNN thể hiện trong mối quan hệ kinh tế - tài chính giữa nhà nước với các chủ thể của nền kinh tế trong quá trình hình thành, phân bổ và sử dụng NSNN, quá trình phân phối và phân phối lại thu nhập... nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của Nhà nước.

NSNN có tính niên hạn với niên độ nay năm tài khoá thường là một năm. Năm NS là giai đoạn mà trong đó dự toán thu chi - tài chính của Nhà nước đã được phê chuẩn có hiệu lực thi hành. Ở nước ta hiện nay, năm NS bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. NSNN được quản lý thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp quản lý, gắn quyền hạn với trách nhiệm. Trong đó, Quốc hội là cơ quan cao nhất có quyền quyết định dự toán và phê chuẩn quyết toán NSNN.

NSNN có hai chức năng cơ bản là chức năng phân phối và chức năng giám

đốc. Chức năng phân phối của NSNN thể hiện qua thu, chi NSNN - phân phối các nguồn lực tài chính để thực hiện các chức năng nhiệm vụ mà Nhà nước đảm đương trước xã hội trong từng giai đoạn, từng thời kỳ. Chức năng giám đốc thể hiện ở việc giám sát, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra bằng đồng tiền gắn với quá trình thu, chi NSNN.

NSNN có vai trò rất to lớn trong đời sống kinh tế - xã hội hiện đại. Vai trò đó thể hiện trên các mặt như: vừa là công cụ huy động nguồn tài chính để đảm bảo thực hiện chức năng của Nhà nước, vừa là công cụ điều tiết vĩ mô kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục những khiếm khuyết của kinh tế thị trường, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, góp phần bảo vệ môi trường. NSNN có hai nội dung cơ bản là thu NSNN và chi NSNN.

2.1.2. Chi thường xuyên NSNN

2.1.2.1. Chi NSNN

Chi NSNN là quá trình phân phối lại các nguồn tài chính đã được tập trung vào NSNN và đưa chúng đến mục đích sử dụng cho từng hoạt động, từng công việc thuộc chức năng của Nhà nước. Nó chính là các khoản chi tiêu của các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý hành chính, các đơn vị sự nghiệp được tài trợ và kiểm soát bởi Chính phủ. Thông qua các khoản chi tiêu, NSNN cung ứng lại cho xã hội nguồn tài chính đã được thu về từ các khoản nộp thuế, phí, lệ phí,...bằng việc cung cấp hàng hoá công cộng cần thiết cho xã hội. Với cơ chế này, Nhà nước thực hiện tái phân phối thu nhập xã hội công bằng hơn, bảo đảm nền kinh tế tăng trưởng bền vững và ổn định, khắc phục các khuyết tật của nền kinh tế thị trường.

Chi NSNN bao gồm nhiều khoản chi khác nhau tùy theo cách phân loại. Theo lĩnh vực hoạt động, chi NSNN bao gồm: chi quản lý hành chính, chi đầu tư kinh tế, chi cho y tế, chi cho giáo dục, chi cho phúc lợi xã hội, chi cho an ninh quốc phòng; theo mục đích chi tiêu, chi NSNN bao gồm chi tích lũy, chi tiêu dùng; theo thời hạn tác động của các khoản chi, chi NSNN bao gồm: chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển và chi khác (như chi cho vay, trả nợ, viện trợ...).

Chi thường xuyên là nhóm chi NSNN đặc biệt quan trọng, gồm rất nhiều khoản chi và bao quát nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

2.1.2.2. Chi thường xuyên NSNN

Chi thường xuyên NSNN là quá trình phân phối, sử dụng một phần vốn NSNN để đáp ứng cho các nhu cầu chi gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ của Nhà nước về lập pháp, hành pháp, tư pháp và một số dịch vụ công cộng khác Nhà nước phải cung ứng.

Theo Luật NSNN năm 2015: *“Chi thường xuyên là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức khác và thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh”*.

Về thực chất, chi thường xuyên NSNN là quá trình phân phối lại nguồn vốn từ quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước nhằm duy trì hoạt động bình thường của bộ máy Nhà nước gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ mà Nhà nước đảm nhiệm.

Chi thường xuyên là các khoản chi có thời hạn tác động ngắn thường dưới một năm chủ yếu phục vụ cho chức năng quản lý, điều hành xã hội một cách thường xuyên của Nhà nước.

2.1.2.3. Đặc điểm chi thường xuyên NSNN

Chi thường xuyên NSNN có vai trò rất quan trọng, vai trò đó thể hiện trên các mặt cụ thể như sau:

- Chi thường xuyên có tác động trực tiếp đến việc thực hiện các chức năng của Nhà nước về quản lý kinh tế, xã hội, là một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định đến chất lượng, hiệu quả của bộ máy quản lý Nhà nước.
- Chi thường xuyên là công cụ để Nhà nước thực hiện mục tiêu ổn định và điều chỉnh thu nhập, hỗ trợ người nghèo, gia đình chính sách, thực hiện các chính sách xã hội,... góp phần thực hiện mục tiêu bảo đảm công bằng xã hội.
- Thông qua chi thường xuyên, Nhà nước thực hiện điều tiết, điều chỉnh thị

trường để thực hiện các mục tiêu của Nhà nước. Nói cách khác, chi thường xuyên được xem là một trong những công cụ kích thích phát triển và điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

- Chi thường xuyên là công cụ ổn định chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh. Thông qua chi thường xuyên, Nhà nước thực hiện các chính sách xã hội, đảm bảo ổn định, an toàn xã hội và an ninh, quốc phòng.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ chi thường xuyên còn có ý nghĩa rất lớn trong việc phân phối và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính của đất nước, tạo điều kiện giải quyết tốt mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng. Chi thường xuyên hiệu quả và tiết kiệm sẽ tăng tích lũy vốn NSNN để chi cho đầu tư phát triển, thúc đẩy kinh tế phát triển, nâng cao niềm tin của nhân dân vào vai trò quản lý điều hành của Nhà nước.

2.1.2.4. Nhiệm vụ chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước

Chi thường xuyên NSNN có phạm vi rộng, gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Nhà nước. Khoản chi này mang tính chất tiêu dùng, quy mô và cơ cấu chi thường xuyên phụ thuộc chủ yếu vào tổ chức bộ máy NN

Nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách phụ thuộc vào việc phân cấp quản lý hành chính - kinh tế của mỗi cấp chính quyền. Các khoản chi của từng cấp ngân sách nội dung có thể giống nhau nhưng khác nhau về mức độ và đối tượng chi.

Nhiệm vụ chi thường xuyên của NSNN bao gồm:

- + Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo dạy nghề: Đây là khoản chi mà tầm quan trọng của nó là nhằm nâng cao dân trí, trình độ chuyên môn kỹ thuật của mọi người dân trong xã hội góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bao gồm: chi về giáo dục phổ thông, hệ mẫu giáo, hệ tiểu học, hệ trung học, và hệ bổ túc văn hóa; Chi về đào tạo sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác; Chi cho các chương trình quốc gia về giáo dục và đào tạo: chương trình phổ cập giáo dục tiểu học, chống xuống cấp trường học, tăng cường giáo dục miền núi; Các khoản chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo khác.

+ Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: là các khoản chi cho nghiên cứu, ứng dụng, phổ biến tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới nhằm hiện đại hóa khoa học, công nghệ. Từ đó giúp nâng cao năng suất lao động, cải thiện môi trường làm việc, tăng năng lực cạnh tranh cho mỗi quốc gia cả về kinh tế, cả về xã hội.

+ Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: là chi quốc phòng để phòng thủ và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, chống lại sự xâm lược, tấn công của các thế lực bên ngoài; Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội để bảo vệ và giữ gìn chế độ xã hội, an ninh dân cư trong nước, tạo ra sự yên bình cho người dân. Quy mô của khoản chi này phụ thuộc vào sự biến động chính trị, xã hội, trong nước và các yếu tố bất ổn từ bên ngoài.

+ Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: là các khoản chi cho đảm bảo sức khỏe cộng đồng, khám chữa bệnh cho người dân. Trong khuôn khổ nhất định, chi tài chính công phải đáp ứng kinh phí cho hoạt động khám chữa bệnh của một số đối tượng như trẻ nhỏ, những người thuộc diện chính sách xã hội. Chi tài chính công tập trung chủ yếu vào chi cho y tế dự phòng, y tế công cộng nhằm đảm bảo sức khỏe chung của cộng đồng, chi cho công tác về dân số kế hoạch hoá gia đình.

+ Chi sự nghiệp văn hóa thể dục thể thao, phát thanh, truyền hình: là các khoản chi cho hoạt động văn học, nghệ thuật, bảo tàng, truyền thanh, truyền hình, báo chí, thể dục, thể thao,... khoản chi này không chỉ nhằm mục đích nâng cao trình độ dân trí, nâng cao sức khỏe về tinh thần cho người dân mà còn góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần khẳng định và nâng cao hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế.

+ Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: là chi thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước bảo đảm.

+ Chi các hoạt động kinh tế: là các khoản chi nhằm đảm bảo hoạt động cho các đơn vị cung ứng hàng hóa, dịch vụ phục vụ trực tiếp cho các hoạt động kinh

tế như đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp; thủy lợi; khí tượng; thủy văn,...

+ Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: là các khoản chi để đảm bảo hoạt động của hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương như chi cho hệ thống cơ quan quyền lực, cơ quan hành chính, cơ quan chuyên môn các cấp, viện kiểm sát và tòa án, chi cho hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp

+ Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật: là các khoản chi thực hiện những chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng; Chi để giúp đỡ đời sống nhân dân ở những vùng xảy ra thiên tai và những sự cố bất ngờ; Chi cho các trại xã hội. Chi cho sự nghiệp xã hội chủ yếu là do ngân sách nhà nước đài thọ, bên cạnh đó còn có nguồn do các đơn vị kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước quyên góp, ủng hộ của nhân dân. Khoản chi này đã góp phần giảm nhẹ những khó khăn về đời sống của một số đối tượng nhất định và hình thành thu nhập về phúc lợi xã hội cho những đối tượng đó.

Ngoài các khoản chi trên, một số khoản chi không phát sinh đều đặn và liên tục trong các tháng của năm nhưng vẫn thuộc về chi thường xuyên như chi trợ giá theo chính sách của Nhà nước, chi hỗ trợ quỹ bảo hiểm xã hội, trả lãi, nợ của Chính phủ,...

2.2. Kiểm soát chi thường xuyên NSNN

2.2.1. Đặc điểm kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN

Một là, đại bộ phận các khoản chi thường xuyên mang tính ổn định khá rõ nét, nguồn lực tài chính trang trải cho các khoản chi thường xuyên được phân bổ tương đối đều giữa các quý trong năm, giữa các tháng trong quý, giữa các năm trong kỳ kế hoạch.

Tính ổn định, có chu kỳ của chi thường xuyên bắt nguồn từ tính ổn định

trong từng hoạt động cụ thể mà mỗi bộ phận cụ thể thuộc guồng máy của Nhà nước phải thực hiện. Do chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc bộ máy Nhà nước như các khoản mua sắm tài sản, trang thiết bị, phương tiện vật tư, hệ số lương, thưởng của CBCC thường không có xu hướng biến động mạnh trong một khoảng thời gian ngắn. Theo đó, các khoản chi thường xuyên cũng không có xu hướng biến động mạnh trong một khoảng thời gian ngắn.

Hai là, xét theo cơ cấu chi NSNN ở từng niên độ và mục đích sử dụng cuối cùng của vốn cấp phát thì đa số các khoản chi thường xuyên của NSNN có hiệu lực tác động trong khoảng thời gian ngắn và mang tính chất tiêu dùng xã hội, không làm tăng thêm tài sản hữu hình của quốc gia. Nếu chi đầu tư phát triển nhằm tạo ra các cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế trong tương lai, thì chi thường xuyên lại chủ yếu đáp ứng nhu cầu thực hiện các nhiệm vụ của Nhà nước về quản lý kinh tế, quản lý xã hội ngay trong năm ngân sách. Hầu hết các khoản chi thường xuyên nhằm trang trải cho các nhu cầu về quản lý hành chính, hoạt động sự nghiệp, về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, và các hoạt động xã hội khác do Nhà nước tổ chức. Các hoạt động này hầu như không trực tiếp tạo ra của cải vật chất. Tuy nhiên, những khoản chi thường xuyên có tác dụng quan trọng đối với phát triển kinh tế vì nó tạo ra một môi trường kinh tế ổn định, nâng cao chất lượng lao động thông qua các khoản chi cho giáo dục - đào tạo.

Hiệu quả của chi thường xuyên không thể đánh giá, xác định cụ thể như chi cho đầu tư phát triển. Hiệu quả của nó không chỉ đơn thuần về mặt kinh tế mà được thể hiện qua sự ổn định chính trị - xã hội từ đó thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.

Ba là, phạm vi mức độ chi thường xuyên NSNN gắn liền với cơ cấu tổ chức của bộ máy Nhà nước và sự lựa chọn của Nhà nước trong việc cung ứng hàng hoá công cộng hay chính sách kinh tế, chính trị, xã hội qua từng thời kỳ. Bởi lẽ, phần lớn các khoản chi thường xuyên nhằm duy trì bảo đảm hoạt động bình thường, hiệu quả của bộ máy quản lý Nhà nước. Hơn nữa, những quan

điểm, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước cũng ảnh hưởng trực tiếp đến việc định hướng, phạm vi và mức độ chi thường xuyên NSNN.

Với tư cách là một quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước nên tất yếu quá trình phân phối và sử dụng vốn NSNN luôn phải hướng vào việc đảm bảo sự hoạt động bình thường của bộ máy Nhà nước đó. Nếu một khi bộ máy quản lý Nhà nước gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả thì số chi thường xuyên cho bộ máy Nhà nước sẽ giảm bớt và ngược lại. Bên cạnh đó việc lựa chọn phạm vi và mức độ cung ứng các hàng hóa công cộng cũng sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến phạm vi và mức độ chi thường xuyên của NSNN.

2.2.2. Sự cần thiết của việc kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN

Thứ nhất, quỹ NSNN được hình thành chủ yếu từ tiền thuế của dân và khai thác tài nguyên quốc gia, ngoài ra còn có các khoản viện trợ (hoàn lại và không hoàn lại). Do đó, cần phải tổ chức quản lý chi NSNN một cách phân minh, tiết kiệm và thận trọng để phát huy hiệu quả của NSNN. Đặc biệt về phương diện tài chính, kiểm soát chi NSNN là điều cần thiết, vì quy mô chi tiêu NSNN rất lớn, có ảnh hưởng đến toàn bộ các vấn đề kinh tế, xã hội của đất nước. Mặt khác, lợi ích của các khoản chi NSNN mang lại thường ít gắn liền với lợi ích cụ thể, cục bộ dẫn đến sự quan tâm của người sử dụng vốn NSNN phần nào bị hạn chế. Do đó, kiểm soát chi NSNN nói chung và kiểm soát chi thường xuyên nói riêng sẽ hạn chế việc chi tiêu sai mục đích, lãng phí, nâng cao hiệu quả của chi tiêu NSNN đối với sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

Thứ hai, xuất phát từ chính nguyên tắc quản lý NSNN là “đảm bảo trách nhiệm”. Do đó, cần phải phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý NSNN đối với hoạt động thu - chi NSNN. Qua đó, nâng cao trách nhiệm, cũng như phát huy được vai trò của các ngành, các cấp, các đơn vị, cơ quan liên quan đến công tác quản lý và sử dụng quỹ NSNN. Trong kiểm soát chi thường xuyên NSNN là một khâu không thể tách rời trong quy trình quản lý NSNN để đảm

bảo tính trách nhiệm trong quá trình phân phối, sử dụng quỹ NSNN.

Thứ ba, xuất phát từ yêu cầu nội tại của công cuộc đổi mới về cơ chế quản lý tài chính nói chung và đổi mới cơ chế quản lý NSNN nói riêng, đòi hỏi mọi khoản chi phải đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả. Đặc biệt trong điều kiện khả năng NSNN còn hạn hẹp mà nhu cầu chi phát triển kinh tế - xã hội ngày càng tăng thì việc kiểm soát chặt chẽ các khoản chi nói chung và chi thường xuyên NSNN nói riêng thực sự là một trong những vấn đề trọng yếu trong công cuộc đổi mới quản lý tài chính, quản lý NSNN. Thực hiện tốt công tác này có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, tập trung nguồn lực tài chính để phát triển kinh tế - xã hội, ổn định tiền tệ, lành mạnh hóa nền tài chính quốc gia; Đồng thời nâng cao trách nhiệm cũng như phát huy được vai trò của các ngành, các cấp, đơn vị liên quan đến công tác quản lý và điều hành NSNN. Đặc biệt là hệ thống KBNN sẽ kiểm soát, thanh toán trực tiếp từng khoản chi thường xuyên NSNN cho các đối tượng sử dụng đúng chức năng, nhiệm vụ đã được Nhà nước giao, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn NSNN.

Thứ tư, do đặc thù của các khoản chi NSNN thường không mang tính chất hoàn trả trực tiếp, các đơn vị sử dụng NSNN “hoàn trả” cho Nhà nước bằng “kết quả công việc” đã được Nhà nước giao. Tuy nhiên việc đánh giá kết quả các khoản chi NSNN bằng chỉ tiêu định lượng trong một số trường hợp gặp khó khăn và không toàn diện. Do vậy, cần thiết phải có cơ quan Nhà nước có chức năng, nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, kiểm soát các khoản chi NSNN để đảm bảo cho việc chi trả của Nhà nước phù hợp với nhiệm vụ đã giao.

Thứ năm, thông qua kiểm soát chi thường xuyên, KBNN đã góp phần quản lý tiền mặt, quản lý phương tiện thanh toán. KBNN tăng cường sử dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và triệt để thực hiện nguyên tắc thanh toán trực tiếp cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ, hạn chế tối đa việc sử dụng tiền mặt, qua đó quản lý được mục đích chi tiêu đồng thời tiết kiệm các chi phí về kiểm đếm, đóng gói, bảo quản, vận chuyển, tiết kiệm được nhân lực của ngành.

Như vậy, xuất phát từ tình hình thực tế trong vấn đề chi NSNN, cũng như những lý luận được phân tích với nhiệm vụ là “trạm gác kiểm soát cuối cùng”, việc KBNN thực hiện kiểm soát chi NSNN nói chung và kiểm soát chi thường xuyên nói riêng là hết sức cần thiết và cấp bách.

2.2.3. Nguyên tắc kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN

Một là, tất cả các khoản chi NSNN phải được kiểm tra, kiểm soát trong quá trình chi trả, thanh toán. Các khoản chi phải có trong dự toán NSNN được giao, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cấp có thẩm quyền quy định và đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách hoặc người được ủy quyền quyết định chi.

Hai là, mọi khoản chi NSNN được hạch toán bằng đồng Việt Nam theo niên độ ngân sách, cấp ngân sách và mục lục ngân sách Nhà nước. Các khoản chi NSNN bằng ngoại tệ, hiện vật, ngày công lao động được quy đổi và hạch toán bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá ngoại tệ, giá hiện vật, ngày công lao động do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

Ba là, việc thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua KBNN thực hiện theo nguyên tắc trực tiếp từ KBNN cho người hưởng lương, trợ cấp xã hội và người cung cấp hàng hóa dịch vụ; trường hợp chưa thực hiện được việc thanh toán trực tiếp, KBNN thực hiện thanh toán qua đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

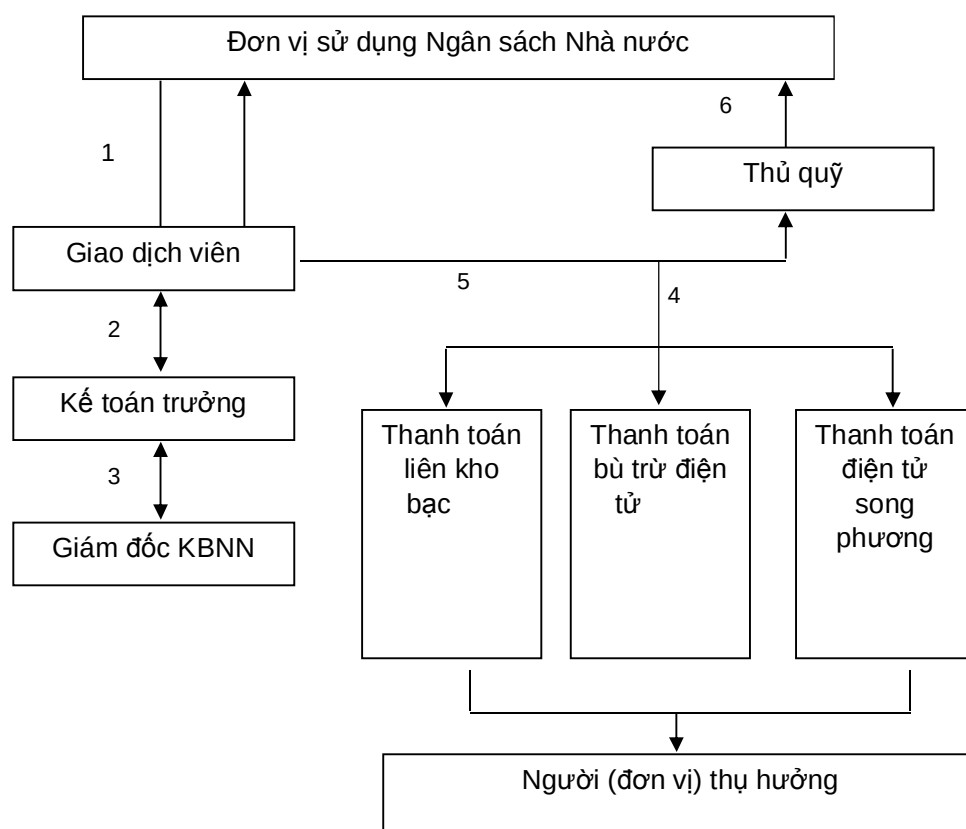
Bốn là, trong quá trình kiểm soát, thanh toán, quyết toán chi NSNN các khoản chi sai phải thu hồi giảm chi hoặc nộp ngân sách. Căn cứ vào quyết định của cơ quan tài chính hoặc quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, KBNN thực hiện việc thu hồi cho NSNN theo đúng trình tự quy định.

2.2.4. Quy trình và nội dung kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN

KBNN tổ chức thực hiện theo CV 743/KBNN-THPC Về việc hướng dẫn thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong hệ thống KBNN thực hiện cơ chế “một cửa một giao dịch viên” trong kiểm soát chi NSNN (người giải quyết hồ sơ kiểm soát chi đồng thời là người tiếp nhận hồ sơ), bảo đảm các

nguyên tắc: Khách hàng chỉ gặp một cán bộ KBNN trong việc giải quyết hồ sơ kiểm soát chi; Giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện cho cá nhân, tổ chức; việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được thực hiện không quá một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ. Sau khi nhận hồ sơ từ khách hành, các giao dịch viên kiểm tra tính đầy đủ hợp pháp của hồ sơ nếu đủ điều kiện thực hiện giải quyết hồ sơ, nếu hồ sơ còn thiếu thì yêu cầu khách hàng bổ sung và trả kết quả cho khách hàng.

2.2.4.1. Quy trình kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN



Sơ đồ 2.1. Quy trình kiểm soát chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước qua KBNN

* Các bước thực hiện quy trình

- (1) Đơn vị sử dụng NSNN lập gửi hồ sơ, chứng từ đến Giao dịch viên
- (2) Giao dịch viên tiếp nhận hồ sơ, chứng từ và kiểm soát theo quy định, nhập vào hệ thống, ký chứng từ giấy và chuyển đến Kế toán trưởng.

(3) Kế toán trưởng kiểm tra và ký kiểm soát trên hệ thống và ký chứng từ giấy, trình Giám đốc KBNN duyệt

(4) Nếu chứng từ chuyển tiền (chuyển khoản), Giao dịch viên lựa chọn kênh thanh toán phù hợp để chuyển tiền

(5) Nếu chi tiền mặt Giao dịch viên chuyển chứng từ tiền mặt sang Kho quỹ

(6) Thủ quỹ chi tiền, đồng thời thủ quỹ trả chứng từ tiền mặt cho người nhận tiền

(7) Giao dịch viên tách hồ sơ (kiểm soát chi), chứng từ kế toán đã xử lý xong, không phải chứng từ tiền mặt trả cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

2.2.4.2. Nội dung kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN

a. Hình thức chi trả các khoản chi thường xuyên NSNN tại KBNN

v Theo hình thức rút dự toán từ KBNN

Đối tượng chi trả, thanh toán theo dự toán NSNN từ KBNN gồm: Các khoản chi thường xuyên trong dự toán được giao của các cơ quan, đơn vị sau: các cơ quan hành chính Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội, chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp được NSNN hỗ trợ kinh phí thường xuyên, các tổng công ty nhà nước được hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ thường xuyên theo quy định của pháp luật.

Quy trình chi trả, thanh toán theo dự toán từ KBNN: Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chi, thủ trưởng ĐVSDNS lập giấy rút dự toán NSNN kèm theo hồ sơ thanh toán gửi KBNN nơi giao dịch để làm căn cứ kiểm soát, thanh toán.

KBNN kiểm tra, kiểm soát các hồ sơ thanh toán của đơn vị sử dụng NSNN theo quy định, nếu đủ điều kiện theo quy định, thì thực hiện thanh toán trực tiếp cho người hưởng lương, trợ cấp xã hội và người cung cấp hàng hoá, dịch vụ hoặc thanh toán qua đơn vị sử dụng NSNN.

Khi thực hiện chi trả, thanh toán theo dự toán từ KBNN, KBNN thực hiện chi cho đơn vị sử dụng NSNN theo đúng các mục chi thực tế trong phạm vi dự toán NSNN giao.

v Theo hình thức Lệnh chi tiền

Đối tượng thực hiện chi trả, thanh toán bằng hình thức lệnh chi tiền bao gồm: Chi cho các đơn vị, các tổ chức kinh tế, xã hội không có quan hệ thường xuyên với ngân sách nhà nước; chi trả nợ nước ngoài; chi cho vay của ngân sách nhà nước; chi kinh phí ủy quyền (đối với các khoản ủy quyền có lượng vốn nhỏ, nội dung chi rõ) theo quyết định của Thủ trưởng cơ quan tài chính; một số khoản chi khác theo quyết định của Thủ trưởng cơ quan tài chính.

Trách nhiệm của cơ quan tài chính, KBNN trong việc kiểm soát, thanh toán theo hình thức lệnh chi tiền: Cơ quan tài chính chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát nội dung, tính chất của từng khoản chi, bảo đảm các điều kiện cấp phát NSNN theo chế độ quy định; KBNN thực hiện xuất quỹ NSNN và thanh toán cho đơn vị sử dụng NSNN theo nội dung ghi trong lệnh chi tiền của cơ quan tài chính. KBNN chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ, tổ chức hạch toán theo đúng Mục lục NSNN.

b. Phương thức chi trả chi thường xuyên NSNN tại KBNN

Việc chi trả kinh phí NSNN cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc thanh toán trực tiếp từ KBNN cho người hưởng lương và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Đối với các khoản chi chưa có điều kiện thực hiện việc chi trả trực tiếp, KBNN tạm ứng hoặc thanh toán cho đối tượng thụ hưởng qua đơn vị sử dụng ngân sách. Các phương thức chi trả cụ thể như sau:

V Phương thức cấp tạm ứng

- Đối tượng cấp tạm ứng: là các khoản chi hành chính như văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, tiền điện, nước, tiền nhiên liệu,... và các khoản chi mua sắm TS, sửa chữa xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn TS cố định chưa đủ điều kiện cấp phát, thanh toán trực tiếp hoặc tạm ứng theo hợp đồng.

- Trình tự, thủ tục cấp tạm ứng:

- + Đơn vị sử dụng NSNN gửi KBNN các hồ sơ, tài liệu liên quan đến từng khoản chi kèm theo giấy rút dự toán NSNN (tạm ứng), trong đó ghi rõ nội dung tạm ứng để KBNN có căn cứ để giải quyết và theo dõi khi thanh toán tạm ứng.

+ KBNN kiểm tra, kiểm soát nội dung các hồ sơ, tài liệu, nếu đủ điều kiện theo quy định thì cấp tạm ứng cho đơn vị.

- Thanh toán tạm ứng:

Khi thanh toán tạm ứng, đơn vị sử dụng NSNN có trách nhiệm gửi đến KBNN giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, kèm theo các hồ sơ, chứng từ liên quan để KBNN kiểm soát thanh toán.

Trường hợp đủ điều kiện quy định, KBNN thanh toán tạm ứng cho đơn vị sử dụng NSNN:

Nếu số đề nghị thanh toán lớn hơn số đã tạm ứng, KBNN làm thủ tục chuyển từ cấp tạm ứng sang cấp phát thanh toán (số đã tạm ứng) và yêu cầu đơn vị lập giấy rút dự toán NSNN để cấp thanh toán bổ sung cho đơn vị (số đã đề nghị thanh toán lớn hơn số đã tạm ứng).

Nếu số đề nghị thanh toán nhỏ hơn số đã cấp tạm ứng: căn cứ giấy đề nghị thanh toán tạm ứng của đơn vị. KBNN làm thủ tục chuyển từ cấp tạm ứng sang cấp phát thanh toán (bằng số đề nghị thanh toán tạm ứng) và tiếp tục theo dõi số tạm ứng còn lại.

V Phương thức cấp thanh toán

- Các khoản thanh toán gồm: Các khoản chi thanh toán cá nhân; các khoản chi đủ điều kiện thanh toán trực tiếp; các khoản tạm ứng đủ điều kiện chuyển từ tạm ứng sang thanh toán tạm ứng.

- Mức thanh toán: Mức thanh toán căn cứ vào hồ sơ, chứng từ chi NSNN theo đề nghị của đơn vị. Mức thanh toán tối đa không được vượt quá dự toán chi thường xuyên NSNN năm được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao (bao gồm chi cả tạm ứng chưa được thu hồi).

- Trình tự, thủ tục thanh toán:

Khi có nhu cầu chi trả, thanh toán, các đơn vị sử dụng NSNN gửi KBNN các hồ sơ, tài liệu, chứng từ thanh toán có liên quan theo chế độ quy định.

KBNN kiểm tra, kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, chứng từ; đối chiếu với dự toán NSNN được giao. Trường hợp đủ điều kiện như quy định thì

thực hiện thanh toán trực tiếp cho các đơn vị cung cấp hàng hoá, dịch vụ hoặc thanh toán, chi trả qua đơn vị sử dụng NS.

▼ Phương thức tạm cấp

Trường hợp vào đầu năm NS, dự toán NS và phương án phân bổ dự toán NSNN chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định, hoặc phải điều chỉnh dự toán NSNN theo quy định, cơ quan tài chính và KBNN thực hiện tạm cấp kinh phí NSNN cho các nhiệm vụ chi sau: Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương; Chi nghiệp vụ và công vụ phí; Một số khoản chi cần thiết khác để đảm bảo hoạt động của bộ máy, trừ các khoản chi mua sắm thiết bị, sửa chữa; Chi cho dự án chuyển tiếp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia; Chi bổ sung cân đối NS cấp dưới.

Mức tạm cấp hàng tháng tối đa không vượt quá mức chi bình quân 01 tháng của năm trước. Sau khi dự toán và phương án phân bổ dự toán NSNN được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định, KBNN thực hiện thu hồi số kinh phí tạm cấp bằng cách trừ vào các mục chi tương ứng trong dự toán NSNN được phân bổ của đơn vị sử dụng NSNN.

▼ Phương thức chi ứng trước dự toán cho năm sau

Đối tượng chi ứng trước dự toán NSNN được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Căn cứ vào quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, KBNN thực hiện chi ứng trước cho đơn vị sử dụng NSNN theo quy định nhưng tổng số chi ứng trước dự toán chi NS năm sau cho các cơ quan đơn vị không vượt quá 20% dự toán chi NSNN từng lĩnh vực tương ứng năm hiện hành đã được giao hoặc số kiểm tra dự toán chi NSNN đã thông báo cho cơ quan, đơn vị đó.

KBNN thực hiện việc thu hồi vốn ứng trước theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính đối với NSTW; Chủ tịch UBND đối với NS các cấp chính quyền địa phương.

c. Kiểm soát điều kiện chi trả thanh toán

▼ Các khoản chi phải có trong dự toán được giao

Khi nhận được dự toán chi NS được cấp có thẩm quyền giao đơn vị dự toán cấp I lập phương án phân bổ chi thường xuyên giao cho đơn vị sử dụng NS trực thuộc, chi tiết Loại, Khoản. Trong đó giao cụ thể nguồn tiết kiệm 10% tăng thêm (nếu có) theo quy định để thực hiện cải cách tiền lương.

Riêng đối với cơ quan Nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, việc phân bổ và giao dự toán chi tiết theo 2 phần: phần dự toán chi NSNN giao thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm; phần dự toán chi NSNN giao không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính việc phân bổ và giao dự toán thu, chi NSNN căn cứ vào nhiệm vụ được giao, phân loại đơn vị sự nghiệp, dự toán kinh phí NSNN bảo đảm hoạt động thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động và đơn vị sự nghiệp do NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động); dự toán chi tiết theo 2 phần: phần dự toán chi NSNN bảo đảm hoạt động thường xuyên, phần dự toán chi hoạt động không thường xuyên.

v Các khoản chi phải đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi

KBNN thực hiện kiểm soát, thanh toán các khoản chi thuộc nội dung chi được giao tự chủ, khoản chi bảo đảm hoạt động thường xuyên theo chế độ tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ do đơn vị tự xây dựng.

Nội dung chi, mức chi, chế độ chi, tiêu chuẩn định mức trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị không được vượt quá chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

Trường hợp đơn vị thực hiện chế độ tự chủ quyết định chi vượt quá mức chi quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ, nhưng không vượt quá mức chi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, thì KBNN chỉ chấp nhận thanh toán khi có văn bản đề nghị của thủ trưởng đơn vị.

Trường hợp đơn vị thực hiện chế độ tự chủ chưa gửi quy chế chi tiêu nội

bộ và quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đến KBNN nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch, thì KBNN thực hiện kiểm soát chi cho đơn vị theo các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

v Các khoản chi phải được thủ trưởng đơn vị hoặc người được uỷ quyền chuẩn chi

Chuẩn chi là đồng ý chi, cho phép chi hoặc quyết định chi trong quản lý và điều hành NSNN. Khi kiểm soát hồ sơ thanh toán, KBNN phải kiểm soát việc quyết định chi của chủ tài khoản đối với bất kỳ khoản chi nào hay gọi là kiểm tra lệnh chuẩn chi. Thẩm quyền chi phải là người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc người được uỷ quyền đã được đăng ký chữ ký bằng tay, mẫu dấu của cơ quan, đơn vị và quyết định bổ nhiệm, văn bản uỷ quyền với cơ quan KBNN nơi giao dịch. Đối với các khoản chi theo hình thức chi theo dự toán từ KBNN, lệnh chuẩn chi là “Giấy rút dự toán NSNN” của đơn vị sử dụng NSNN. Giấy rút dự toán NSNN phải ghi rõ ràng, đầy đủ các yếu tố theo mẫu quy định.

Đối với các khoản chi được cơ quan tài chính cấp trực tiếp bằng lệnh chi tiền. KBNN có trách nhiệm thanh toán, chi trả kinh phí NSNN cho đơn vị sử dụng mà không phải kiểm tra, kiểm soát nội dung, tính chất của từng khoản chi.

v Các khoản chi phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định liên quan đến từng khoản chi

Mỗi khoản chi đều phải lập theo mẫu chứng từ đã được quy định, KBNN có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ chứng từ thanh toán trước khi thanh toán, chi trả kinh phí NSNN cho đơn vị sử dụng.

2.2.5. *Vai trò của KBNN trong kiểm soát chi thường xuyên tại KBNN*

Kiểm soát chi NSNN là trách nhiệm của các ngành, các cấp, các cơ quan đơn vị có liên quan đến việc kiểm soát và sử dụng NSNN, trong đó hệ thống KBNN giữ vai trò đặc biệt quan trọng, trực tiếp kiểm soát và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm soát của mình. Luật NSNN quy định mọi khoản chi NSNN được thực hiện theo nguyên tắc thanh toán trực tiếp qua KBNN đồng thời tất cả các đơn vị sử dụng NSNN phải mở tài khoản tại KBNN chịu sự kiểm tra kiểm

soát của KBNN và cơ quan Tài chính trong quá trình cấp phát thanh toán. Trong thực tế vai trò của KBNN rộng lớn hơn, có mặt xuyên suốt trong quá trình lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán NSNN. Thông qua hoạt động của mình KBNN cung cấp các thông tin, dữ liệu phục vụ cho việc lập dự toán phân bổ NS cho các cơ quan, đơn vị và địa phương; đồng thời là nơi lưu giữ các chứng từ tài liệu phục vụ kiểm tra kiểm soát và quyết toán NSNN. Như vậy, KBNN là “trạm gác và kiểm soát cuối cùng”, được Nhà nước giao nhiệm vụ kiểm soát chi trước khi đồng vốn của nhà nước ra khỏi quỹ NSNN.

Thực hiện nhiệm vụ nói trên, KBNN chủ động bố trí ngân quỹ ngân quỹ để chi trả đầy đủ kịp thời cho các cơ quan, đơn vị sử dụng NS theo yêu cầu trên cơ sở dự toán NS đã được duyệt và tồn quỹ NS các cấp. Để thực hiện việc cấp phát, thanh toán kinh phí một cách kịp thời, KBNN còn thường xuyên cải tiến quy trình cấp phát, thanh toán như thực hiện hình thức thanh toán điện tử trong hệ thống, cải tiến chế độ kế toán, ứng dụng tin học vào kiểm soát chi.

Trên cơ sở đó, KBNN phải kiểm tra việc sử dụng kinh phí NSNN cấp cho các đơn vị, tổ chức kinh tế, bảo đảm đúng mục đích, đúng chế độ, định mức chi tiêu của Nhà nước. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện thấy cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế sử dụng kinh phí được NSNN cấp không đúng mục đích, không đúng chế độ, chính sách của Nhà nước, KBNN từ chối cấp phát thanh toán và chịu trách nhiệm về các khoản từ chối của mình.

Thông qua việc cấp phát, thanh toán các khoản chi thường xuyên NSNN, KBNN còn tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình chi NSNN qua KBNN theo từng địa bàn, từng cấp NS và từng khoản chi chủ yếu, rút ra những nhận xét, đánh giá về những kết quả đã được, những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân. Từ đó, cùng với các cơ quan hữu quan phối hợp nguyên cứu cải tiến và hoàn thiện cơ chế cấp phát, thanh toán và kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN nhằm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, đặc biệt là Luật NSNN, sau đó đã có những điều chỉnh, sửa đổi rất căn bản đối với hoạt động NSNN nói chung và chi NSNN nói riêng.

Qua việc thực hiện vai trò kiểm soát cấp phát thanh toán chi NSNN, KBNN góp phần tăng cường vai trò quản lý Nhà nước của cơ quan Tài chính trong lĩnh vực NSNN, tăng cường kỷ luật tài chính, đổi mới và lành mạnh hoá nền tài chính quốc gia.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chi thường xuyên của NSNN là quá trình phân phối, sử dụng vốn NSNN để đáp ứng cho các nhu cầu chi, gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ của Nhà nước về lập pháp, hành pháp, tư pháp và một số dịch vụ công cộng khác mà Nhà nước vẫn phải cung ứng. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, các nhiệm vụ thường xuyên mà Nhà nước phải đảm nhiệm ngày càng tăng nên chi thường xuyên của NSNN cũng tăng nhanh. Vì vậy để nâng cao hiệu quả của các khoản chi thường xuyên, vai trò kiểm soát chi của KBNN có ý nghĩa rất quan trọng và quyết định.

Chính vì vậy, việc đi sâu nghiên cứu, phân tích bản chất chi thường xuyên NSNN, kiểm soát chi thường xuyên qua KBNN, nội dung kiểm soát chi và những nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát chi thường xuyên qua KBNN để từ đó đề ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát chi thường xuyên qua KBNN trong giai đoạn hiện nay.

Trong chương 1, tác giả đã khái quát những lý luận cơ bản về chi thường xuyên NSNN, kiểm soát chi thường xuyên NSNN và tập trung đi sâu phân tích đặc điểm, vai trò của công tác KSC thường xuyên qua KBNN; phân cấp quản lý NSNN, quản lý chi NSNN, nội dung KSC thường xuyên qua KBNN, nguyên tắc quản lý cấp phát chi thường xuyên NSNN và những nhân tố ảnh hưởng đến KSC thường xuyên qua KBNN và từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho KBNN Hiệp Hòa trong việc KSC thường xuyên NSNN.

Cơ sở lý luận chương 2 là nền tảng cho việc đánh giá thực trạng KSC thường xuyên NSNN cũng như cơ sở đề ra các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang ở chương 3 và chương 4.

Chương 3: THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT CHI THUỜNG XUYỀN NSNN TẠI KBNN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

3.1. Khái quát về KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

3.1.1. Quá trình hình thành phát triển của KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Hiệp Hòa là một huyện trung du thuộc tỉnh Bắc Giang, nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Bắc Giang, huyện lỵ cách thành phố Bắc Giang 30km và cách thủ đô Hà Nội 50 km theo đường bộ. Phía Đông Bắc giáp huyện Tân Yên, phía Đông giáp huyện Việt Yên, phía Nam giáp vùng đồng bằng châu thổ Yên Phong của tỉnh Bắc Ninh, phía Tây Nam giáp huyện Sóc Sơn của Hà Nội, phía Tây Bắc giáp các huyện Phũ Yên và Phú Bình của tỉnh Thái Nguyên.

Hiện tại, huyện Hiệp Hòa có 26 đơn vị hành chính cấp xã (thị trấn) là: Bắc Lý, Châu Minh, Đại Thành, Danh Thắng, Đoan Bái, Đông Lỗ, Đồng Tân, Đức Thắng, Hòa Sơn, Hoàng An, Hoàng Lương, Hoàng Thanh, Hoàng Vân, Hợp Thịnh, Hùng Sơn, Hương Lâm, Lương Phong, Mai Đình, Mai Trung, Ngọc Sơn, Quang Minh, Thái Sơn, Thanh Vân, Thường Thắng, Xuân Cầm và Thị trấn Thắng.

Hiệp Hòa là vùng đất có dân số đông, có sự phát triển kinh tế năng động, có sức lan tỏa lớn. Vì vậy, Hiệp Hòa có những điều kiện nhất định trong việc khai thác các tiềm năng về khoa học công nghệ, về thị trường cho các hoạt động nông, lâm sản, du lịch và các hoạt động kinh tế khác.

Địa hình: Hiệp Hòa là vùng chuyển tiếp giữa đồi núi và đồng bằng, độ nghiêng theo hướng tây bắc xuống đông nam, đồi núi và gò thấp ở một số xã phía bắc, vùng đồng bằng tập trung ở phía đông nam và giữa huyện. Dòng sông Cầu có chiều dài 50 km ôm lấy phía Tây và phía Nam của Hiệp Hòa có giá trị kinh tế rất lớn, tạo luồng chuyên chở khách và hàng hóa khá thuận tiện. Nước của dòng sông Cầu qua hệ thống mương máng được xây dựng từ thời pháp tưới cho các cánh đồng trong huyện. Thuyền bè có thể theo sông Cầu lên Thái Nguyên, về Đáp Cầu, Phả Lại và ra biển. Sông Cầu bồi đắp phù sa màu mỡ cho

các soi bãi ven sông và có trữ lượng cát sỏi hàng triệu mét khối cung cấp cho các công trình xây dựng.

Kho bạc nhà nước là cơ quan trực thuộc Bộ tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ tài chính quản lý nhà nước về quỹ NSNN, các quỹ tài chính nhà nước và các quỹ khác của Nhà nước được giao quản lý; quản lý ngân quỹ; tổng kế toán nhà nước; thực hiện việc huy động vốn cho ngân sách nhà nước và cho đầu tư phát triển thông qua hình thức phát hành trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật.

Ở Việt Nam, trong thời kỳ phong kiến, các tài liệu về Kho bạc Nhà nước không còn được lưu giữ đầy đủ, song cũng không có nhiều khác biệt so với thông lệ quốc tế. Trong thời kỳ thực dân Pháp cai trị, Chính phủ thuộc địa Pháp thành lập Ngân khố Đông Dương, một cơ quan tương đương Bộ, với chức năng chủ yếu là quản lý và điều hành ngân quỹ quốc gia, tổ chức in tiền (chủ yếu là tiền giấy và tiền kim loại mệnh giá nhỏ) và cùng với Ngân hàng Đông Dương quản lý kho tiền của Chính phủ thuộc địa. Cách mạng Tháng Tám thành công, cùng với sự ra đời của Chính phủ Cách mạng lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ngày 28/8/1945, ngành Tài chính của nước Việt Nam chính thức được thành lập. Nhiệm vụ cấp bách của ngành Tài chính lúc này là chuẩn bị tiền để giải quyết các nhu cầu chi tiêu của bộ máy Nhà nước và quân đội.

Để có một cơ quan chuyên môn, đặc trách nghiên cứu và giải quyết các vấn đề ngân sách và tiền tệ, ngày 29/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 75-SL thành lập Nha ngân khố trực thuộc Bộ Tài chính. Đây là mốc lịch sử quan trọng đầu tiên đối với sự ra đời của Kho bạc Nhà nước Việt Nam. Trong thời gian 5 năm tồn tại và hoạt động (1946 - 1951), Nha Ngân khố đã gắn bó mật thiết với những thời kỳ khó khăn nhất của cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, đồng thời đã hoàn thành các trọng trách đã được Chính phủ giao phó. Nha Ngân khố còn tổ chức phát hành các loại tiền dưới hình thức tín phiếu để giải quyết các nhu cầu chi tiêu của cán bộ, bộ đội và nhân dân ở các vùng mới giải phóng. Để cụ thể hoá chức năng và nhiệm vụ của cơ quan quản lý Quỹ ngân

sách Nhà nước, hai tháng sau khi thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam (5/1951), ngày 20/7/1951, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị định số 107/TTg (ngày nay gọi là Quyết định) thành lập Kho bạc Nhà nước đặt trong Ngân hàng Quốc gia Việt Nam và thuộc quyền quản trị của Bộ Tài chính. Đây là mốc lịch sử quan trọng thứ hai đối với sự ra đời của Kho bạc Nhà nước Việt Nam. Ngày 01-04-1990, Hội đồng Bộ trưởng đã ký Quyết định số 07/HĐBT tái thành lập hệ thống Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính với chức năng và nhiệm vụ chủ yếu là Quản lý quỹ ngân sách Nhà nước và các quỹ dự trữ tài chính Nhà nước; tổ chức huy động vốn cho ngân sách nhà nước và cho đầu tư phát triển. Đây là mốc lịch sử quan trọng thứ ba đối với sự thành lập của Kho bạc Nhà nước Việt Nam.

KBNN Hiệp Hòa được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1990, là đơn vị trực thuộc KBNN Bắc Giang. Với chức năng, nhiệm vụ quản lý quỹ NSNN, thực hiện thu, chi trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, đến nay KBNN Hiệp Hòa có 10 cán bộ thực hiện các phần hành nghiệp vụ, trong đó có hơn 50% cán bộ trực tiếp làm công tác kiểm soát chi NSNN.

3.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

3.1.2.1. Chức năng của KBNN Hiệp Hoà

Theo quyết định số 695/QĐ-KBNN ngày 16/07/2015 của Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước quy định nhiệm vụ và quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN huyện, quận, thị xã trực thuộc tỉnh, KBNN Hiệp Hoà là tổ chức trực thuộc KBNN Bắc Giang có chức năng thực hiện nhiệm vụ KBNN trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

KBNN Hiệp Hoà có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu riêng và được mở tài khoản tại ngân hàng thương mại trên địa bàn để thực hiện giao dịch, thanh toán theo quy định của pháp luật.

Trụ sở: Xã Đức Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang

Số tài khoản: 2505010, tại Agribank Chi nhánh huyện Hiệp Hoà

3.1.2.2. *Nhiệm vụ của KBNN Hiệp Hoà*

V Tổ chức thực hiện thống nhất các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án thuộc phạm vi quản lý của Kho bạc Nhà nước cấp huyện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

V Quản lý quỹ ngân sách nhà nước và các khoản tạm thu, tạm giữ, tịch thu, ký cược, ký quỹ, thế chấp theo quy định của pháp luật:

- Tập trung và phản ánh đầy đủ, kịp thời các khoản thu ngân sách nhà nước; tổ chức thực hiện việc thu nộp vào quỹ ngân sách nhà nước các khoản tiền do các tổ chức và cá nhân nộp tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện; thực hiện điều tiết các khoản thu cho các cấp ngân sách theo quy định;

- Thực hiện kiểm soát, thanh toán, chi trả các khoản chi ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

- Quản lý tiền, tài sản, ấn chỉ đặc biệt, các loại chứng chỉ có giá của Nhà nước và của các đơn vị, cá nhân gửi tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện.

V Thực hiện giao dịch thu, chi tiền mặt và các biện pháp bảo đảm an toàn kho, quỹ tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện.

V Thực hiện công tác kế toán ngân sách nhà nước:

- Hạch toán kế toán về thu, chi ngân sách nhà nước, các khoản vay nợ, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương và các hoạt động nghiệp vụ kho bạc tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện theo quy định của pháp luật;

- Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi NSNN cho cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật.

V Thực hiện công tác điện báo, thống kê về thu, chi ngân sách nhà nước, các khoản vay nợ, trả nợ của Chính phủ và chính quyền địa phương theo quy định; xác nhận số liệu thu, chi ngân sách nhà nước qua KBNN nước cấp huyện.

Tổng hợp, đối chiếu tình hình thực hiện các hoạt động nghiệp vụ phát sinh tại KBNN cấp huyện.

V Quản lý ngân quỹ nhà nước tại KBNN cấp huyện theo chế độ quy định:

- Mở tài khoản, kiểm soát tài khoản và thực hiện thanh toán bằng tiền

mặt, bằng chuyển khoản đối với các tổ chức, cá nhân có quan hệ giao dịch với KBNN cấp huyện;

- Mở tài khoản, kiểm soát tài khoản của KBNN cấp huyện tại ngân hàng thương mại trên cùng địa bàn để thực hiện các nghiệp vụ thu, chi, thanh toán của KBNN theo chế độ quy định;

- Tổ chức thanh toán, đối chiếu, quyết toán thanh toán liên kho bạc theo quy định.

- ▼ Thực hiện công tác phát hành, thanh toán trái phiếu Chính phủ theo quy định.

- ▼ Thực hiện công tác tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo tại KBNN cấp huyện theo quy định.

- ▼ Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin tại KBNN cấp huyện.

- ▼ Quản lý đội ngũ công chức, lao động hợp đồng; thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, hành chính, quản trị, tài vụ tại KBNN cấp huyện theo quy định.

- ▼ Tổ chức thực hiện chương trình hiện đại hoá hoạt động KBNN; thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động, công khai hóa thủ tục, cải tiến quy trình nghiệp vụ và cung cấp thông tin để tạo thuận lợi phục vụ khách hàng.

- ▼ Quản lý các điểm giao dịch thuộc KBNN cấp huyện theo quy định.

- ▼ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc KBNN cấp tỉnh giao.

3.1.2.3. Quyền hạn của KBNN Hiệp Hoà

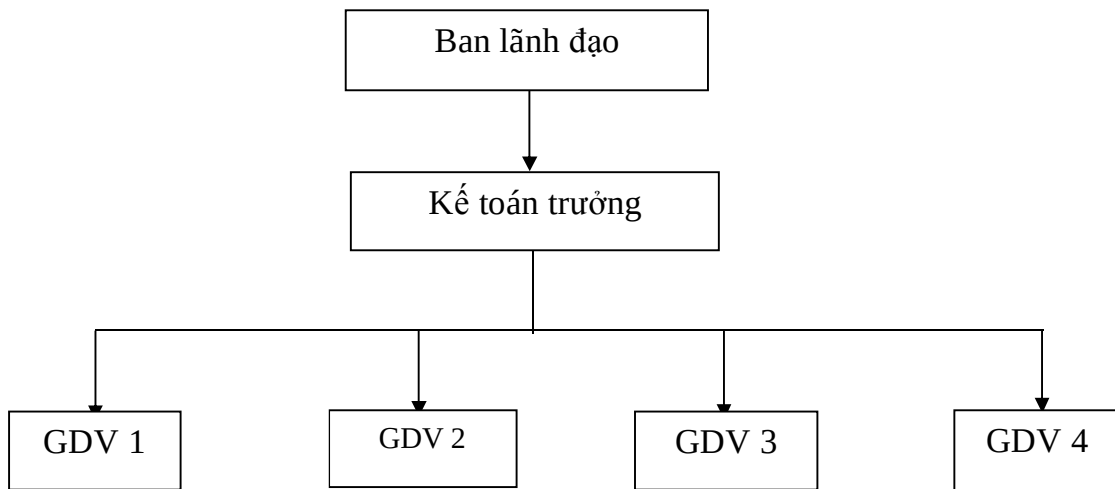
- ▼ Được trích tài khoản tiền gửi của tổ chức, cá nhân để nộp ngân sách nhà nước hoặc áp dụng các biện pháp hành chính khác để thu cho ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

- ▼ Được từ chối thanh toán, chi trả các khoản chi không đúng, không đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý hoạt động của KBNN Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang

Hiện nay cơ cấu tổ chức KBNN Hiệp Hoà gồm: Ban lãnh đạo KBNN huyện, Kế toán trưởng và các giao dịch viên (GDV)

Biên chế của KBNN huyện do giám đốc KBNN tỉnh quyết định trong tổng biên chế được giao gồm 10 người, trong đó: Ban lãnh đạo 02 người, 1 Kế toán trưởng và 4 GDV làm công tác nghiệp vụ, 2 nhân viên bảo vệ.



Sơ đồ 3.1: Mô hình tổ chức bộ máy Kho bạc Nhà nước Hiệp Hoà

* *Ban lãnh đạo KBNN huyện:* KBNN huyện gồm có Giám đốc và Phó giám đốc.

- Giám đốc KBNN huyện chịu trách nhiệm toàn diện trước giám đốc KBNN tỉnh và trước pháp luật về: thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, quản lý tiền, tài sản, hồ sơ, tài liệu, cán bộ, công chức, lao động của đơn vị.

- Phó giám đốc KBNN huyện chịu trách nhiệm trước giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

* *Kế toán trưởng:*

Tham mưu, giúp Giám đốc KBNN Hiệp Hoà xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác.

* *GDV:*

- Thực hiện kiểm soát thanh toán các khoản chi thường xuyên của NSNN

và vốn sự nghiệp theo quy định; mở và kiểm soát tài khoản các đơn vị giao dịch, tài khoản của Kho bạc tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn, thực hiện kiểm soát thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn NSNN theo quy định, vốn chương trình mục tiêu, thực hiện chế độ báo cáo chi đầu tư.

- Tập trung các khoản thu NSNN trên địa bàn, hạch toán các khoản thu cho các cấp ngân sách; tổ chức thực hiện hạch toán kế toán về thu, chi NSNN, các quỹ tài chính do KBNN Hiệp Hoà quản lý, bảo quản an toàn tiền mặt, ấn chỉ, tài sản tạm thu, tạm giữ và tịch thu theo quyết định của cấp có thẩm quyền gửi tại KBNN Hiệp Hoà; thực hiện phát hành và thanh toán trái phiếu Chính phủ; thực hiện tổng hợp báo cáo số liệu thu, chi NSNN phục vụ công tác chỉ đạo và chế độ báo cáo hoạt động nghiệp vụ KBNN theo quy định

v Trình độ chuyên môn của cán bộ KBNN Hiệp Hoà

Trong thời gian đầu mới thành lập, đội ngũ cán bộ thuộc KBNN Hiệp Hoà nói chung còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Thời gian gần đây, được sự quan tâm của lãnh đạo KBNN Bắc Giang đối với lĩnh vực tổ chức cán bộ mà công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đã được đẩy mạnh, từ đó trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ chuyên môn được nâng lên đáng kể. Năm 2018 trình độ chuyên môn được thống kê như sau:

Bảng 3.1: Trình độ cán bộ KBNN Hiệp Hoà năm 2018

Bộ phận	Biên chế	Trình độ		
		Sau đại học (người)	Đại học/Cao Đẳng (người)	Trung cấp (người)
Ban lãnh đạo	02	01	01	-
Kế toán trưởng	01	-	01	-
GDV	04	-	04	-
Bảo vệ	02	-	02	-
Thủ quỹ	01	01	-	-

Cộng	10	02	08	-
-------------	----	----	----	---

(Nguồn: KBNN Hiệp Hoà)

Xét về trình độ chuyên môn, đội ngũ cán bộ KBNN Hiệp Hoà, đã được nâng lên cơ bản đáp ứng được nhu cầu công tác, 100% có trình độ đại học trở lên, ngoài ra 20% có trình độ thạc sĩ. Nhưng về trình độ ngoại ngữ và tin học thì vẫn còn khá yếu đặc biệt là cán bộ có tuổi đời cao. Vì vậy, phần nào chưa đáp ứng được yêu cầu công tác trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác nghiệp vụ ngày càng cao theo chiến lược hiện nay của ngành KBNN.

3.2. Thực trạng kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang

3.2.1. Khuôn khổ pháp lý thực hiện kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang

Hiện nay, KBNN Hiệp hoà có nhiệm vụ kiểm soát chi, thanh toán các khoản chi từ NSNN trên địa bàn huyện Hiệp hoà gồm 170 đơn vị sử dụng NSNN, trong đó có 07 đơn vị NSTW, 08 đơn vị NS tỉnh, 129 đơn vị NS huyện và 26 đơn vị NS xã, thị trấn.

Công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN được thực hiện theo hệ thống các văn bản pháp lý sau:

Luật NSNN số 83/2015/QH11 ngày 25/6/2019; Luật Kế toán số 88/2015/QH11 ngày 12/11/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN; Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước; Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Các thông tư hướng dẫn của Bộ tài chính và KBNN: Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật NSNN; Quyết định số 1116/QĐ-KBNN ngày 24/11/2009 ban hành quy trình giao dịch một cửa trong kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN;

Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN; Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN; Công văn số 3555/KBNN-KSC ngày 19/12/2012 của KBNN hướng dẫn kiểm soát chi theo Thông tư số 161/2012/TT-BTC; Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 03 năm 2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 113/2008/TT-BTC ngày 27/11/2008 hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi NSNN qua KBNN; Quyết định 567/QĐ-KBNN ngày 31/5/2012 của KBNN ban hành quy chế kiểm soát nghiệp vụ kế toán trong hệ thống KBNN.

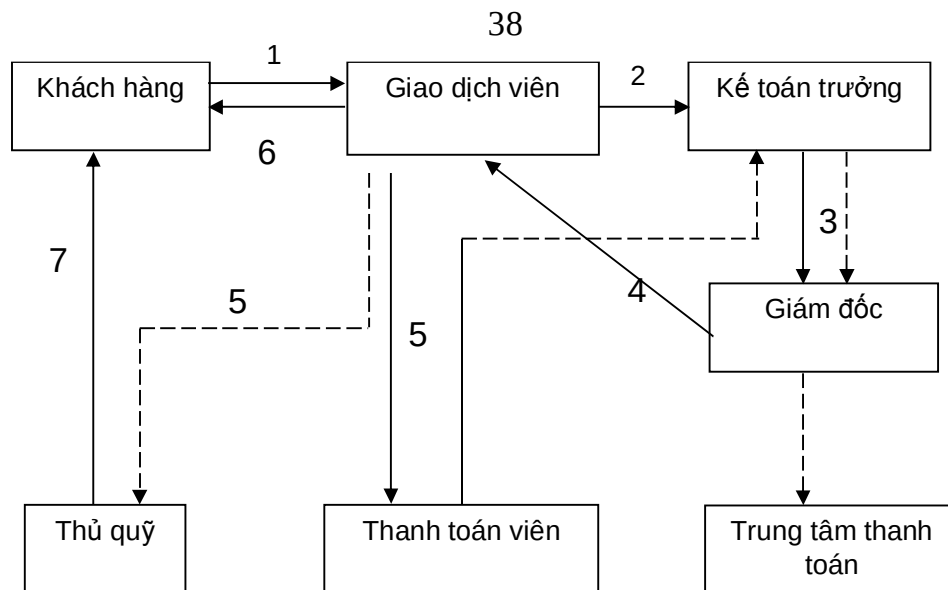
Hệ thống các văn bản quy định chế độ, tiêu chuẩn định mức và các văn bản hướng dẫn khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3.2.2. Quy trình và nội dung kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Về việc tổ chức bộ máy kiểm soát chi thường xuyên, KBNN Hiệp Hòa đã tổ chức thực hiện theo CV 743/KBNN-THPC về việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong hệ thống KBNN thực hiện cơ chế “một cửa một giao dịch viên” trong kiểm soát chi NSNN. Khách hàng đến thanh toán chi thường xuyên và chi đầu tư đều thực hiện giao dịch với một người, đảm bảo giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện cho khách hàng. Về việc phân công công việc, KBNN Hiệp Hòa phân cho 1 GDV vừa thực hiện thu NSNN, vừa thực hiện KSC khối tiểu học; 1 GDV thực hiện KSC khối mầm non, khối THCS và ngân sách tỉnh; 2 GDV KSC 26 xã, ngân sách huyện và ngân sách trung ương. Sau khi nhận hồ sơ từ khách hàng, các giao dịch viên kiểm tra tính đầy đủ

hợp pháp của hồ sơ nếu đủ điều kiện thực hiện giải quyết hồ sơ, nếu hồ sơ còn thiếu thì yêu cầu khách hàng bổ sung và thực hiện việc thanh toán, báo nợ cho khách hàng.

3.2.2.1. Quy trình kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang



Sơ đồ 3.2: Sơ đồ Quy trình giao dịch một cửa

Ghi chú: —→ Hướng đi của hồ sơ, chứng từ kiểm soát chi

- - - - -> Hướng đi của chứng từ thanh toán

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ chứng từ

Khi có nhu cầu cấp phát, thanh toán, các đơn vị sử dụng ngân sách gửi KBNN (Giao dịch viên) các hồ sơ, tài liệu, chứng từ thanh toán có liên quan theo chế độ quy định.

Giao dịch viên quản lý tài khoản chi NS của khách hàng có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra, kiểm soát hồ sơ, chứng từ:

Tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định đối với từng nội dung chi.

Về hình thức của hồ sơ: Các tài liệu là chứng từ kế toán phải đảm bảo đúng mẫu, đầy đủ số liên theo quy định, có dấu, chữ ký trực tiếp trên các liên chứng từ.

Phân loại hồ sơ và xử lý:

Trường hợp đảm bảo các điều kiện chi theo quy định, kế toán tiếp nhận và làm thủ tục chi trả, thanh toán cho đơn vị sử dụng NSNN.

Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc phải hoàn chỉnh, bổ sung: Giao dịch viên trả lại cho đơn vị sử dụng NSNN và yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Bước 2: Kiểm soát chi

Giao dịch viên kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp và sự chính xác của hồ sơ

chứng từ; kiểm tra số dư tài khoản, số dư dự toán, kiểm tra mẫu dấu chữ ký và các điều kiện thanh toán, chi trả đối với từng nội dung chi. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện chi NSNN theo quy định, tiến hành ký xác nhận trên chứng từ giấy và nhập chứng từ vào hệ thống, chuyển Kế toán trưởng (hoặc người được ủy quyền) toàn bộ chứng từ giấy đã nhập và đệ trình phê duyệt trên hệ thống.

Nếu số dư tài khoản của khách hàng không đủ; khoản chi không đủ điều kiện chi NSNN theo chế độ quy định (sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức, chi không đúng đối tượng, mục đích theo dự toán được duyệt), Giao dịch viên lập thông báo từ chối thanh toán trình lãnh đạo KBNN ký gửi khách hàng giao dịch.

Bước 3: Kế toán trưởng (hoặc người được ủy quyền) ký chứng từ

Giao dịch viên trình Kế toán trưởng (hoặc người được ủy quyền) hồ sơ, chứng từ được kiểm soát đã đảm bảo đủ điều kiện tạm ứng/thanh toán kinh phí NSNN.

Kế toán trưởng kiểm tra nếu đủ điều kiện tạm ứng/thanh toán sẽ ký (trên máy, trên giấy) và chuyển hồ sơ, chứng từ cho Giao dịch viên để trình Giám đốc (hoặc người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ điều kiện tạm ứng/thanh toán sẽ trả lại chứng từ (kèm hồ sơ) cho Giao dịch viên và từ chối phê duyệt. Tùy theo tính chất, Giao dịch viên yêu cầu bổ sung thêm thủ tục hồ sơ nếu thiếu theo mẫu hồ sơ giao nhận ban đầu hoặc lập thông báo từ chối thanh toán trình lãnh đạo KBNN ký gửi khách hàng giao dịch.

Bước 4: Giám đốc (hoặc người được ủy quyền) ký

Giám đốc (hoặc người được ủy quyền) xem xét, nếu đủ điều kiện thì ký chứng từ giấy. Trường hợp, Giám đốc (hoặc người được ủy quyền) không đồng ý tạm ứng/thanh toán, thì chuyển trả hồ sơ cho Giao dịch viên để lập thông báo từ chối trình lãnh đạo ký gửi khách hàng giao dịch.

Bước 5: Thực hiện thanh toán

Sau khi chứng từ giấy được Giám đốc (hoặc người được ủy quyền) phê duyệt, Giao dịch viên tiến hành áp thanh toán

- Trường hợp thanh toán bằng chuyển khoản:

Sau khi chứng từ giấy đã được ký, đóng dấu, giao dịch thanh toán trên chương trình kế toán máy đã được phê duyệt đầy đủ, thanh toán viên thực hiện chạy giao diện trên chương trình thanh toán song phương với NHTM.

Kế toán trưởng (hoặc người uỷ quyền) ký kiểm soát lệnh thanh toán trên chương trình thanh toán song phương điện tử.

Giám đốc (hoặc người được uỷ quyền) ký kiểm soát lệnh thanh toán trên chương trình thanh toán song phương điện tử đẩy lệnh đi qua ngân hàng.

-Trường hợp thanh toán bằng tiền mặt, Giao dịch viên đóng dấu kế toán lên chứng từ; chuyển chứng từ chi tiền cho thủ quỹ theo đường nội bộ.

Bước 6: Chi tiền mặt tại quỹ

Thủ quỹ nhận và kiểm soát chứng từ chi tiền mặt (ngày, tháng chứng từ; họ tên, địa chỉ người lĩnh tiền), đối chiếu thông tin trên giấy CMND; số tiền bằng số và bằng chữ; kiểm tra khớp đúng thông tin trên chứng từ;

Lập bảng kê chi tiền; nhập sổ quỹ trên máy; chi tiền cho khách hàng và yêu cầu khách hàng ký vào bảng kê chi và chứng từ chi; thủ quỹ ký vào chức danh “thủ quỹ” và đóng dấu “đã chi tiền” lên bảng kê và các liên chứng từ chi; sau đó trả 01 liên chứng từ chi cho khách hàng;

Thủ quỹ trả các liên chứng từ còn lại cho kế toán theo đường dây nội bộ.

Bước 7: Trả tài liệu, chứng từ cho khách hàng

Giao dịch viên trả tài liệu, chứng từ cho khách hàng ngay sau khi thực hiện xong thủ tục thanh toán đối với trường hợp hồ sơ phải giải quyết ngay; trả lại tài liệu, chứng từ cho khách hàng theo thời gian hẹn trên Phiếu giao nhận đối với loại hồ sơ giải quyết trên 01 ngày làm việc.

Các tài liệu, chứng từ trả lại khách hàng bao gồm: liên chứng từ báo nợ cho khách hàng, bảng kê chứng từ thanh toán (nếu có), các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

Riêng đối với chứng từ chi tiền mặt, thủ quỹ đóng dấu đã chi tiền lên các liên chứng từ, trả 1 liên chứng từ chi cho khách hàng.

3.2.2.2. Nội dung kiểm soát chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Hiệp hoà, Bắc giang

a. Kiểm soát theo hình thức chi trả, thanh toán các khoản chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp hoà, Bắc giang

Kiểm soát thanh toán, chi trả các khoản chi thường xuyên tại KBNN Hiệp Hòa được thực hiện theo 2 hình thức là rút dự toán và lệnh chi tiền

Tương ứng với mỗi hình thức thanh toán các khoản chi thường xuyên NSNN thì có quy trình kiểm soát chi thường xuyên NSNN cụ thể như sau:

v Đối với hình thức rút dự toán

Căn cứ vào nhu cầu chi tiêu của đơn vị, thủ trưởng đơn vị sử dụng NSNN lập giấy rút dự toán NSNN kèm theo các hồ sơ, chứng từ thanh toán gửi KBNN Hiệp Hòa nơi giao dịch để làm căn cứ kiểm soát, thanh toán.

KBNN Hiệp Hòa kiểm tra, kiểm soát các hồ sơ thanh toán của đơn vị sử dụng NSNN, nếu đủ điều kiện theo quy định, thì thực hiện thanh toán trực tiếp cho người hưởng lương, trợ cấp xã hội và người cung cấp hàng hoá, dịch vụ hoặc thanh toán qua đơn vị sử dụng NSNN.

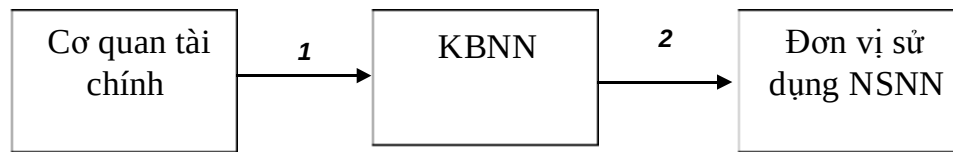
Khi thực hiện chi trả, thanh toán theo dự toán, KBNN Hiệp Hòa thực hiện chi cho ĐVSDNS theo đúng các mục chi thực tế trong phạm vi dự toán được giao.

v Đối với hình thức lệnh chi tiền

Cơ quan tài chính chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát nội dung, tính chất và kiểm soát hồ sơ chứng từ của từng khoản chi, bảo đảm các điều kiện thanh toán chi trả ngân sách theo quy định; nhập lệnh chi tiền gửi KBNN để chi trả cho đơn vị sử dụng ngân sách.

KBNN thực hiện xuất quỹ ngân sách và chi trả cho đơn vị sử dụng ngân sách theo nội dung ghi trong lệnh chi tiền của cơ quan tài chính.

Thực hiện chi theo hình thức lệnh chi tiền đối với các nhiệm vụ: Chi cho các đơn vị, các tổ chức kinh tế, xã hội không có quan hệ thường xuyên với ngân sách Nhà nước, chi trả nợ, viện trợ, chi cho vay của ngân sách Nhà nước.



Sơ đồ 3.3. Quy trình cấp phát bằng lệnh chi tiền

(Nguồn: Công văn số 388/KBNN-KTNN ngày 01/03/2013)

(1) Cơ quan Tài ra lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước để chi trả cho đơn vị sử dụng ngân sách.

(2) Kho bạc thực hiện xuất quỹ ngân sách và chi trả cho đơn vị sử dụng ngân sách theo nội dung ghi trong lệnh chi tiền của cơ quan tài chính.

b. Kiểm soát theo phương thức chi trả, thanh toán các khoản chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, Bắc Giang

v Phương thức tạm ứng

• *Hồ sơ gửi khi tạm ứng:*

Trường hợp tạm ứng bằng tiền mặt: Giấy rút dự toán (tạm ứng), trong đó ghi rõ nội dung tạm ứng để KBNN có căn cứ kiểm soát và theo dõi khi thanh toán. Các khoản chi tạm ứng tiền mặt phải đúng theo quy định tại Điều 5 và Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 164/2011/TT-BTC và các khoản chi có cơ chế hướng dẫn riêng được phép chi bằng tiền mặt.

Trường hợp tạm ứng bằng chuyển khoản:

Giấy rút dự toán (tạm ứng), trong đó ghi rõ nội dung tạm ứng để KBNN có căn cứ kiểm soát;

Đối với những khoản chi không có hợp đồng và đối với những khoản chi có giá trị hợp đồng dưới hai mươi triệu đồng: Trường hợp Giấy rút dự toán (tạm ứng) không thể hiện được hết nội dung tạm ứng, đơn vị kê khai rõ nội dung tạm ứng trên Bảng kê chứng từ thanh toán/tạm ứng

• *Hồ sơ gửi khi thanh toán tạm ứng:*

Thanh toán tạm ứng các khoản chi tiền mặt: Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng; Bảng kê chứng từ thanh toán/tạm ứng.

Thanh toán tạm ứng các khoản chi chuyển khoản: Các tài liệu, chứng từ kèm theo đối với từng nội dung chi.

- *Hồ sơ gửi khi thanh toán trực tiếp*: Giấy rút dự toán (thanh toán); tùy theo từng nội dung chi, đơn vị gửi đến Kho bạc các tài liệu, chứng từ như quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ tài chính và Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 161/2012/TT-BTC

v Phương thức thanh toán

- Giấy rút dự toán (thanh toán);
- Tùy theo từng nội dung chi, khách hàng gửi kèm theo các tài liệu, chứng từ sau:

- + Đối với khoản chi thanh toán cá nhân: có danh sách kèm theo từng lần thanh toán.

- + Đối với thanh toán cá nhân thuê ngoài: hợp đồng thuê khoán, thanh lý hợp đồng (nếu có);

- + Chi mua hàng hóa, dịch vụ: dưới 20 triệu đồng có bảng kê chứng từ ghi rõ số hóa đơn ngày tháng; trên 20 triệu đồng kèm theo chỉ định thầu, hợp đồng, biên bản nghiệm thu

- + Các khoản chi khác có bảng kê chứng từ kèm theo

c. Kiểm soát điều kiện chi trả, thanh toán các khoản chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, Bắc Giang

v Đã có trong dự toán chi NSNN được giao

Theo quy định của Luật NSNN 2015, sau khi được Thủ tướng Chính phủ, UBND giao dự toán ngân sách, các cơ quan Nhà nước ở Trung ương và địa phương, các đơn vị dự toán có trách nhiệm phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, bảo đảm đúng với dự toán ngân sách được giao cả về tổng mức, chi tiết theo từng lĩnh vực chi, đồng gửi cơ quan Tài chính cùng cấp. Cơ quan Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, nếu không đúng dự toán ngân sách được giao, không đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định

mức thì yêu cầu điều chỉnh lại. Việc phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm trước, trừ trường hợp quy định khác.

Các đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch tại KBNN trên địa bàn huyện Hiệp Hòa mang bảng dự toán tới để các giao dịch viên nhận, kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp (quyết định giao dự toán phải đúng mẫu quy định của Bộ Tài chính, quyết định phải có đầy đủ chữ ký và dấu của cấp có thẩm quyền giao dự toán; dự toán giao cho đơn vị phải đầy đủ mục lục ngân sách (chương, loại khoản), nguồn kinh phí (tự chủ hay không tự chủ, thường xuyên hay không thường xuyên), số tiền.. Sau đó, các giao dịch viên kiểm tra dự toán đối với NS cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện hoặc nhập dự toán vào chương trình TABMIS thuộc hệ thống KBNN đối với một số đơn vị cấp xã. Kho bạc đảm bảo số dư dự toán của đơn vị được theo dõi khớp đúng không để đơn vị rút quá số dư dự toán được duyệt.

V Được thủ trưởng đơn vị hoặc người được ủy quyền chuẩn chi

Kiểm tra các khoản chi đã được thủ trưởng đơn vị SDNS hoặc người được ủy quyền quyết định chi. Khi thẩm định hồ sơ thanh toán, KBNN phải kiểm tra việc quyết định chi của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị hoặc người được ủy quyền (gọi chung là chủ tài khoản) đối với bất kỳ khoản chi nào, hay gọi là kiểm tra lệnh chuẩn chi. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Chuẩn chi của chủ tài khoản được thể hiện là chủ tài khoản ký và đóng dấu của đơn vị vào lệnh chuẩn chi.

Để thực hiện nội dung này, tất cả các chủ tài khoản phải đăng ký chữ ký bằng tay, mẫu dấu của cơ quan, đơn vị và các văn bản pháp lý chứng minh quyền lực (quyết định đề bạt, văn bản ủy quyền) với cơ quan KBNN nơi giao dịch. Đối với các khoản chi được cơ quan tài chính cấp trực tiếp bằng “Lệnh chi tiền” thì cơ quan tài chính có nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát nội dung, tính chất của từng khoản chi đảm bảo các điều kiện cấp phát NSNN theo qui định. KBNN có trách nhiệm thanh toán, chi trả cho ĐVSDNS theo nội dung ghi trong “Lệnh chi tiền” của cơ quan tài chính.

v Về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi và các hồ sơ hợp pháp hợp lệ theo quy định liên quan đến các khoản chi

- Các khoản chi thanh toán cá nhân

Đây là khoản chi chiếm tỉ trọng lớn trong chi thường xuyên của đơn vị. Nhóm mục chi này bao gồm các khoản: tiền lương, tiền công, phụ cấp, phúc lợi tập thể, tiền thưởng, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản thanh toán khác cho cá nhân. Ngoài ra ở một số đơn vị còn có các khoản chi về học bổng cho học sinh, sinh viên.

§ Kiểm soát các khoản chi lương và phụ cấp lương

Đầu năm, đơn vị sử dụng NSNN gửi KBNN dự toán chi NSNN năm được duyệt trong đó có khoản chi về lương và phụ cấp lương, bảng đăng ký biên chế quỹ lương được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trong năm, khi có sự thay đổi về biên chế, quỹ lương, đơn vị sử dụng NSNN phải gửi bổ sung bảng đăng ký điều chỉnh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Hàng tháng, khi nhận giấy rút dự toán NSNN kèm danh sách chi trả lương, phụ cấp lương và bảng tăng giảm biên chế, quỹ lương (nếu có) do đơn vị sử dụng NSNN gửi đến, KBNN đối chiếu danh sách chi trả lương, phụ cấp lương với bảng đăng ký biên chế - quỹ lương năm hoặc bảng đăng ký điều chỉnh, kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp của giấy rút dự toán, kiểm tra số dư dự toán, tồn quỹ ngân sách,...

+ Đối với các khoản chi tiền lương:

Kiểm tra giấy rút dự toán NSNN bảo đảm các yếu tố trên giấy rút dự toán phải ghi rõ đầy đủ, rõ ràng, không tẩy xóa, ghi chi tiết theo mục lục ngân sách, tính chất nguồn kinh phí và cấp ngân sách, mẫu dấu chữ ký người chuẩn chi của đơn vị phải đúng với mẫu dấu chữ ký đã đăng ký với KBNN nơi đơn vị giao dịch.

Văn bản phê duyệt chi tiêu biên chế do cấp có thẩm quyền phê duyệt; Danh sách những người hưởng lương do thủ trưởng đơn vị ký duyệt (gửi lần đầu vào

đầu năm và gửi khi có phát sinh, thay đổi); Nếu năm ngân sách đơn vị chưa được giao chỉ tiêu biên chế, quỹ tiền lương thì tạm thời căn cứ vào số biên chế, quỹ tiền lương được giao năm trước để cấp phát, thanh toán.

Kiểm tra, đối chiếu khoản chi lương và phụ cấp lương với dự toán kinh phí và quỹ tiền lương được thông báo đảm bảo đúng với cấp thẩm quyền đã giao.

Kiểm tra bảng tăng, giảm biên chế quỹ tiền lương (nếu có).

Kiểm tra biên chế: Nếu có tăng biên chế thì tổng số biên chế không được vượt so với biên chế được thông báo.

Sau kỳ lĩnh lương, nếu có tăng, giảm biên chế tiền lương thì đơn vị lập bổ sung và rút dự toán về tiền lương vào tháng sau cùng kỳ để chi trả.

+ Đối với các khoản chi tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng, phụ cấp lương, học bổng học sinh, sinh viên, tiền thưởng, phúc lợi tập thể, các khoản đóng góp, chi cho cán bộ xã thôn, bản đương chức: Danh sách những người hưởng tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng, danh sách cán bộ xã, thôn bản đương chức; Danh sách những người được tiền thưởng, tiền phụ cấp, tiền trợ cấp; Danh sách học bổng (gửi lần đầu vào đầu năm và gửi khi có bổ sung, điều chỉnh).

+ Chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan hành chính thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP: Danh sách chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức (gửi từng lần); Bảng xác định kết quả tiết kiệm chi theo năm.

+ Chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức của Đơn vị sự nghiệp thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và các Nghị định trong từng lĩnh vực: Danh sách chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức (gửi từng lần); Bảng xác định kết quả tiết kiệm chi theo năm.

+ Các khoản thanh toán khác cho cá nhân: Danh sách theo từng lần thanh toán.

+ Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện việc khoán phương tiện theo chế độ, khoán văn phòng phẩm, khoán điện thoại, khoán chi xây dựng văn

bản quy phạm pháp luật: Danh sách những người hưởng chế độ khoán (gửi một lần vào đầu năm và gửi khi có phát sinh thay đổi).

+ Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện việc khoán công tác phí, khoán thuê phòng nghỉ: Danh sách những người hưởng chế độ khoán (gửi khi có phát sinh).

Xử lý sau khi kiểm tra: Nếu hồ sơ của đơn vị chưa đầy đủ, không đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp thì Kho bạc trả lại và hướng dẫn đơn vị hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Nếu việc chi tiêu không đúng chế độ hoặc tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã không đủ cấp phát, thanh toán thì từ chối thanh toán, thông báo và trả hồ sơ cho đơn vị đồng thời thông báo cho cơ quan Tài chính cùng cấp có liên quan nắm bắt được để kịp thời xử lý. Nếu đủ điều kiện cấp phát thanh toán, GDV được phân công theo dõi đơn vị hoàn thiện chứng từ và chuyển tiền cho đơn vị.

Không ghi vào
khv vực này

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☒
 Ứng trước đủ đk thanh toán ☐ Tiền mặt tại KB ☐
 Ứng trước chưa đủ đk thanh toán ☐ Tiền mặt tại NH ☐

Mẫu số: C2-02a/NS
 (TT số 77/2017/TT- BTC ngày 28/07/2017
 của Bộ Tài chính)
 Số: 01/09 Năm 2018

Đơn vị rút dự toán: **TRƯỜNG TIỂU HỌC BẮC LÝ SỐ 1**
 Tài khoản: 9523.3.1002706 Tại KBNN: KBNN Hiệp Hòa
 Tên CTMT, DA: Mã CTMT, DA:
 Số CKC, HĐTH: Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Tổng số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7) + (8)
Chi lương biên chế T9/2018	6001	622	072	13	182.151.600
Chi phụ cấp chức vụ T9/2018	6101				2.182.600
Chi phụ cấp ưu đãi nghề T9/2018	6112				69.863.400
Chi phụ cấp trách nhiệm T9/2018	6113				556.000
Chi phụ cấp thâm niên nghề, thâm niên vượt khung T9/2018	6115				29.020.900
Chi tiền công tác phí khoán tháng 08/2018	6704				1.300.000
Phí chuyển lương qua tài khoản tháng 9/2018	7756				473.000
Tổng cộng					285.547.500

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai trăm tám mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn

Đơn vị nhận tiền Trường Tiểu học Bắc Lý số 1
 Địa chỉ: Bắc Lý- Hiệp Hoà- Bắc Giang
 Tài khoản: 2505 201 008 997
 Tại KBNN(NH): Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Hiệp Hòa
 Hoặc người nhận tiền:
 Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:
 Có TK:
 Nợ TK:
 Có TK:
 Nợ TK:
 Có TK:
 Mã ĐBHC:

Bộ phận kiểm soát của KBNN

Ngày tháng năm 2018
 Kiểm soát Phụ trách

Đơn vị sử dụng ngân sách

Ngày tháng năm 2018
 Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

Người nhận tiền		KHO BẠC NHÀ NƯỚC		KHO BẠC NHÀ NƯỚC (NGÂN HÀNG B)	
Ngày..... tháng..... năm 2018		Thanh toán ngày tháng..... năm 2018		Ngày tháng năm 2018	
(Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ quỹ Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc		Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc	

Nhữ Thị Thanh Hà

Trần Xuân Thủy

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☒
 Ứng trước đủ đk thanh toán ☐ Tiền mặt tại KB ☐
 Ứng trước chưa đủ đk thanh toán ☐ Tiền mặt tại NH ☐

Mẫu số: C2-02a/NS
 (TT số 77/2017/TT- BTC ngày 28/07/2017
 của Bộ Tài chính)
 Số: 07/04 Năm 2018

Đơn vị rút dự toán: **TRƯỜNG TIỂU HỌC BẮC LÝ SỐ 1**
 Tài khoản: **9523.3.1002706** Tại KBNN: KBNN Hiệp Hòa
 Tên CTMT, DA: Mã CTMT, DA:
 Số CKC, HĐTH: Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Tổng số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7) + (8)
Chuyển 10,5% lương biên chế tháng 9/2018	6001	622	072	13	21.644.700
Chuyển 10,5% lương phụ cấp chức vụ tháng 9/2018	6101				251.600
Chuyển 10,5% lương phụ cấp TNN, TNVK tháng 9/2018	6115				3.991.000
Chuyển 17,5% BHXH tháng 9/2018	6301				43.292.700
Chuyển 3% BHYT tháng 9/2018	6302				7.421.600
Chuyển 1% BHTN tháng 9/2018	6304				2.385.400
Tổng cộng					78.987.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Bảy mươi tám triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng chẵn.

Đơn vị nhận tiền: Bảo hiểm xã hội huyện Hiệp Hòa

Địa chỉ: Hiệp Hoà- Bắc Giang

Tài khoản: 3741.0.9048873.92008

Tại KBNN(NH): Kho bạc nhà nước huyện Hiệp Hòa

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:

PHÂN KBNN GHI

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã ĐBHC:

Bộ phận kiểm soát của KBNN

Ngày tháng năm 2018

Kiểm soát

Phụ trách

Đơn vị sử dụng ngân sách

Ngày tháng năm 2018

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị



Nhữ Thị Thanh Hà

Trần Xuân Thủy

Người nhận tiền	KHO BẠC NHÀ NƯỚC				KHO BẠC NHÀ NƯỚC (NGÂN HÀNG B)			
Ngày tháng năm 2018 (Ký, ghi rõ họ tên)	Thanh toán ngày tháng năm 2018				Ngày tháng năm 2018			
	Thủ quỹ	Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc	Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc	

Không ghi vào
khv vực này

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☒
 Ứng trước đủ đk thanh toán ☐ Tiền mặt tại KB ☐
 Ứng trước chưa đủ đk thanh toán ☐ Tiền mặt tại NH ☐

Mẫu số: C2-02a/NS
 (TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/07/2017
 của Bộ Tài chính)
 Số: 04/03 Năm 2018

Đơn vị rút dự toán: **TRƯỜNG TIỂU HỌC BẮC LÝ SỐ 1**
 Tài khoản: 9523.3.1002706 Tại KBNN: KBNN Hiệp Hòa
 Tên CTMT, DA: Mã CTMT, DA:
 Số CKC, HĐTH: Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Tổng số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7) + (8)
- Chuyển trả 2% kinh phí công đoàn quý 3 năm 2018	6303	622	072	13	14.484.800
Tổng cộng:					14.484.800

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Mười bốn triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm đồng chẵn.

Đơn vị nhận tiền: Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa

Địa chỉ: Đức Thắng- Hiệp Hòa- Bắc Giang

Tài khoản: 3953.0.0000000.00000

Tại KBNN(NH): Kho bạc Nhà nước huyện Hiệp Hòa

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:

PHÂN KBNN GHI

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã ĐBHC:

Bộ phận kiểm soát của KBNN

Ngày tháng năm 2018
 Kiểm soát Phụ trách

Đơn vị sử dụng ngân sách

Ngày tháng năm 2018
 Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

Nhữ Thị Thanh Hà

Trần Xuân Thủy

Người nhận tiền	KHO BẠC NHÀ NƯỚC	KHO BẠC NHÀ NƯỚC (NGÂN HÀNG B)
Ngày tháng năm 2018 (Ký, ghi rõ họ tên)	Thanh toán ngày tháng năm 2018	Ngày tháng năm 2018
	Thủ quỹ Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc	Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc

Cụ thể, đối với việc chi lương hàng tháng của đơn vị, một bộ chứng từ chi lương bao gồm chứng từ chuyển lương, chuyển bảo hiểm và chuyển kinh phí công đoàn. Trên đây là chứng từ chuyển lương của Trường tiểu học Bắc Lý số 1 tháng 9 năm 2018 đã được GDV kiểm soát chi và thực hiện thanh toán cho đơn vị.

Khi đơn vị gửi chứng từ đến Kho bạc, các GDV kiểm tra mẫu dấu mẫu chữ ký của kế toán trưởng và chủ tài khoản đơn vị, nếu đã đầy đủ chữ ký, con dấu và đúng với mẫu dấu mẫu chữ ký đã đăng ký ở Kho bạc thì GDV tiếp tục công tác kiểm soát chứng từ. Sau khi kiểm tra mẫu dấu mẫu chữ ký, tiếp tục kiểm tra các yếu tố, đơn vị thực hiện thanh toán bằng hình thức rút dự toán sử dụng mẫu chứng từ C2-02a theo mẫu biểu được ban hành của thông tư 77/2017-BTC từ tài khoản của đơn vị 9523.3.1002706 và phương thức thanh toán trực tiếp được thể hiện bằng việc tích vào các ô ở đầu chứng từ “thực chi” và “chuyển khoản”.

GDV kiểm soát nội dung trên giấy rút dự toán thanh toán tiền lương và các loại phụ cấp trong tháng 9 năm 2018, tiền công tác phí khoán tháng 8 năm 2019 và phí chuyển lương tháng 9 năm 2018, chuyển vào tài khoản của đơn vị ở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Hiệp Hòa.

Tiếp đó, GDV kiểm soát chi thông qua bảng lương của đơn vị mang đến, kiểm tra số lượng người hưởng lương trong bảng lương có vượt chỉ tiêu biên chế được Phòng nội vụ giao không, việc này đều được thực hiện hàng tháng tuy nhiên tháng 9 là thời điểm đầu năm học nên có nhiều biến động về nhân sự giáo viên chuyển đi chuyển đến nên cần kiểm soát chặt nhằm tránh trường hợp chi vượt biên chế. GDV kiểm tra quỹ lương của đơn vị, kiểm tra báo cáo tăng giảm quỹ tiền lương của đơn vị để theo dõi những người chuyển đi chuyển đến có được báo đầy đủ kịp thời không, đồng thời sử dụng báo cáo tăng giảm quỹ tiền lương cộng với bảng lương tháng 8 nếu khớp đúng với bảng lương tháng 9 chứng tỏ đơn vị tính lương chuẩn, còn nếu không khớp GDV tìm nguyên nhân và trả lại đơn vị nếu lương bị tính sai. Sau khi đã kiểm tra bảng lương tính chuẩn, danh sách đối tượng được hưởng khoán công tác phí đơn vị đã đăng ký

đầu năm với Kho bạc gồm: Hiệu trưởng, hiệu phó, kế toán, thủ quỹ... và số lượng người hưởng lương để tính phí chuyển lương của đơn vị, GDV đối chiếu tổng số tiền đơn vị xin rút với giấy rút dự toán ngân sách của đơn vị xem khớp đúng chưa, đồng thời kiểm tra cả danh sách chi trả cho cá nhân khớp đúng về mặt tổng số cũng như chi tiết của từng người, các mục đơn vị xin rút có khớp đúng với bảng lương đã tính, nếu đúng thực hiện thanh toán chi trả cho đơn vị.

Bên cạnh đó, GDV dựa vào bảng lương để tính bảo hiểm của đơn vị phải trả cho Bảo hiểm xã hội huyện Hiệp Hòa. Cán bộ kho bạc kiểm tra xem đơn vị tính đúng chưa, về phần người lao động phải đóng 9,5%-10,5% còn đơn vị đóng 20,5%-21,5%. Cán bộ kho bạc dựa vào đặc thù đơn vị và biên chế của đơn vị là công chức hay viên chức để tính bảo hiểm cho người lao động, đối với công chức họ không cần phải đóng bảo hiểm thất nghiệp nên người lao động chỉ cần đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế nên chỉ phải đóng 9,5% còn đối với viên chức họ vẫn phải đóng đủ 10,5%.

Ngoài ra, GDV cũng kiểm tra kinh phí công đoàn đơn vị đóng có đủ 2% quỹ lương làm căn cứ đóng bảo hiểm cho người lao động không để chuyển về Liên đoàn Lao động tỉnh Bắc Giang. Sau khi kiểm soát chứng từ hợp lý hợp lệ, GDV thực hiện giải quyết hồ sơ, thanh toán cho đơn vị thụ hưởng và trả báo Nợ cho đơn vị rút dự toán nhằm thông báo cho đơn vị hồ sơ đã được giải quyết.

§ Đối với các khoản thanh toán cho cá nhân thuê ngoài

Căn cứ vào dự toán NSNN do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao cho đơn vị để thực hiện; nhu cầu chi của đơn vị; nội dung thanh toán theo hợp đồng kinh tế; hợp đồng lao động; giấy rút dự toán NSNN của đơn vị thanh toán từng lần và thanh toán lần cuối đơn vị gửi Biên bản nghiệm thu (đối với trường hợp phải gửi Hợp đồng). KBNN thực hiện thanh toán trực tiếp cho người được hưởng hoặc cấp qua đơn vị để thanh toán cho người hưởng.

Không ghi vào
khv vực này



GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☒
 Ứng trước đủ đk thanh toán ☐ Tiền mặt tại KB ☐
 Ứng trước chưa đủ đk thanh toán ☐ Tiền mặt tại NH ☐

Mẫu số: C2-02a/NS

(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/07/2017

của Bộ Tài chính)

Số: 14/06 Năm 2019

☐

Đơn vị rút dự toán: TRƯỜNG TIỂU HỌC BẮC LÝ SỐ 1

Tài khoản: 9523.3.1002706

Tại KBNN: KBNN Hiệp Hòa

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HETH:

Số CKC, HETH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Tổng số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7) + (8)
- Chuyển trả tiền thuê bảo vệ tháng 9 năm 2018 theo hợp đồng số 9 ngày 01/09/2018	6757	622	072	13	1.390.000
Tổng cộng:					1.390.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng chẵn./

Đơn vị nhận tiền: Nguyễn Văn Tính

Địa chỉ: Hiệp Hòa- Bắc Giang

Tài khoản: 2505201008671

Tại KBNN(NH): Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Hiệp Hòa

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

PHÂN KBNN GHI

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã ĐBHC:

Bộ phận kiểm soát của KBNN

Ngày tháng năm 2018

Kiểm soát

Phụ trách

Đơn vị sử dụng ngân sách

Ngày tháng năm 2018

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Nhữ Thị Thanh Hà

Trần Xuân Thủy

Người nhận tiền	KHO BẠC NHÀ NƯỚC	KHO BẠC NHÀ NƯỚC (NGÂN HÀNG B)
Ngày tháng năm 2018 (Ký, ghi rõ họ tên)	Thanh toán ngày tháng năm 2018	Ngày tháng năm 2018
	Thủ quỹ Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc	Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số: 01

Đơn vị SDNS: Trường Tiểu học Bắc Lý số 1

Mã đơn vị: 1002706

Mã nguồn: 13

Mã CTMTQG, Dự án ODA...:

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ THANH TOÁN/ TẠM ỨNG

Thanh toán trực tiếp ☐

Thanh toán tạm ứng ☐

Tạm ứng ☐

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDK T	Nội dung chi	Số tiền		
	Số	Ngày/ tháng/ năm	Số	Ngày/ tháng/ năm			Số lượng	Định mức	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1			07/09	07/09/2019	6757	- Rút tiền thuê bảo vệ tháng 09 năm 2018 theo hợp đồng số 09/HĐVB-THBL1 ngày 01/09/2018			1.390.000
Tổng cộng:									1.390.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng chẵn./.

Bắc Lý, ngày tháng năm 2018

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Nhữ Thị Thanh Hà

Trần Xuân Thủy

Cụ thể, trên đây là giấy rút dự toán thuê bảo vệ của Trường tiểu học Bắc Lý số 1 đối với giấy rút dự toán ngân sách để thanh toán tiền thuê lao động thời vụ như bảo vệ, lao công, hay thuê mướn ngoài... sau khi kiểm tra mẫu dấu mẫu chữ ký khớp đúng với mẫu dấu mẫu chữ ký đơn vị đã đăng ký, phương thức thanh toán là rút dự toán và hình thức thanh toán trực tiếp theo mẫu C2-02a trong thông tư 77/2017/BTC, GDV kiểm soát nội dung trên chứng từ thanh toán, thanh toán tiền thuê bảo vệ tháng 9/2018 theo hợp đồng số 9 ngày 01/09/2018, mục 6757, chương 622, mã ngành 072, nguồn 13 chuyển vào tài khoản của người thụ hưởng mở tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hiệp Hòa. Do đây là lao động thời vụ ký một tháng một đối với bảo vệ và lao công và giá trị hợp đồng dưới 20 triệu nên theo TT39/2016/BTC sửa đổi bổ TT161/2012/BTC quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước không lưu hồ sơ hợp đồng kèm theo đối với hợp đồng có giá trị dưới 20 triệu đồng, danh sách bảo vệ, lao công được gửi lần đầu vào đầu năm cùng với quy chế chi tiêu nội bộ và được gửi lại cho Kho bạc khi có sự thay đổi. Vì vậy, đơn vị chỉ cần gửi giấy rút dự toán ngân sách và bảng kê chứng từ kèm theo thể hiện đầy đủ nội dung. Sau khi kiểm soát chứng từ hợp lý hợp lệ, GDV thực hiện giải quyết hồ sơ, thanh toán cho đơn vị thụ hưởng và trả báo Nợ cho đơn vị rút dự toán nhằm thông báo cho đơn vị hồ sơ đã được giải quyết.

§ Kiểm soát chi thu nhập tăng thêm từ nguồn kinh phí tiết kiệm của đơn vị tự chủ

Căn cứ vào chênh lệch thu lớn hơn chi hàng quý, năm đối với đơn vị sự nghiệp công lập (căn cứ vào khả năng tiết kiệm được đối với cơ quan nhà nước thực hiện tự chủ), nhằm động viên kịp thời người lao động phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, thủ trưởng đơn vị thực hiện chi đối với khoản thu nhập tăng thêm hàng quý cho người lao động. KBNN thanh toán theo mức thủ trưởng đơn vị đề nghị đảm bảo trong phạm vi dự toán được giao.

Không ghi vào
khu vực này

ỦY NHIỆM CHI
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN ĐIỆN TỬ

Mẫu số C4-02a/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày
28/7/2017 của Bộ Tài chính)
Số: 01/08

Lập ngày tháng năm 2018

Đơn vị trả tiền: **TRƯỜNG TIỂU HỌC BẮC LÝ SỐ 1**.....
Địa chỉ: **Xã Bắc Lý- Hiệp Hoà- Bắc Giang**
Tại Kho bạc Nhà nước (NH): **huyện Hiệp Hoà**
Tài khoản: **3713.0.1002706.00000**.....

Nội dung thanh toán	Số tiền
(1)	(2)
Chuyển tiền chi thưởng tết cho giáo viên theo QĐ 01/TH-BL của Hiệu trưởng trường Tiểu học Bắc Lý số 1(40 người x 500.000=20.000.000đ)	20.000.000
Tổng cộng:	20.000.000

Số tiền ghi bằng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn.....

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG:

Đơn vị nhận tiền: **Trường tiểu học Bắc Lý số 1**.....
Địa chỉ: **Trường tiểu học Bắc Lý số 1**
Tài khoản: **2505201008997**
Tại KBNN (NH): **Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT huyện Hiệp Hòa**

KBNN A GHI

Nợ TK:

Có TK:

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN		KBNN A				
Kế toán trưởng	Chủ tài khoản	BỘ PHẬN KIỂM SOÁT CHI ngày		BỘ PHẬN KẾ TOÁN GHI SỐ NGÀY....		
		Kiểm soát	Phụ trách	Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nhữ Thị Thanh Hà	Trần Xuân Thủy					
NGÂN HÀNG A GHI SỐ NGÀY.....			KBNN B, NGÂN HÀNG B GHI SỐ NGÀY.....			
Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc	Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc	

Vào thời điểm hàng quý, cuối năm đơn vị sẽ trích lập tiết kiệm nếu trong quý hoặc trong năm đơn vị tiết kiệm chi được, sau khi trích lập tiết kiệm theo quyết định của chủ tài khoản sử dụng vào chi thu nhập tăng thêm cho người lao động, chi khen thưởng, chi phúc lợi, chi quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp... Đơn vị làm giấy rút dự toán từ tài khoản tiền gửi của mình theo mẫu C4-02a trong thông tư 77/2017/BTC. Trên đây là giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử của đơn vị theo mẫu C4-02a đề nghị thanh toán tiền thưởng tết cho cán bộ giáo viên theo quyết định của hiệu trưởng. Sau khi kiểm tra mẫu dấu mẫu chữ ký khớp đúng với mẫu dấu mẫu chữ ký đơn vị đã đăng ký ở Kho bạc, phương thức thanh toán là rút tiền từ tài khoản tiền gửi của đơn vị 3713.0.1002706 và hình thức thanh toán trực tiếp, GDV kiểm soát nội dung trên chứng từ thanh toán chuyển tiền thưởng tết cho cán bộ giáo viên vào tài khoản của đơn vị mở tại Ngân hàng nông nghiệp huyện Hiệp Hòa. Căn cứ theo quy chế chi tiêu nội bộ đơn vị gửi đầu năm, đơn vị rút tiền thưởng cho mỗi cá nhân là 500.000đ nếu không vượt định mức chi thì GDV thanh toán cho đơn vị, nếu vượt định mức thì trả lại hồ sơ cho đơn vị. Sau khi kiểm soát chứng từ hợp lý hợp lệ, GDV thực hiện giải quyết hồ sơ, thanh toán cho đơn vị thụ hưởng và trả báo Nợ cho đơn vị rút dự toán nhằm thông báo cho đơn vị hồ sơ đã được giải quyết.

Bảng 3.2. Số liệu kiểm soát chi các khoản thanh toán cá nhân

ĐVT: Triệu đồng

Mục chi	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tiền lương	112.768	125.942	140.552
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	1.614	1.836	1.889
Phụ cấp lương	109.831	116.598	125.875
Học bổng học sinh, sinh viên	2.220	2.413	2.718
Tiền thưởng	2.112	2.506	2.800
Phúc lợi tập thể	1.546	1.740	1.868
Các khoản đóng góp	29.558	33.064	34.825
Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	10.616	13.241	13.217
Cộng	270.265	297.339	323.744

(Nguồn: Báo cáo chi NSNN Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa)

Qua phân tích số liệu ở bảng 3.2 ta thấy các khoản chi thanh toán cá nhân tăng đều qua các năm từ năm 2016 đến năm 2018. Năm 2017, chi thanh toán cá nhân là 297.265 triệu đồng tăng 27.074 triệu đồng tương ứng 10,2% so với năm 2016. Năm 2018, chi thanh toán cá nhân là 323.744 triệu đồng tăng 26.405 triệu đồng tương ứng 8,88% so với năm 2017. Trong đó các khoản thanh toán lương và phụ cấp chiếm tỷ trọng cao. Năm 2016, mục tiền lương là 112.768 triệu đồng chiếm 41,72%, mục phụ cấp lương là 109.831 triệu đồng chiếm 40,64%. Năm 2017, mục tiền lương tăng lên 13.174 triệu đồng so với năm 2016 tương ứng 11,68%, mục phụ cấp lương tăng 6767 triệu đồng so với năm 2016 tương ứng 6,16%. Năm 2018, mục tiền lương tăng 14.610 triệu đồng so với năm 2017 tương ứng 11,6%, mục phụ cấp lương tăng 9.277 triệu đồng so với năm 2017 tương ứng 7,96%. Qua bảng số liệu ta thấy các khoản thanh toán chi trả cho cá nhân tăng đều qua các năm nguyên nhân chủ yếu là do thay đổi chính sách của Nhà nước điều chỉnh mức lương cơ sở, điều chỉnh một số chế độ phụ cấp lương, tiền ăn, tiền thưởng,...cũng làm cho các khoản chi thanh toán cá nhân tăng cao (mức lương cơ sở tăng lên 1.210.000 đồng/tháng từ 01/05/2016; tăng lên 1.300.000 đồng/tháng từ 01/07/2017, tăng lên 1.390.000 đồng/tháng từ 01/07/2018).

Nhìn chung, việc kiểm soát nhóm mục chi thanh toán cá nhân vẫn phải đảm bảo về điều kiện chi là có dự toán NSNN năm được duyệt, văn bản phê duyệt biên chế đầu năm của cấp có thẩm quyền, các chế độ chính sách ưu đãi cho đối tượng hưởng trên địa bàn huyện phải được áp dụng hợp lý đúng đối tượng và đúng định mức. Các khoản chi từ nhóm mục chi này về hình thức chi được chi theo dự toán và trả trực tiếp cho người hưởng lương, hưởng trợ cấp thông qua tài khoản cá nhân mở tại ngân hàng. Nếu các khoản chi đủ điều kiện thanh toán thì sẽ được chi trả theo phương thức thanh toán và không được vượt dự toán. Trường hợp, đầu năm khi chưa có dự toán của cấp có thẩm quyền giao thì sẽ được chi trả theo phương thức tạm cấp và sẽ thu hồi khi có dự toán chính thức được giao.

§ Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn

Đây là tiểu nhóm mục chi ưu tiên thứ hai sau nhóm chi cho con người, có số chi cũng lớn trong cơ cấu các khoản chi thường xuyên, liên quan đến phục vụ và duy trì hoạt động của bộ máy cơ quan nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động nghiệp vụ chuyên môn của các đơn vị, nhóm mục chi thanh toán về hàng hoá dịch vụ trong dự toán chi thường xuyên được giao của đơn vị sử dụng ngân sách.

Nhóm mục nghiệp vụ chuyên môn trong dự toán chi thường xuyên được giao cho đơn vị sử dụng ngân sách bao gồm các mục: thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền liên lạc; hội nghị; công tác phí; chi phí thuê mướn; chi đoàn ra; chi đoàn vào; chi sửa chữa thường xuyên TSCĐ phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng; chi nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành.

Căn cứ vào dự toán do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao cho đơn vị sử dụng để thực hiện chế độ tự chủ, giấy rút dự toán NSNN và các hồ sơ, chứng từ có liên quan đến từng mục chi, bộ phận kế toán Kho bạc thực hiện đối chiếu các điều kiện chi trả, các tiêu chuẩn, định mức chế độ chi được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của từng đơn vị cho từng nội dung chi, mức chi để kiểm soát và thanh toán cho đơn vị.

Căn cứ dự toán chi thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao của đơn vị, các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi nghiệp vụ chuyên môn cho từng lĩnh vực, từng ngành, KBNN thực hiện đối chiếu với các điều kiện chi, tiêu chuẩn, định mức chế độ chi được quy định, hoặc quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của từng đơn vị xây dựng cho từng nội dung công việc (đối với đơn vị khoán chi thì mức chi tối đa không vượt tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi tiêu hiện hành do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định, còn đối với các đơn vị sự nghiệp công lập sẽ được chủ động quyết định mức chi có thể cao hơn hoặc thấp hơn định mức do Nhà nước quy định) và các hồ sơ chứng từ liên quan, giấy rút dự toán do thủ trưởng đơn vị duyệt, KBNN Hiệp Hòa thực hiện kiểm soát cấp phát cho các

đơn vị.

- Đối với các mục chi thanh toán dịch vụ, mục chi vật tư văn phòng, mục chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc: Căn cứ hồ sơ ĐVSDNS gửi đến, cán bộ GDV KBNN Hiệp Hòa đối chiếu số tiền trên giấy rút dự toán bảng kê chứng từ thanh toán căn cứ đối chiếu, chế độ, định mức quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ ĐVSDNS gửi đầu năm nếu khớp đúng thì cán bộ GDV tiến hành thanh toán cho ĐVSDNS để chi trả cho đối tượng được hưởng hoặc thanh toán trực tiếp cho đối tượng được hưởng mở tài khoản tại Ngân hàng.

- Đối với khoản chi công tác phí và chi hội nghị: KBNN căn cứ vào thông tư thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị và căn cứ vào nghị quyết số 33/2017/QĐ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND Tỉnh Bắc Giang về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang để kiểm soát.

Khi đơn vị gửi hồ sơ thanh toán khoản mục chi này, cán bộ KBNN Hiệp Hòa căn cứ vào định mức chi tiêu hội nghị cho từng đại biểu tham gia hội nghị, định mức công tác phí theo quy định của Bộ Tài chính, Nghị quyết của HĐND tỉnh đúng đối tượng và theo đúng nội dung chi được xây dựng trong dự toán chi, có giấy triệu tập hội nghị, chương trình hội nghị, có danh sách nhận tiền kiểm soát thanh toán.

- Mục chi sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ nguồn kinh phí thường xuyên: Đơn vị sử dụng NSNN gửi hồ sơ đến KBNN Hiệp Hòa gồm: Quyết định của cấp có thẩm quyền cấp bổ sung (nếu có), dự toán cấp bổ sung (nếu có), quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu, hợp đồng, hóa đơn tài chính, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng. Căn cứ các hồ sơ chứng từ này cán bộ KBNN Hiệp Hòa kiểm soát thanh toán cho đơn vị hưởng.

Không ghi vào
khv vực này

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH

Thực chi ☒ Tam ứng ☐ Chuyển khoản ☒
 Ứng trước đủ đk thanh toán ☐ Tiền mặt tại KB ☐
 Ứng trước chưa đủ đk thanh toán ☐ Tiền mặt tại NH ☐

Mẫu số: C2-02a/NS
 (TT số 77/2017/TT- BTC ngày 28/07/2017
 của Bộ Tài chính)
 Số: 14/06 Năm 2018

Đơn vị rút dự toán: TRƯỜNG TIỂU HỌC BẮC LÝ SỐ 1.....
 Tài khoản: 9523.3.1002706..... Tại KBNN: KBNN Hiệp Hòa.....
 Tên CTMT, DA: Mã CTMT, DA:
 Số CKC, HĐTH: Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Tổng số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7) + (8)
- Chuyển trả tiền điện thấp sáng tháng 06/2018 theo thông báo ngày 13 tháng 06 năm 2018	6501	622	072	13	1.946.700
Tổng cộng:					1.946.700

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm đồng chẵn./.....

Đơn vị nhận tiền: Điện lực Hiệp Hòa.....

Địa chỉ: Số 57 đường Hoàng Văn Thái- Hiệp Hòa- Bắc Giang.....

Tài khoản: 2505201003912

Tại KBNN(NH): Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Hiệp Hòa

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:..... Cấp ngày:..... Nơi cấp:

PHÂN KBNN GHI

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã ĐBHC:

Bộ phận kiểm soát của KBNN

Ngày tháng năm 2018

Kiểm soát

Phụ trách

Đơn vị sử dụng ngân sách

Ngày tháng năm 2018

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Nhữ Thị Thanh Hà

Trần Xuân Thủy

Người nhận tiền

Ngày..... tháng năm 2018

(Ký, ghi rõ họ tên)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Thanh toán ngày tháng năm 2018

Thủ quỹ Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc

KHO BẠC NHÀ NƯỚC (NGÂN HÀNG B)

Ngày tháng năm 2018

Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc

Không ghi vào khu vực
này

Mẫu số: 01

Đơn vị SDNS: Trường Tiểu học Bắc Lý số 1

Mã đơn vị: 1002706

Mã nguồn: 13

Mã CTMTQG, Dự án ODA....:

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ THANH TOÁN/ TẠM ỨNG

Thanh toán trực tiếp ☐

Thanh toán tạm ứng ☐

Tạm ứng ☐

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDK T	Nội dung chi	Số tiền		
	Số	Ngày/ tháng/ năm	Số	Ngày/ tháng/ năm			Số lượng	Định mức	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1			14/06	14/06/2019	6501	Chuyển trả tiền điện thấp sáng tháng 06/2018 theo thông báo ngày 13/06/2018			1.946.700
Tổng cộng:									1.946.700

Tổng số tiền viết bằng chữ: Một triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm đồng chẵn./.

Bắc Lý, ngày 14 tháng 06 năm 2019

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Nhữ Thị Thanh Hà

Trần Xuân Thủy

Trên đây là giấy rút dự toán của đơn vị Trường tiểu học Bắc Lý số 1 chi

hoạt động thường xuyên của đơn vị thanh toán tiền điện, bên cạnh việc chi lương thì việc chi thường xuyên duy trì bộ máy của đơn vị là hoạt động thường nhật hàng tháng các đơn vị đều thanh toán. GDV kiểm tra mẫu dấu mẫu chữ ký khớp đúng với mẫu dấu mẫu chữ ký đơn vị đã đăng ký, phương thức thanh toán là rút dự toán và hình thức thanh toán trực tiếp theo mẫu C2-02a trong thông tư 77/2017/BTC, sau đó kiểm soát nội dung trên chứng từ thanh toán, thanh toán tiền điện tháng 6/2018, mục 6501, chương 622, mã ngành 072, nguồn 13 chuyển vào tài khoản của Điện lực Hiệp Hòa mở tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hiệp Hòa. Do đơn vị phải thanh toán xong tiền điện bên điện lực mới xuất hóa đơn nên đơn vị chỉ nhận được thông báo nộp tiền và kê rõ trên bảng kê chứng từ kèm giấy rút dự toán ngân sách nhà nước. Sau khi kiểm soát chứng từ hợp lý hợp lệ, GDV thực hiện giải quyết hồ sơ, thanh toán cho đơn vị thụ hưởng và trả báo Nợ cho đơn vị rút dự toán nhằm thông báo cho đơn vị hồ sơ đã được giải quyết.

Bảng 3.3: Số liệu kiểm soát chi trả các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung chi	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thanh toán dịch vụ công cộng	3.013	3.896	3.815
Vật tư văn phòng	4.819	4.897	5.162
Hội nghị	1.104	1.604	1.252
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	2.215	2.590	3.076
Công tác phí	2.770	3.479	3.553
Chi phí thuê mướn	1.850	2.350	2.482
Sửa chữa tài sản cố định	15.934	15.036	12.680
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	14.416	15.677	19.256
Cộng	46.121	49.529	51.276

(Nguồn: Báo cáo chi NSNN của KBNN Hiệp Hòa)

Từ bảng số liệu 3.3 cho thấy tổng chi về nghiệp vụ chuyên môn tăng qua các năm: năm 2017 là 49.529 triệu đồng tăng 3.408 triệu đồng tương ứng 7,39%

so với năm 2016. Năm 2018 là 51.276 triệu đồng tăng 1.747 triệu đồng tương ứng 3,53% so với năm 2017. Nguyên nhân là do các đơn vị chi những khoản thiết yếu thật cần thiết phục vụ cho công tác chuyên môn của đơn vị như: các khoản văn phòng phẩm, công cụ, vật tư văn phòng, các khoản thuê mướn, công tác phí nhằm duy trì hoạt động thường xuyên, bên cạnh đó các đơn vị cũng thực hiện tốt việc tiết kiệm các khoản chi về điện, nước, nhiên liệu, chi về hội nghị, khánh tiết, các khoản sửa chữa không cần thiết... Với kết quả như vậy ta có thể thấy các đơn vị sử dụng NSNN đã chú trọng đầu tư vào các hoạt động chuyên môn nhằm tăng chất lượng cung cấp dịch vụ công và chất lượng phục vụ công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn nhưng vẫn đảm bảo tiết kiệm.

§ Chi mua sắm tài sản, trang thiết bị, phương tiện làm việc, sửa chữa lớn tài sản cố định.

Nhóm mục chi mua sắm, sửa chữa trong dự toán chi thường xuyên được giao của đơn vị sử dụng ngân sách bao gồm các mục: sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ chuyên môn; mua tài sản vô hình, mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn.

Đối với những khoản chi thuộc nhóm mục chi này, KBNN kiểm tra, kiểm soát hồ sơ, chứng từ chi theo quy định của Nhà nước về các hình thức mua sắm (chỉ định thầu, đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, ...). Nếu đủ điều kiện thì làm thủ tục thanh toán cho đơn vị. Căn cứ đề nghị chi của đơn vị sử dụng NSNN, KBNN thanh toán trực tiếp bằng chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt qua đơn vị sử dụng NSNN để chi trả cho đơn vị cung cấp hàng hoá, dịch vụ.

Trường hợp các khoản chi chưa đủ điều kiện thanh toán trực tiếp, KBNN thực hiện cấp phát tạm ứng cho đơn vị sử dụng NSNN. Cụ thể, căn cứ vào giấy rút dự toán NSNN (tạm ứng) kèm theo hồ sơ, chứng từ liên quan của đơn vị sử dụng NSNN, KBNN cấp tạm ứng để chuyển tiền cho đơn vị cung cấp hàng hoá, dịch vụ bằng chuyển khoản hoặc cấp bằng tiền mặt cho đơn vị sử dụng NSNN để đơn vị thanh toán cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ;

Sau khi thực hiện chi, đơn vị sử dụng NSNN có trách nhiệm thanh toán số

đã tạm ứng theo quy định: căn cứ hóa đơn, chứng từ và các hồ sơ khác có liên quan kèm theo giấy đề nghị thanh toán tạm ứng của đơn vị sử dụng NSNN, KBNN kiểm tra, kiểm soát nếu đủ điều kiện thanh toán theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thì làm thủ tục chuyển từ cấp tạm ứng sang thanh toán tạm ứng.

Các hồ sơ văn bản giấy tờ cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN phải gửi KBNN để kiểm soát: Dự toán chi NSNN năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc điều chỉnh (nếu có), trong đó có khoản chi mua sắm đồ dùng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ làm việc.

+ Đối với khoản chi dưới 20 triệu đồng đơn vị tự mua: Hồ sơ gửi KBNN bao giấy rút dự toán, bảng kê chứng từ thanh toán/tạm ứng.

+ Đối với khoản chi từ 20 triệu đồng trở lên đến dưới 200 triệu đồng thì cơ quan, đơn vị mua sắm lấy báo giá của ít nhất ba nhà thầu khác nhau (báo giá trực tiếp, bằng fax hoặc qua đường bưu điện) làm cơ sở để lựa chọn nhà thầu tốt nhất. Hồ sơ gửi KBNN bao gồm: Quyết định của cấp có thẩm quyền cấp bổ sung (nếu có), dự toán cấp bổ sung (nếu có), quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp, hợp đồng mua bán, hóa đơn tài chính, biên bản nghiệm thu hoặc biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng, giấy rút dự toán ngân sách.

+ Đối với khoản chi mua sắm hàng hóa, dịch vụ thường xuyên có giá trị hợp đồng từ 200 triệu đồng trở lên thì tổ chức đấu thầu. Việc đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, chỉ định thầu theo Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Sau khi hoàn thành các thủ tục chọn thầu đơn vị ký hợp đồng, thực hiện mua sắm và chuyển hồ sơ đến KBNN Hiệp Hòa bao gồm: Giấy đề nghị cam kết chi (theo Thông tư 40/2016/TT-TC ngày 01/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng

11 năm 2008 của Bộ Tài Chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc nhà nước, tùy theo hình thức chọn thầu mà đơn vị gửi Quyết định lựa chọn nhà thầu; hợp đồng mua bán; hóa đơn tài chính; biên bản nghiệm thu hay biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng; giấy rút dự toán ngân sách.

Ngoài ra khi kiểm soát khoản mục mua sắm ô tô của các đơn vị sử dụng NSNN, cán bộ GDV KBNN Hiệp Hòa phải thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Không ghi vào
khv vực này

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☒
 Ứng trước đủ đk thanh toán ☐ Tiền mặt tại KB ☐
 Ứng trước chưa đủ đk thanh toán ☐ Tiền mặt tại NH ☐

Mẫu số: C2-02a/NS
 (TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/07/2017
 của Bộ Tài chính)
 Số: 08/7. Năm 2018

Đơn vị rút dự toán: **TRƯỜNG TIỂU HỌC BẮC LÝ SỐ 1**
 Tài khoản: **9523.3.1002706** Tại KBNN: **KBNN Hiệp Hòa**
 Tên CTMT, DA: Mã CTMT, DA:
 Số CKC, HĐTH: Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Tổng số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7) + (8)
- Chuyển trả tiền mua máy tính xách tay Dell Inspiron 5570 ; Bộ vi xử lý Core i3- 8130U, Ram 4GB, HDD 1TB, DVDRW, màn 15,6 inch,.... theo số hóa đơn 0001083 ngày 28 tháng 06 năm 2019 và hợp đồng số 497/TA-2019 ngày 26 tháng 06 năm 2018	6956	622	072	13	13.080.000
Tổng cộng:					13.080.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Mười ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

Đơn vị nhận tiền: **CÔNG TY TNHH TRUNG ANH**
 Địa chỉ: **Số 137, đường Hùng vương, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang**
 Tài khoản: **43110000002849**
 Tại KBNN(NH): **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang**
 Hoặc người nhận tiền:
 Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:

PHÂN KBNN GHI	
Nợ TK:	
Có TK:	
Nợ TK:	
Có TK:	
Nợ TK:	
Có TK:	
Mã ĐBHC:	

Bộ phận kiểm soát của KBNN

Ngày .. tháng .. năm 2018
 Kiểm soát Phụ trách

Đơn vị sử dụng ngân sách

Ngày tháng năm 2018
 Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

Người nhận tiền		KHO BẠC NHÀ NƯỚC				KHO BẠC NHÀ NƯỚC (NGÂN HÀNG B)			
Ngày .. tháng .. năm 2018		Thanh toán ngày .. tháng .. năm 2018				Ngày .. tháng .. năm 2018			
(Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ quỹ	Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc	Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc	

Trên đây là giấy rút dự toán ngân sách của Trường tiểu học Bắc Lý số 1

mua sắm tập trung máy tính xách tay. Đối với khoản mua sắm dưới 20 triệu đồng Kho bạc không lưu hồ sơ giấy tờ kèm theo, chỉ lưu khi mua sắm trên 20 triệu đồng, tuy nhiên đây là mua sắm tập trung vì vậy Kho bạc vẫn kiểm soát chứng từ như chứng từ thanh toán trên 20 triệu đồng. GDV kiểm tra mẫu dấu mẫu chữ ký khớp đúng với mẫu dấu mẫu chữ ký đơn vị đã đăng ký, phương thức thanh toán là rút dự toán và hình thức thanh toán trực tiếp theo mẫu C2-02a trong thông tư 77/2017/BTC, sau đó kiểm soát nội dung trên chứng từ thanh toán, thanh toán tiền mua máy tính xách tay theo hóa đơn số 0001083 ngày 28/06/2018, mục 6956, chương 622, mã ngành 072, nguồn 13 chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH Trung Anh mở tại ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Bắc Giang. Ngoài giấy rút dự toán ngân sách, GDV kiểm soát hồ sơ kèm theo gồm: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đã được Sở tài chính tỉnh Bắc Giang thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh và gửi quyết định về cho các đơn vị; Thỏa thuận khung ghi rõ các loại tài sản mà đơn vị được mua, số lượng bao nhiêu, đơn giá bao nhiêu. Căn cứ vào phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung, GDV kiểm tra hợp đồng mua sắm của đơn vị, có đúng trong danh mục tài sản đơn vị được mua không, có thể đơn vị không mua giống loại đã được chỉ định vì không phù hợp nhưng cứ có trong danh mục mua sắm tập trung của thỏa thuận khung thì vẫn được thanh toán. Cuối cùng GDV kiểm soát biên bản nghiệm thu bàn giao của đơn vị có nhận đúng tài sản như trong hợp đồng đã ký kết và thời gian nghiệm thu có phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng không. Sau khi kiểm soát chứng từ hợp lý hợp lệ, GDV thực hiện giải quyết hồ sơ, thanh toán cho đơn vị thụ hưởng và trả báo Nợ cho đơn vị rút dự toán nhằm thông báo cho đơn vị hồ sơ đã được giải quyết.

Bảng 3.4: Số liệu thanh toán các khoản mua sắm, sửa chữa tài sản*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Nội dung chi	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Mua, đầu tư tài sản vô hình	143	227	350
Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn	3.445	3.578	3.778
Sửa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	0	0	0
Cộng	3.588	3.805	4.128

(Nguồn: Báo cáo chi NSNN của KBNN Hiệp Hòa)

Qua số liệu bảng 3.4 cho thấy khoản chi mua sắm, sửa chữa tăng đều qua các năm, trong đó năm 2016 có tổng số chi là 3.588 triệu đồng, sang năm 2017 là 3.805 triệu đồng, tăng 217 triệu đồng tương ứng 6.05% so với năm 2016; năm 2018 là 4.128 triệu đồng tăng 323 triệu đồng tương ứng 8,48% so với năm 2017. Nguyên nhân số chi tăng qua các năm là do địa phương có nhu cầu trang bị phần mềm kế toán, thiết bị dạy học cho các đơn vị ban ngành và trường học.

Tóm lại, việc kiểm soát nhóm mục chi mua sắm, sửa chữa phải đáp ứng điều kiện chi là được cấp có thẩm quyền cho phép mua sắm, sửa chữa và việc mua sắm phải thực hiện đúng theo nội dung dự toán được duyệt cho khoản mua sắm đó, bên cạnh đó phải đảm bảo mua sắm đúng theo tiêu chuẩn định mức về trang bị máy móc thiết bị theo quyết định của Chính phủ. Trong đó, cán bộ GDV cần chú ý việc kiểm soát mua sắm máy móc thiết bị chuyên dùng của địa phương chỉ thực hiện sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn định mức về máy móc thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) và có ý kiến thống nhất của HĐND tỉnh.

Nhìn chung việc kiểm soát các khoản chi mua sắm, sửa chữa tài sản từ nguồn kinh phí thường xuyên NSNN qua KBNN Hiệp Hòa đảm bảo chặt chẽ theo đúng quy định. Đối với các trường hợp ĐVSDNS có nhu cầu mua sắm tài sản nhưng theo quy định tạm dừng mua sắm của Nhà nước thì cán bộ kiểm soát chi KBNN Hiệp Hòa đã giải thích tận tình chu đáo, tạo được sự đồng thuận cao giữa ĐVSDNS và Kho bạc. Tuy nhiên trong những năm qua, thông qua công tác

kiểm soát vẫn tồn tại một số khoản chi bị từ chối là các khoản chi mua sắm, sửa chữa chưa chấp hành đúng các thủ tục về dự toán, chưa logic về thời gian giữa các quyết định phê duyệt dự toán, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hợp đồng, nghiệm thu, còn thiếu các yếu tố trên hợp đồng, thiếu hồ sơ thủ tục theo quy định của Bộ Tài chính và UBND tỉnh.

§ Kiểm soát thanh toán đối với khoản chi khác

Nhóm mục chi này gồm các khoản chi không có trong ba nhóm mục chi trên, bao gồm: chi tiếp khách, chi hỗ trợ kinh tế tập thể, chi công tác Đảng, chi hỗ trợ và giải quyết việc làm, chi hỗ trợ doanh nghiệp, chi quy hoạch, chi trả lãi tiền vay và lệ phí liên quan, ...

Các khoản chi khác trong nội dung kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ, kinh phí thường xuyên. KBNN thực hiện kiểm soát và thanh toán cho đơn vị như sau:

Đối với những khoản chi đủ điều kiện thanh toán trực tiếp, KBNN kiểm tra, kiểm soát các hồ sơ, chứng từ, điều kiện chi theo chế độ quy định và thực hiện thanh toán trực tiếp cho đơn vị cung cấp hàng hoá, dịch vụ;

Đối với những khoản chi chưa thực hiện được việc thanh toán trực tiếp: căn cứ vào dự toán NSNN được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao để thực hiện chế độ tự chủ, kinh phí thường xuyên và giấy rút dự toán NSNN (tạm ứng), KBNN thực hiện tạm ứng cho đơn vị. Ngày cuối cùng của tháng sau, đơn vị phải lập bảng kê chứng từ thanh toán kèm các hồ sơ, chứng từ có liên quan gửi KBNN để làm thủ tục thanh toán tạm ứng. Căn cứ bảng kê chứng từ thanh toán và kiểm tra, đối chiếu với tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị hoặc các tiêu chuẩn, định mức do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành (đối với các tiêu chuẩn, định mức phải theo quy định chung của Nhà nước); các hồ sơ, chứng từ có liên quan, nếu đủ điều kiện quy định, KBNN làm thủ tục chuyển từ tạm ứng sang thanh toán tạm ứng cho đơn vị. Đơn vị tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ của các hồ sơ, chứng từ thanh toán và quyết định chi tiêu của mình.

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☒
 Ứng trước đủ để thanh toán ☐ Tiền mặt tại KB ☐
 Ứng trước chưa đủ để thanh toán ☐ Tiền mặt tại NH ☐

Mẫu số: C2-02a/NS
 (TT số 77/2017/TT- BTC ngày 28/07/2017
 của Bộ Tài chính)
 Số: 10/6. Năm 2018

Đơn vị rút dự toán: **TRƯỜNG TIỂU HỌC BẮC LÝ SỐ 1**
 Tài khoản: 9523.3.1002706 Tại KBNN: KBNN Hiệp Hòa
 Tên CTMT, DA: Mã CTMT, DA:
 Số CKC, HĐTH: Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Tổng số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7) + (8)
- Chuyển trả tiền đặt com Lễ tổng kết năm học 2017-2018 theo hóa đơn số 0093802 ngày 29 tháng 05 năm 2018 (68 xuất x 80.000đ)	7761	622	072	13	5.440.000
Tổng cộng:					5.440.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Năm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

Đơn vị nhận tiền: Nguyễn Thành Luân

Địa chỉ: Sau Chiền- Bắc Lý- Hiệp Hòa- Bắc Giang

Tài khoản: 19025667840019

Tại KBNN(NH): Ngân hàng Techcombank- Chi nhánh Bắc Ninh

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:

PHÂN KBNN GHI
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Bộ phận kiểm soát của KBNN

Ngày tháng năm 2019
 Kiểm soát Phụ trách

Đơn vị sử dụng ngân sách

Ngày tháng năm 2018
 Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

Người nhận tiền		KHO BẠC NHÀ NƯỚC		KHO BẠC NHÀ NƯỚC (NGÂN HÀNG B)	
Ngày..... tháng..... năm 2018		Thanh toán ngày..... tháng..... năm 2018		Ngày..... tháng..... năm 2018	
(Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ quỹ Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc		Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc	

Nhữ Thị Thanh Hà

Trần Xuân Thủy

Trên đây là giấy rút dự toán ngân sách của Trường tiêu học Bắc Lý số 1 thanh toán tiền tiếp khách. GDV kiểm tra mẫu dấu mẫu chữ ký khớp đúng với mẫu dấu mẫu chữ ký đơn vị đã đăng ký, phương thức thanh toán là rút dự toán và hình thức thanh toán trực tiếp theo mẫu C2-02a trong thông tư 77/2017/BTC, sau đó kiểm soát nội dung trên chứng từ thanh toán, thanh toán tiền đặt com tiếp khách theo hóa đơn số 0093802 ngày 29/05/2018, mục 7756, chương 622, mã ngành 072, nguồn 13 chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Thành Luân mở tại ngân hàng Techcombank chi nhánh Bắc Ninh. GDV kiểm soát định mức chi của đơn vị 80.000đ/suất không vượt định mức chi tiếp khách theo NQ 10/2010-NQ HĐND tỉnh Bắc giang là tối đa không quá 150.000đ/người/bữa đối với đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện, đơn vị cấp xã không quá 80.000đ/người/bữa và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị thì được phép thanh toán. Sau khi kiểm soát chứng từ hợp lý hợp lệ, GDV thực hiện giải quyết hồ sơ, thanh toán cho đơn vị thụ hưởng và trả báo Nợ cho đơn vị rút dự toán nhằm thông báo cho đơn vị hồ sơ đã được giải quyết.

§ Kiểm soát thanh toán, xử lý kinh phí cuối năm

Đối với kinh phí thường xuyên, kinh phí giao để thực hiện tự chủ số dư dự toán hết năm ngân sách thì đương nhiên được chuyển sang năm sau mà không phải trình cấp thẩm quyền xin xét chuyển; đối với số dư tạm ứng được tiếp tục thanh toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán và quyết toán vào niên độ ngân sách năm trước theo quy định. Trường hợp hết thời gian chỉnh lý quyết toán vẫn không đủ điều kiện thanh toán, thì số dư tạm ứng này đương nhiên được chuyển để thực hiện thanh toán và quyết toán năm sau.

Đối với kinh phí không thường xuyên, kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ, số dư dự toán cuối năm mà không sử dụng hết thì hủy bỏ; đối với số dư tạm ứng nếu không có đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán thì sẽ thu hồi tạm ứng bằng cách trừ vào dự toán năm sau, nếu dự toán năm sau cấp không đủ hoặc không đúng với nội dung khoản chi của năm trước thì Kho bạc cấp dưới sẽ báo cáo với Kho bạc cấp trên để phối hợp với Bộ

Tài chính (đối với ngân sách Trung ương); phối hợp cơ quan Tài chính cùng cấp để giải quyết kịp thời những vướng mắc.

§ Kiểm soát thanh toán bằng tiền gửi

Đối với tài khoản tiền gửi của đơn vị: Đơn vị chỉ được rút tiền chi tiêu trong phạm vi số dư tài khoản hiện có của đơn vị, KBNN thực hiện kiểm soát số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị và kiểm soát các khoản chi tùy theo quy định của từng loại tài khoản tiền gửi trước khi thực hiện thanh toán cho đơn vị, cụ thể như sau:

+ Kiểm soát chi NSNN cho hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam:

Kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng trên địa bàn huyện Hiệp Hòa được cấp phát qua Kho bạc bằng hình thức lệnh chi tiền. Khi nhận được lệnh chi tiền của cơ quan Tài chính, Kho bạc kiểm tra kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp của lệnh chi tiền hạch toán chuyển kinh phí vào tài khoản tiền gửi của tổ chức Đảng mở tại Kho bạc. Khi có nhu cầu chi tiêu, tổ chức Đảng lập chứng từ rút tiền từ tài khoản tiền gửi và gửi đến Kho bạc. Kho bạc chỉ kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ, đối chiếu mẫu dấu, chữ ký và thực hiện chi trả theo qui định.

+ Kiểm soát thanh toán các khoản chi an ninh, quốc phòng:

Về nguyên tắc, các đơn vị sử dụng NSNN thuộc và trực thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng phải thực hiện đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật NSNN, phải chịu sự kiểm soát của KBNN đối với các khoản chi NSNN qua KBNN. Song, do tính chất hoạt động nghiệp vụ đòi hỏi sự bảo mật cao nên có một số nội dung chi đơn vị tự kiểm soát và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của nội dung chi, KBNN không kiểm soát đối với các nội dung chi này.

KBNN Hiệp Hòa thực hiện kiểm soát các khoản chi an ninh, quốc phòng như sau:

Đối với các khoản chi yêu cầu bảo mật cao: Kho bạc chỉ thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ, số dư tài khoản, số dư tài khoản mà không

yêu cầu cung cấp các hồ sơ kèm theo các khoản chi để kiểm soát. Sau khi kiểm tra, nếu đủ điều kiện thì tiến hành cấp phát cho đơn vị.

Đối với các khoản chi không thuộc các nội dung có yêu cầu bảo mật cao: Kho bạc thực hiện kiểm soát về chứng từ, hồ sơ thanh toán, số dư dự toán và thực hiện quy trình kiểm soát, cấp phát thanh toán tương tự như kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên của đơn vị hành chính sự nghiệp đã trình bày ở trên.

Không ghi vào
khu vực này

ỦY NHIỆM CHI**CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN ĐIỆN TỬ****Mẫu số C4-02a/KB**

(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày
28/7/2017 của Bộ Tài chính)
Số: 01/08

Lập ngày tháng năm 2018

Đơn vị trả tiền: **Phân hiệu 2/Trường trung cấp kỹ thuật PKKQ**.....
 Địa chỉ: **Xã Ngọc Sơn- Hiệp Hoà- Bắc Giang**.....
 Tại Kho bạc Nhà nước (NH): **huyện Hiệp Hoà**.....
 Tài khoản: **3711.1.9048587.12.502**.....

Nội dung thanh toán	Số tiền
(1)	(2)
Chuyển tiền mua xăng dầu tháng 9/2018 phục vụ huấn luyện theo hợp đồng số 01/HĐ-MB ngày 01/06/2018, theo hóa đơn số 30/09/2018	299.312.000
Tổng cộng:	299.312.000

Số tiền ghi bằng chữ: Hai trăm chín mươi chín triệu ba trăm mười hai nghìn đồng chẵn

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG:

Đơn vị nhận tiền: **Công ty TNHH MTV TM-XD Hà Quy**.....

Địa chỉ: **Thị Trấn Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang**.....

Tài khoản: **2505211002067** |

Tại KBNN (NH): **Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT huyện Hiệp Hòa**

KBNN A GHI

Nợ TK:

Có TK:

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN		KBNN A				
		BỘ PHẬN KIỂM SOÁT CHI ngày		BỘ PHẬN KẾ TOÁN GHI SỐ NGÀY.....		
Kế toán trưởng	Chủ tài khoản	Kiểm soát	Phụ trách	Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Không có)	Nguyễn Mạnh Toàn					
NGÂN HÀNG A GHI SỐ NGÀY.....				KBNN B, NGÂN HÀNG B GHI SỐ NGÀY.....		
Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc		Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc

Trên đây là giấy rút dự toán của đơn vị Phân hiệu 2/Trường trung cấp PKKQ thanh toán tiền mua xăng dầu. Đơn vị làm giấy rút dự toán từ tài khoản tiền gửi của mình theo mẫu C4-02a giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển

tiền điện tử trong thông tư 77/2017/BTC đề nghị thanh toán tiền tiền mua xăng dầu. GDV kiểm tra mẫu dấu mẫu chữ ký của đơn vị, do đặc thù của khối ANQP không có kế toán trưởng nên phần chữ ký của kế toán trưởng để trống chỉ có chữ ký của chủ tài khoản đảm bảo khớp đúng với mẫu dấu mẫu chữ ký đơn vị đã đăng ký ở Kho bạc, phương thức thanh toán là rút tiền từ tài khoản tiền gửi của đơn vị 3711.1.9048587.12.502 và hình thức thanh toán trực tiếp, GDV kiểm soát nội dung trên chứng từ thanh toán tiền mua xăng dầu 9/2018 phục vụ huấn luyện theo hợp đồng số 01/HĐ-MB ngày 01/06/2018, theo hóa đơn số 30/09/2018 vào tài khoản của Công ty TNHH MTV TM-XD Hà Quy mở tại Ngân hàng nông nghiệp huyện Hiệp Hòa. Do tính chất hoạt động nghiệp vụ đặc thù của khối ANQP đòi hỏi sự bảo mật cao nên có một số nội dung chi đơn vị tự kiểm soát và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của nội dung chi, KBNN không kiểm soát đối với các nội dung chi này. Sau khi kiểm soát chứng từ hợp lý hợp lệ, GDV thực hiện giải quyết hồ sơ, thanh toán cho đơn vị thụ hưởng và trả báo Nợ cho đơn vị rút dự toán nhằm thông báo cho đơn vị hồ sơ đã được giải quyết.

- Kiểm soát chi tài khoản tiền gửi thu phí, lệ phí và thu sự nghiệp khác

Căn cứ dự toán thu, chi của đơn vị, hồ sơ chứng từ có liên quan đến các khoản chi (quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu hoặc quyết định chỉ định thầu, trường hợp các khoản thanh toán theo hợp đồng phải gửi hợp đồng, thanh toán theo dự toán phải gửi dự toán chi phí được duyệt, ...), chấp hành đúng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, đúng tiêu chuẩn, định mức chế độ quy định.

Không ghi vào
khu vực này

ỦY NHIỆM CHI
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN ĐIỆN TỬ

Mẫu số C4-02a/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày
28/7/2017 của Bộ Tài chính)
Số: 01/08

Lập ngày tháng năm 2018

Đơn vị trả tiền: **TRƯỜNG THCS Đại Thành**
Địa chỉ: **Xã Đại Thành- Hiệp Hoà- Bắc Giang**
Tại Kho bạc Nhà nước (NH): **huyện Hiệp Hoà**
Tài khoản: **3714.0.1002709.00000**

Nội dung thanh toán	Số tiền
(1)	(2)
Thanh toán tiền mua trang phục cho giáo viên dạy thể dục năm học 2018-2019 theo hóa đơn số 0008946 ngày 29/9/2018	1.300.000
Tổng cộng:	1.300.000

Số tiền ghi bằng chữ: Một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG:

Đơn vị nhận tiền: **Nguyễn Thị Hằng**
Địa chỉ: **Đức Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang**
Tài khoản: **2505201008888**
Tại KBNN (NH): **Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT huyện Hiệp Hòa**

KBNN A GHI

Nợ TK:

Có TK:



ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN		KBNN A				
Kế toán trưởng	Chủ tài khoản	BỘ PHẬN KIỂM SOÁT CHI ngày		BỘ PHẬN KẾ TOÁN GHI SỐ NGÀY....		
		Kiểm soát	Phụ trách	Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Hương	Nguyễn Văn Tĩnh					
NGÂN HÀNG A GHI SỐ NGÀY.....			KBNN B, NGÂN HÀNG B GHI SỐ NGÀY.....			
Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc	Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc	

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số: 01

Đơn vị SDNS: Trường THCS Đại Thành
Mã đơn vị: 1002709
Mã nguồn: 13
Mã CTMTQG, Dự án ODA...:

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ THANH TOÁN/ TẠM ỨNG

Thanh toán trực tiếp ☐

Thanh toán tạm ứng ☐

Tạm ứng ☐

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDK T	Nội dung chi	Số tiền		
	Số	Ngày/ tháng/ năm	Số	Ngày/ tháng/ năm			Số lượng	Định mức	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	0008946	29/09/2016			7004	Thanh toán tiền mua trang phục cho giáo viên dạy thể dục năm học 2018-2019 theo hóa đơn số 0008946 ngày 29/9/2018			1.300.000
Tổng cộng:									1.300.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn./.

Bắc Lý, ngày tháng năm 2018

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Văn Tĩnh

Trên đây là giấy rút dự toán của Trường THCS Đại Thành thanh toán tiền mua trang phục cho giáo viên thể dục. Đơn vị làm giấy rút dự toán từ tài khoản tiền gửi của mình theo mẫu C4-02a giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử trong thông tư 77/2017/BTC đề nghị thanh toán tiền tiền mua trang phục cho giáo viên thể dục. GDV kiểm tra mẫu dấu mẫu chữ ký của đơn vị đã đăng ký ở Kho bạc, phương thức thanh toán là rút tiền từ tài khoản tiền gửi của đơn vị 3714.0.1002709 và hình thức thanh toán trực tiếp, GDV kiểm soát nội dung trên chứng từ thanh toán tiền mua trang phục cho giáo viên dạy thể dục năm học 2018-2019 theo hóa đơn số 0008946 ngày 29/9/2018 vào tài khoản của đơn vị hưởng mở tại Ngân hàng nông nghiệp huyện Hiệp Hòa. Đối với các tài khoản tiền gửi không có nguồn gốc từ ngân sách, kho bạc sẽ không kiểm soát nhưng tài khoản 3714 là tài khoản tiền gửi thu tiền học phí, viện phí... Kho bạc vẫn kiểm soát như chứng từ rút dự toán bình thường, vẫn kiểm soát mục, nội dung, định mức... Đơn vị thanh toán tiền trang phục cho giáo viên thể dục tuân theo chế độ được hưởng dựa trên QĐ51/2012/QĐ-TTg và thanh toán vào mục 7004 được thể hiện trên bảng kê chứng từ kèm theo. Sau khi kiểm soát chứng từ hợp lý hợp lệ, GDV thực hiện giải quyết hồ sơ, thanh toán cho đơn vị thụ hưởng và trả báo Nợ cho đơn vị rút dự toán nhằm thông báo cho đơn vị hồ sơ đã được giải quyết.

3.2.3. Tình hình thanh toán chi thường xuyên NSNN tại Kho bạc nhà nước Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

3.2.3.1. Doanh số chi thường xuyên NSNN qua KBNN Hiệp Hòa so với tổng chi NSNN

Bảng 3.5: Doanh số chi thường xuyên NSNN qua KBNN Hiệp Hòa giai đoạn 2016-2018

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung \ Năm	2016	2017	2018
Chi thường xuyên	482.920	491.394	500.224
Tổng chi	532.627	540.768	554.010

(Nguồn: Báo cáo chi NSNN của KBNN Hiệp Hòa giai đoạn 2016-2018)

Qua bảng 3.5 chúng ta có thể thấy số chi thường xuyên NSNN chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi NSNN. Năm 2016, số chi thường xuyên là 482.920 triệu đồng chiếm 90,67% tổng chi. Năm 2017, số chi thường xuyên là 491.394 triệu đồng chiếm 90,86% tổng chi. Năm 2018, số chi thường xuyên là 500.224 triệu đồng chiếm 90,29% tổng chi. Số chi thường xuyên năm 2017 tăng 8.474 triệu đồng so với năm 2016 tương ứng 1,74%. Số chi thường xuyên 2018 tăng 8.830 triệu đồng so với năm 2017 tương ứng 1,8%. Số chi thường xuyên qua các năm điều tăng là do việc tăng mức lương cơ bản từ 1.210.000 đồng/tháng năm 2016 lên 1.300.000 đồng/tháng năm 2017, lên 1.390.000 đồng/tháng năm 2018. Tuy nhiên tỷ trọng chi thường xuyên tăng giảm không đều qua các năm, năm 2016 tăng từ 90,67% xuống 90,86% năm 2017, năm 2018 giảm từ 90,86% xuống còn 90,29% là do năm 2018 chính phủ ban hành nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31/08/2018 nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 108/2014/nđ-cp ngày 20 tháng 11 năm 2014 của chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Nhà nước có chính sách tinh giản biên chế nhằm tăng hiệu quả làm việc của cán bộ công chức, gọn nhẹ bộ máy quản lý nhà nước.

3.2.3.2. Số lượng hồ sơ KBNN giải quyết trước hạn, đúng hạn, quá hạn so với tổng số hồ sơ phải giải quyết

**Bảng 3.6: Số lượng hồ sơ giải quyết trước hạn, đúng hạn, quá hạn
tại KBNN Hiệp Hòa giai đoạn 2016-2018**

Đơn vị tính: Hồ sơ

Năm	Tổng số hồ sơ chi thường xuyên	Trong đó		
		Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn
2016	13.053	10.595	2.315	143
2017	14.693	12.105	2.467	121
2018	17.070	14.232	2.741	97

(Nguồn: Báo cáo thủ tục hành chính KBNN Hiệp Hòa)

Qua bảng 3.6, ta thấy tổng số hồ sơ chi thường xuyên ngân sách tăng dần qua các năm, trong đó số lượng hồ sơ được giải quyết trước hạn và đúng hạn theo hướng tăng liên tục, ngược lại số lượng hồ sơ giải quyết quá hạn có xu hướng giảm dần từ năm 2016 đến năm 2018. Điều đó cho thấy KBNN Hiệp Hòa ngày càng chú trọng hơn trong công tác cải cách thủ tục hành chính, cập nhật, niêm yết quy trình kiểm soát chi thường xuyên cụ thể, rõ ràng giúp cán bộ kiểm soát chi theo dõi được thời hạn giải quyết của hồ sơ để hoàn trả đúng hạn. KBNN Hiệp Hòa cần phải tiếp tục duy trì, giảm đến mức tối đa có thể số lượng hồ sơ quá hạn trong thời gian sắp tới.

3.2.3.3. Số món và số tiền KBNN từ chối cấp phát, thanh toán so với tổng số chi thường xuyên qua KSC

Qua công tác KSC thường xuyên NSNN, mỗi năm KBNN Hiệp Hòa đã phát hiện và từ chối thanh toán nhiều khoản chi của các ĐVSDNS chưa chấp hành đúng thủ tục, chế độ quy định, góp phần quan trọng vào việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng cụ thể như sau:

Bảng 3.7: Số món và số tiền từ chối thanh toán

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tổng số
Số món từ chối thanh toán	Món	45	20	34	99
Số tiền từ chối thanh toán	Triệu đồng	255	156	305	716

(Nguồn: Báo cáo chi NSNN của KBNN Hiệp Hoà giai đoạn 2016-2018)

Qua bảng 3.7 cho thấy trong 3 năm từ năm 2016 đến 2018, KBNN Hiệp Hoà phát hiện 99 món chưa chấp hành đúng thủ tục cần thiết, từ chối thanh toán 716 triệu đồng chưa đủ điều kiện chi theo quy định. Các vi phạm chủ yếu là: chi vượt định mức, sai đối tượng, chi vượt dự toán, không đúng với quy chế chi tiêu nội bộ, không đủ thủ tục theo quy định, sai mục lục NSNN, sai số học, sai các yếu tố trên chứng từ...

Cùng với việc đảm bảo NSNN được sử dụng đúng mục đích, thanh toán đúng đối tượng, công tác kiểm soát chi thường xuyên qua KBNN Hiệp Hoà còn góp phần thúc đẩy các đơn vị sử dụng NSNN trên địa bàn thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tóm lại, KBNN Hiệp Hoà đã kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN được thực hiện nghiêm túc, kiểm soát chặt chẽ, an toàn các khoản chi tiêu của các đơn vị bằng việc yêu cầu các đơn vị phải chấp hành đầy đủ các điều kiện chi NSNN theo luật NSNN và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Mọi khoản chi trước khi cấp phát, thanh toán đều được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Nhà nước ban hành và phải có trong dự toán được duyệt. Các khoản chi qua KBNN Hiệp Hoà dù tạm ứng hay thực chi đều có mục đích rõ ràng, được xác định cụ thể về số lượng và chất lượng, mở rộng và hướng khách hàng giao dịch đến hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

3.3. Đánh giá thực trạng kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

3.3.1. Các kết quả đạt được về KSC thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang

Trong những năm qua, công tác kiểm soát chi qua KBNN đã có bước chuyển biến cơ bản, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Với chức năng, nhiệm vụ được giao hệ thống KBNN nói chung, KBNN Hiệp Hoà nói riêng đã thực hiện tốt công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu thường xuyên đảm bảo các khoản chi được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, góp phần làm lành mạnh nền tài chính quốc gia với những kết quả đạt được như sau:

Nhằm thực hiện cải cách thủ tục hành chính, sau một thời gian dài triển khai quy trình “ Kiểm soát chi NSNN theo cơ chế một cửa” đã phát huy tác dụng và đạt được nhiều kết quả như: thủ tục hành chính rõ ràng, quy trình nhanh gọn thuận tiện cho khách hàng; công khai bộ thủ tục hành chính, quy trình chi ngân sách, trách nhiệm của cán bộ KBNN, thời gian giải quyết công việc; nhận và trả hồ sơ tại một đầu mối, không yêu cầu khách hàng phải liên hệ với nhiều bộ phận.

KBNN Hiệp Hòa luôn coi trọng nhiệm vụ kiểm soát chi theo đúng Luật NSNN, hướng các ĐVSDNS làm đúng quy trình, tạo ra nhận thức đúng đắn cho đơn vị trong việc thực hiện kiểm soát chi ngay tại chính đơn vị đó đồng thời chủ động chấp hành NSNN tránh tình trạng tư lợi cá nhân, rút ruột ngân sách để thực hiện các hành động phi pháp.

Thông qua công tác kiểm soát chi NSNN đã giúp cho đơn vị sử dụng ngân sách thấy rõ được trách nhiệm và nâng cao quyền tự chủ của mình trong việc sử dụng ngân sách. Ngoài ra, đơn vị sử dụng NSNN cũng đã tăng cường được tính chủ động trong quá trình chi tiêu, khi có nhu cầu chi thực sự và có đầy đủ các điều kiện chi theo quy định thì Kho bạc mới xuất quỹ NSNN. Vì vậy, tránh tình

trạng chạy kinh phí vào cuối năm gây áp lực cho công tác KSC của Kho bạc. Từ đó KBNN Hiệp Hòa có căn cứ để quản lý và điều hành quỹ NSNN được hiệu quả hơn.

KBNN Hiệp Hòa luôn phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Tài Chính, Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Hiệp Hòa, làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình kiểm soát chi nhằm giải quyết kịp thời cho các đơn vị sử dụng NSNN.

Bên cạnh đó, KBNN Hiệp Hoà còn tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của các cơ quan, đơn vị có quan hệ giao dịch với KBNN Cầu Kè thông qua việc phát phiếu thăm dò cho các cá nhân, đơn vị giao dịch (Phụ lục) nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị và kịp thời chấn chỉnh những trường hợp chưa tốt trong quá trình thực thi công vụ.

Thông qua phiếu thăm dò cho các cá nhân, đơn vị giao dịch KBNN Hiệp Hòa thu được kết quả khảo sát có thể phần nào đánh giá sự hài lòng của khách hàng được. Trong đó đối với chỉ tiêu đánh giá sự hài lòng chung của khách hàng đánh giá về nội dung hài lòng khi thực hiện các dịch vụ hành chính công tại KBNN Hiệp Hòa, ta thấy đa số khách hàng được khảo sát hài lòng. Tuy nhiên cũng vẫn còn ý kiến không đồng ý, không hài lòng đối với các dịch vụ hành chính công cũng như thực hiện giao dịch với KBNN Hiệp Hòa. Nhìn chung, tất cả các tiêu thức được yêu cầu đánh giá, KBNN Hiệp Hòa đã nhận được sự đồng thuận tương đối cao của các đơn vị, tổ chức và cá nhân có giao dịch với KBNN Hiệp Hòa. Tuy nhiên vẫn còn một tỷ lệ nhỏ đánh giá về công chức chưa tốt, cụ thể:

Về nội dung công chức tiếp nhận giao tiếp tốt có ý kiến đánh giá là “hoàn toàn không đồng ý”, nguyên nhân do giao nhận còn lập phiếu thủ công khách hàng chờ đợi lâu, và hướng dẫn bổ sung hồ sơ nhiều lần. Do đó cần phải xem xét chấn chỉnh lại trong khâu tiếp nhận giao tiếp hồ sơ của cán bộ KSC khi giao dịch với khách hàng.

Về nội dung công chức giải quyết khiếu nại, thắc mắc nghiệp vụ nhanh chóng, vẫn có ý kiến là “hoàn toàn không đồng ý” và đánh giá là công chức tại bộ phận một cửa KBNN Hiệp Hòa là chưa thành thạo chuyên môn, nghiệp vụ, nguyên nhân do một số cán bộ công chức thiếu tự giác học hỏi, nghiên cứu văn bản chế độ, không thường xuyên cập nhật quy định văn bản mới ban hành, trình độ năng lực của CBCC còn có mặt hạn chế do sức khỏe và tuổi tác, văn bản hướng dẫn được ban hành bởi nhiều ngành nhiều lĩnh vực còn chồng chéo dẫn đến cán bộ KSC hiểu chưa sâu chưa đúng để áp dụng vào thực tiễn để KSC.

Về nội dung công chức không phiền hà, những nhiều khi giao dịch, qua kết quả khảo sát vẫn có ý kiến trả lời “hoàn toàn không đồng ý”. Điều đó thể hiện cán bộ kiểm soát trong quá trình giải quyết hồ sơ, thụ lý có biểu hiện, thái độ những nhiều, vội vãnh mà không giải quyết hồ sơ nhanh chóng cho khách hàng, nguyên nhân do cán bộ tiếp nhận hồ sơ cũng là cán bộ kiểm soát nên đôi lúc cũng có vài trường xảy ra tiêu cực.

Về nội dung công chức tỏ ra có trách nhiệm với hồ sơ cần giải quyết, có ý kiến khách hàng “hoàn toàn không đồng ý” và đánh giá là công chức thiếu trách nhiệm, làm cho xong nhiệm vụ. Bởi vì khi công chức có trách nhiệm công việc cao sẽ giúp khách hàng đi lại ít và thỏa mãn hơn khi thực hiện thủ tục hành chính. Tuy nhiên, qua khảo sát ta thấy đánh giá của khách hàng chưa cao, số ý kiến không đồng ý còn nhiều.

Về nội dung hồ sơ giải quyết đúng hẹn, có ý kiến “hoàn toàn không đồng ý”, và đánh giá công chức Kho bạc giải quyết hồ không đúng hẹn. Cho thấy còn một vài công chức chưa chú trọng còn lơ là việc hẹn trả kết quả cho khách hàng đúng ngày theo quy trình đã niêm yết, làm khách hàng chậm thanh toán cho đơn vị thụ hưởng, một phần là do khách hàng thường tập trung gửi chứng từ phát sinh vào các ngày gần cuối tháng, quý, năm khiến dồn nhiều chứng từ, cán bộ Kho bạc xử lý không xuể để tồn đọng kéo dài.

Với công cuộc cải cách hành chính hiện nay đang được Nhà nước đặc biệt quan tâm, để thực hiện thành công thì yếu tố con người được đặt lên hàng đầu.

Vì vậy những tồn tại này dù chiếm tỷ lệ nhỏ nhưng KBNN Hiệp Hòa cũng cần quan tâm khắc phục. Những tồn tại này một phần nguyên nhân từ phía cán bộ KBNN về phẩm chất, đạo đức và trình độ nghiệp vụ còn chưa cao; tác phong làm việc chưa chuyên nghiệp, một phần do các văn bản, chế độ của Nhà nước liên quan đến công tác KSC còn chưa rõ ràng, chồng chéo, gây lung túng cho cán bộ KSC khi hướng dẫn, giải thích cho đơn vị SDNS. Do đó, để việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa đạt hiệu quả cao, để người dân hài lòng hơn thì công tác rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính; quy trình nghiệp vụ; công tác đào tạo, bồi dưỡng, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật cần được quan tâm. Đồng thời cần thường xuyên đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa công nghệ thông tin, đổi mới trang thiết bị máy móc, bổ sung chương trình tin học hỗ trợ phục vụ công tác KSC, hạ tầng truyền thông; nâng cao trình độ tin học cũng như chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất công vụ cho đội ngũ CBCC.

3.3.2. Những tồn tại và hạn chế

Công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN trong thời gian qua đã thu được những kết quả nhất định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tài chính trong tình hình mới. Tuy nhiên, công tác chi và kiểm soát chi tại Kho bạc Hiệp Hòa vẫn còn một số tồn tại vướng mắc.

3.3.2.1. Về bộ máy tổ chức tại Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa

Do số lượng cán bộ còn thiếu nên một cán bộ phải kiêm nhiều việc, có cán bộ vừa thu vừa chi nên sẽ dẫn đến không chuyên. Kho bạc ưu tiên thu trước cho đối tượng khách vãng lai và chi sau cho đối tượng khách hàng thường xuyên nên nhiều khi khách hàng phải chờ đợi lâu, dễ gây phàn nàn.

Ngoài ra, việc phân công công việc không đều có những GDV chuyên làm khối xã, có những GDV chuyên làm khối trường việc này làm cho các GDV làm không đa dạng nghiệp vụ, khi có người nghỉ ốm hay nghỉ thai sản cán bộ khác làm thay khó tiếp cận nghiệp vụ ngay được.

3.3.2.2. Về quy trình nghiệp vụ kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN

Quy trình giao dịch “một cửa” trong KSC thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa thời gian qua đã nhận được sự đồng thuận và sự hài lòng của khách hàng khi đến giao dịch, tập trung tại một đầu mối là cán bộ kiểm soát chi trực tiếp nhận hồ sơ, thực hiện thanh toán và trả kết quả cho đơn vị nên thuận lợi trong quá trình giao dịch, hướng dẫn đơn vị và theo dõi chặt chẽ quá trình sử dụng kinh phí NSNN của đơn vị. Tuy nhiên, quy trình này vẫn còn vấn đề hạn chế đó là tình trạng cán bộ KSC khi mới chuyển từ chi thường xuyên sang chi đầu tư có nhiều công trình không theo dõi từ đầu mà nhận bàn giao từ người khác dễ dẫn đến không nắm bắt ngay được, chi sai kế hoạch vốn, đặc biệt đối với cán bộ trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm trong kiểm soát chi đầu tư, chưa nắm vững về chi đầu tư có thể dẫn đến kiểm soát không chặt còn nhiều lỗ hổng trong công tác kiểm soát chi. Đặc biệt thời điểm cuối năm và chi trong thời gian chỉnh lý quyết toán(hết 31/01/ năm sau) hồ sơ chứng từ nhiều, áp lực công việc lớn và chi đồng thời 2 niên độ ngân sách năm trước và năm sau, chính vì vậy dễ dẫn đến GDV kiểm soát không chặt, sai sót trong hồ sơ chứng từ, hạch toán nhầm, điều chỉnh nhiều lần, ảnh hưởng tới số liệu báo cáo. Ngoài ra, việc việc giao dịch một cửa dễ dẫn đến việc gây phiền hà, sách nhiễu cho đơn vị mà không được phản ánh lại, ảnh hưởng tiêu cực đến bộ máy kho bạc.

3.3.2.3. Về nội dung kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN

▼ Trong quản lý chi NSNN việc cấp phát theo phương thức tạm ứng các khoản chi NSNN cho ĐVSDNS trong trường hợp các khoản chi chưa đủ điều kiện để thực hiện bằng phương thức thanh toán, hoặc các khoản chi nhỏ lẻ mà ĐVSDNS cần rút về để chi trả tại đơn vị. Với quy định này đã tạo được điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời nhu cầu chi tiền mặt tại đơn vị. Tuy nhiên, đối với những quy định về việc cấp tạm ứng và thu hồi tạm ứng cũng được Bộ tài chính quy định cụ thể rõ ràng về thời hạn hoàn tạm ứng nhưng đến nay đơn vị vẫn còn nhiều ĐVSDNS chấp hành chưa đúng quy định về tạm ứng và thanh toán tạm ứng. Số dư tạm ứng còn cao ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn NSNN. Việc thanh toán tạm ứng dồn về cuối cuối, cuối năm, gây áp lực về thời

gian cho cán bộ KSC nên KSC không chặt chẽ, kịp thời theo đúng quy định, tình hình này có ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác KSC.

v Việc quy định chi tiết về sử dụng vốn NSNN để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp,... quy định về các hình thức đấu thầu, thủ tục, quy trình đấu thầu. Quy định này nhằm giúp Nhà nước quản lý chặt chẽ hơn trong chi tiêu NSNN mà đối tượng trực tiếp thực hiện theo quy định này chủ yếu là các ĐVSDNS, với mục đích đấu thầu các khoản mua sắm tài sản, hàng hoá dịch vụ để tiết kiệm được kinh phí và mua sắm hàng hoá đảm bảo chất lượng hơn phục vụ cho công việc hay hoạt động của ĐVSDNS chất lượng hơn. Tuy nhiên, trong quá trình KSC qua KBNN Hiệp Hòa đối với các khoản chi thuộc diện phải thực hiện đấu thầu, còn xảy ra tình trạng ĐVSDNS chia nhỏ gói thầu để tránh đấu thầu. Thể hiện là cùng một loại hàng hóa, cùng một nhà cung cấp nhưng đơn vị lại thực hiện hợp đồng với nhà cung cấp nhiều lần trong một thời gian ngắn. Mặc dù Nhà nước đã ra nhiều văn bản nghiêm cấm việc này. Tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể quy định như thế nào là chia nhỏ gói thầu cũng như việc xử lý vi phạm.

v Thanh toán không dùng tiền mặt qua KBNN Hiệp Hòa

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, giảm bớt thời gian cho cán bộ làm công tác kho quỹ trong việc chi bằng tiền mặt cho các đơn vị ĐVSDNS, đồng thời góp phần thực hiện chủ trương tăng cường thanh toán không dùng tiền mặt của Thủ tướng chính phủ, trong thời gian qua KBNN Hiệp Hòa đã từng bước ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào trong quy trình quản lý chi NSNN, tăng cường phối hợp với các NHTM trên cùng địa bàn thực hiện tốt phương thức thanh toán điện tử song phương, kết quả đã giảm bớt lượng giao dịch tiền mặt tại Kho bạc, chi chuyển khoản thanh toán kịp thời cho đối tượng thụ hưởng từ NSNN và đơn vị cung cấp hàng hoá dịch vụ thông qua hệ thống các NHTM. Tuy nhiên qua những năm gần đây, nhưng nhìn chung việc thanh toán bằng tiền mặt vẫn còn cao do đơn vị còn có thói quen thích sử

dụng tiền mặt và việc trang bị máy rút ATM chưa đủ trên địa bàn. Việc chi tiền mặt số lượng nhiều gây khó khăn trong công tác điều hành vốn, ngoài ra còn phải trả chi phí cho vận chuyển, bảo quản, kiểm điểm và lưu kho và quan trọng hơn làm suy giảm hiệu quả công tác quản lý và kiểm soát chi NSNN.

3.3.2.4. Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ trong công tác kiểm soát chi

Thời gian qua, việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác quản lý chi NSNN tại KBNN Hiệp Hòa đã góp phần đáng kể trong khâu hạch toán thanh toán qua kênh mạng máy tính trên cơ sở các chương trình thanh toán tập trung của KBNN như: chương trình TABMIS, chương trình TTĐTSP,...đã đưa hoạt động của KBNN Hiệp Hòa tiến đến việc công nghệ hoá tin học vào các nghiệp vụ chuyên môn. Nhưng đây là những chương trình nâng cao và cơ bản nhất được thực hiện trên toàn hệ thống đã đáp ứng được cơ bản các phân hành nghiệp vụ. Tuy nhiên, để quá trình KSC được hiệu quả hơn cần có thêm những chương trình phụ để hỗ trợ đắc lực thêm trong việc KSC, nhưng thực tế tại đơn vị KBNN Hiệp Hòa chưa xây dựng chương trình ứng dụng tin học để tiếp nhận, theo dõi hồ sơ,... KBNN Hiệp Hòa còn đang thực hiện thủ công chưa có chương trình tin học hỗ trợ đầy đủ nên việc quản lý giao dịch theo cơ chế “ một cửa ” vẫn còn xảy ra những tiêu cực trong quá trình giao nhận, xử lý hồ sơ, chứng từ, còn để khách hàng phản ánh trễ hẹn, công tác quản lý văn bản và quản lý hồ sơ đăng ký mẫu dấu còn thực hiện thủ công.

3.3.2.5. Trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác kiểm soát chi

Đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm soát chi của KBNN là những người trực tiếp vận dụng các chế độ, chính sách, quy trình nghiệp vụ của Nhà nước và của ngành thực hiện các bước kiểm soát cụ thể đối với từng khoản chi NSNN của các đơn vị sử dụng NSNN. Với trình độ như hiện nay, về cơ bản trình độ đầu vào của cán bộ Kho bạc đáp ứng phần nào phục vụ chuyên môn về KSC, thời gian qua bằng sự nỗ lực phấn đấu các cán bộ KSC cũng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, vẫn còn một số cán bộ làm công tác kiểm soát chi của KBNN Hiệp Hòa còn thụ động trong việc tự nghiên cứu và cập nhật kịp thời các

văn bản, chế độ mới nên còn nhiều vấn đề chưa hiểu sâu, việc kiểm soát chi chậm trễ và còn dễ xảy ra nhiều sai phạm về điều kiện chi, về định mức chi, hạch toán mục lục ngân sách chưa chính xác, lưu hồ sơ còn thiếu, thừa theo quy định. Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng cán bộ KSC còn gây phiền hà, khó khăn, hướng dẫn chưa tận tình làm các đơn vị phải tới lui chỉnh sửa nhiều lần.

3.3.3. Nguyên nhân

3.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, cơ chế quản lý về chi thường xuyên NSNN chưa đồng bộ và nhất quán. Việc xây dựng cơ chế chính sách của các cơ quan có thẩm quyền chưa đồng bộ, rõ ràng và xác thực. Đặc biệt là các định mức chi tiêu, các định mức này được xây dựng trên những căn cứ chưa thể hiện được tính ưu việt, thường không linh hoạt, không sát với tình hình thực tế và khó áp dụng. Các văn bản thì thường xuyên sửa đổi, bổ sung.

Các văn bản thì thường xuyên sửa đổi, bổ sung nhiều khi không sát với thực tế, chồng chéo nhau dẫn đến khó áp dụng. Có những văn bản đã được nghiên cứu sửa đổi nhưng khi áp dụng thực tế tại địa phương mới lộ ra những điểm bất hợp lý. Và một số văn bản thì được ban hành từ quá lâu mà không sửa đổi nên một số quy định đã không còn phù hợp với thực tiễn quản lý NSNN nữa.

Thứ hai, chất lượng dự toán chưa cao

Địa phương chưa thực hiện đúng thời gian phân bổ nguyên nhân chủ yếu của việc giao dự toán chậm là do cuối năm và đầu năm cơ quan tài chính phải thực hiện quyết toán NSNN của năm trước; Chất lượng dự toán chưa đảm bảo, còn phải điều chỉnh tăng, giảm nhiều lần. Mặc dù đã giao quyền tự chủ nhưng ĐVSDNS vẫn không được phân bổ hết dự toán ngay từ đầu năm, còn để lại bổ sung về cuối năm nên chưa tạo được tính chủ động cho đơn vị, dẫn đến tình trạng chi không phân bổ đều trong năm, còn để dồn về cuối năm.

Thứ ba, sự phối hợp của các cơ quan ban ngành trong công tác quản lý chi chưa chặt chẽ. Cơ chế phối hợp trong KSC NSNN chưa thống nhất. Sự phối hợp giữa cơ quan Tài chính trên địa bàn huyện chưa thật sự đồng bộ và chưa thực sự

có sự kết hợp chặt chẽ kịp thời để hỗ trợ trong công tác quản lý chi NSNN trên địa bàn.

Thứ tư, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ KBNN cũng như thủ trưởng, kế toán các ĐVSDNS còn hạn chế nhất định, thiếu sáng tạo trong công việc đôi khi còn dập khuôn, máy móc, đường mòn nếp cũ.

Thứ năm, công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm của đơn vị sử dụng NSNN còn hạn chế. Ý thức chấp hành của một số đơn vị sử dụng NSNN chưa cao, chưa nhận thức đúng đắn về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác KSC thường xuyên NSNN qua KBNN.

Thứ sáu, về phân bổ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý Nhà nước vẫn còn chồng chéo và trung lập. Hiện nay, nhiều khoản chi vẫn phải thực hiện theo Lệnh chi tiền của cơ quan Tài chính, KBNN chỉ đóng vai trò thủ quỹ thực hiện xuất quỹ NSNN. Vì vậy, chưa phát huy hết được vai trò của mình trong công tác kiểm soát, cấp phát, thanh toán. Ngoài ra, KBNN thực hiện nhiệm vụ kiểm soát chi nhưng phải chịu áp lực từ nhiều phía, một khi kiểm soát chặt thì mối quan hệ bị ảnh hưởng, ngược lại kiểm soát lỏng thì sẽ bị liên đới trách nhiệm khi có vụ việc tiêu cực xảy ra.

3.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan:

Thứ nhất, đội ngũ cán bộ kiểm soát chi vừa thiếu vừa yếu. Tổ chức bộ máy kiểm soát chi tại KBNN Hiệp Hòa còn thiếu và chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Trình độ năng lực của cán bộ GDV có mặt còn hạn chế, vì khối lượng công việc nhiều, nên cán bộ GDV chưa có nhiều thời gian nghiên cứu cập nhật văn bản chế độ kiểm soát chi. Do đó, quá trình thực hiện kiểm soát chi còn gặp khó khăn, văn bản chế độ chưa cập nhật kịp thời dẫn đến sai sót, chất lượng hiệu quả công tác KSC chưa cao.

Thứ hai, việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào hoạt động kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN chưa được nâng cao, chưa đáp ứng được yêu cầu hiện đại và phát triển của ngành, nhất là công tác cải cách thủ tục

hành chính tiến tới Kho bạc điện tử.

Thứ ba, công tác thanh tra, kiểm tra của các đơn vị mặc dù đã được quan tâm và có kế hoạch ngay từ đầu năm, nhưng việc thanh tra, kiểm tra trên toàn địa bàn chưa thực hiện có hiệu quả. Đặc biệt đối với công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN.

Thứ tư, công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực KBNN chưa thực hiện tốt. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực KBNN trên địa bàn cũng còn hạn chế do chưa nghiêm, cán bộ GDV nhắc nhở đơn vị là chủ yếu, hoặc lập biên bản xử lý mức xử phạt cao nhất là cảnh cáo, chưa có trường hợp phạt tiền, nên đơn vị chưa thực hiện nghiêm trong công tác KSC thường xuyên NSNN qua KBNN.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Trong những năm qua, KBNN Hiệp Hòa dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra của KBNN Bắc Giang, được sự giúp đỡ của UBND huyện Hiệp Hòa và phối hợp của các cơ quan hữu quan và các đơn vị sử dụng NSNN trên địa bàn và sự nỗ lực cố gắng của tập thể cán bộ trong đơn vị đã thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao. Đặc biệt đã tổ chức thực hiện tốt việc kiểm soát thanh toán, chi trả các khoản chi NSNN trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN Hiệp Hòa vẫn còn một số hạn chế như: tổ chức bộ máy còn bất cập; quy trình nghiệp vụ KSC thường xuyên còn một số tồn tại; nội dung KSC thường xuyên vẫn còn nhiều lỗ hổng, Cán bộ kiểm soát chi còn hạn chế về nghiên cứu chế độ mới; việc sử dụng phần mềm ứng dụng để hỗ trợ công tác kiểm soát chi còn chưa được áp dụng rộng rãi.

Trên cơ sở kết hợp nghiên cứu lý luận tại Chương 2 và phân tích thực trạng công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN Hiệp Hòa ở Chương 3, tác giả đã làm rõ nguyên nhân của những tồn tại trên, đó là: hệ thống pháp luật hiện hành về chi và kiểm soát chi NSNN nói chung và chi thường xuyên nói riêng chưa đầy đủ và đồng bộ; các biện pháp chế tài xử lý đối với những vi phạm trong việc chấp hành chế độ chi tiêu NSNN còn thiếu và chưa đủ mạnh; năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm soát chi còn hạn chế về mặt chuyên môn; việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào hoạt động kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN chưa được nâng cao. Việc tìm ra nguyên nhân của những tồn tại trên là cơ sở để đề ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN Hiệp Hòa ở chương 4.

Chương 4: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN TẠI KBNN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

4.1. Mục tiêu, định hướng hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

4.1.1. Mục tiêu hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Qua 10 năm hệ thống KBNN đã nỗ lực triển khai quyết định 138/2007/QĐ-TTg ngày 21/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển KBNN đến năm 2020, đã đạt được những thành tựu khá quan trọng trên các lĩnh vực, trong đó công tác kiểm soát chi NSNN cũng được cải cách, đổi mới như: thực hiện quy trình kiểm soát cam kết chi NSNN qua KBNN phù hợp với thông lệ quốc tế, góp phần nâng cao kỷ cương kỷ luật của các đơn vị sử dụng NSNN. KBNN đã xây dựng hoàn thiện quy trình KSC NSNN qua KBNN theo hướng giao dịch một cửa, đơn giản, rõ ràng, minh bạch về hồ sơ chứng từ và rút ngắn thời gian KSC. Tuy nhiên, đến nay công tác KSC NSNN vẫn còn một số nội dung tồn tại ảnh hưởng đến kết quả hoạt động NSNN và tình trạng coi nhẹ việc chấp hành kỷ cương chính sách, pháp luật tài chính của Nhà nước, dẫn đến vai trò của tài chính Nhà nước trong hệ thống tài chính quốc gia có phần suy yếu, nguồn lực tài chính bị phân tán. Do đó, công tác quản lý NSNN, đặc biệt là công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN nhất thiết phải hoàn thiện, nâng cao chất lượng để phù hợp với tình hình mới. Việc đổi mới chất lượng kiểm soát chi thường xuyên NSNN trong thời gian tới phải đạt được mục tiêu cơ bản sau:

Thứ nhất, tất cả các khoản chi thường xuyên NSNN đều được kiểm tra, kiểm soát qua KBNN một cách chặt chẽ, đúng phạm vi, đối tượng, đúng luật. Bên cạnh đó, cơ chế cấp phát và kiểm soát chi thường xuyên NSNN cũng phải phù hợp với xu hướng cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính công và phù hợp với cơ chế cấp phát mới như khoán chi hành chính, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp, cơ chế tài chính mới trong lĩnh vực khoa học, công nghệ.

Thứ hai, việc cấp phát và kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua Kho bạc phải chặt chẽ, cấp đúng, cấp đủ góp phần loại bỏ tiêu cực, chống tham ô tham nhũng, chống những thủ tục hành chính phiền hà, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả sử dụng quỹ NSNN.

Thứ ba, xây dựng quy trình kiểm soát chi thường xuyên NSNN phải đảm bảo tính khoa học, rõ ràng, công khai, minh bạch, thuận lợi cho người kiểm soát, cho đơn vị sử dụng ngân sách và đảm bảo các yêu cầu quản lý.

Thứ tư, phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ giữa các cơ quan, các cấp trong việc quản lý, điều hành NSNN.

Thứ năm, cần làm cho các cơ quan đơn vị sử dụng NSNN thấy được trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng NSNN phải đúng luật, đúng mục đích và có hiệu quả. Đặc biệt là phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của người chuẩn chi và KBNN.

4.1.2. Định hướng hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện phương thức cấp phát NSNN theo dự toán, tiến tới hạn chế tối đa các khoản cấp bằng lệnh chi tiền, chỉ trừ các khoản chi mang tính chất cấp thiết, bí mật an ninh quốc gia. Tuy nhiên, điều này đòi hỏi sự cải tiến về nội dung, quy trình lập, duyệt, phân bổ và quyết định giao dự toán NSNN, bảo đảm tính chuẩn xác, chi tiết, đầy đủ, kịp thời và mang tính khoa học; Sửa đổi quy trình lập dự toán NSNN, lập dự toán NSNN phải gắn với kết quả đầu ra thay vì theo kết quả đầu vào như hiện nay; Lập dự toán NSNN theo kết quả đầu ra có vai trò quan trọng, nó tạo mối liên hệ, gắn kết giữa mục tiêu chính sách quốc gia với khoản kinh phí cho các địa phương và các nguồn lực sắp xếp thứ tự ưu tiên và sử dụng để cấp hàng hóa, dịch vụ.

Thứ hai, đổi mới công tác quản lý, KSC qua KBNN trên cơ sở xây dựng cơ chế, quy trình quản lý, kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN phù hợp với Thông lệ quốc tế để vận hành Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS); thực hiện KSC theo kết quả đầu ra, theo

nhiệm vụ và chương trình ngân sách; thực hiện phân loại các khoản chi NSNN nội dung và giá trị để xây dựng quy trình KSC hiệu quả trên nguyên tắc quản lý theo rủi ro; phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan tài chính, cơ quan chủ quản, KBNN và các ĐVSDNS; có chế tài xử phạt hành chính đối với cá nhân, tổ chức sai phạm hành chính về sử dụng ngân sách nhà nước; thống nhất quy trình và đầu mối kiểm soát các khoản chi của NSNN; tăng cường cải cách thủ tục hành chính trong công tác KSC, bảo đảm đơn giản, rõ ràng, minh bạch về hồ sơ, chứng từ, nội dung kiểm soát, tiến tới thực hiện quy trình giao dịch điện tử.

Kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên NSNN phải đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, theo đúng qui định của luật NSNN và các văn bản hướng dẫn hiện hành; Phải vận dụng linh hoạt, phù hợp với đặc điểm, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tránh tình trạng áp dụng máy móc văn bản, chế độ dẫn đến ách tắc công việc, ảnh hưởng đến tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương; Đề cao và gắn trách nhiệm quản lý, sử dụng ngân sách với trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của đơn vị sử dụng NSNN.

Thứ ba, xây dựng hệ thống kế toán nhà nước thống nhất, hiện đại theo nguyên tắc dồn tích, phục vụ yêu cầu quản lý ngân sách và tài chính công bảo đảm tính công khai, minh bạch; phát triển kế toán quản trị phục vụ cho yêu cầu phân bổ ngân sách theo kết quả đầu ra, bảo đảm khả năng phân tích và tính toán được chi phí, hiệu quả của chi tiêu NSNN cũng như yêu cầu lập ngân sách trên cơ sở dồn tích; thực hiện hội nhập quốc tế về kế toán nhà nước, xây dựng chuẩn mực kế toán nhà nước phù hợp với hệ thống kế toán công; Xây dựng mô hình KBNN thực hiện chức năng tổng kế toán Nhà nước theo hướng: là thành viên của Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc gia; tổng hợp, xử lý dữ liệu kế toán từ tất cả các đơn vị thực hiện hệ thống kế toán Nhà nước; chịu trách nhiệm công bố và cung cấp các số liệu kế toán, tình hình tài chính Nhà nước; lưu trữ cơ sở dữ liệu kế toán tập trung.

Thứ tư, hệ thống thanh toán, hiện đại hóa công tác thanh toán của KBNN trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại theo hướng tự động hóa; tham gia hệ thống thanh toán điện tử song phương, thanh toán điện tử liên ngân hàng, thanh toán bù trừ điện tử với các ngân hàng; ứng dụng có hiệu quả công nghệ, phương tiện và hình thức thanh toán không dùng tiền mặt tiên tiến của quốc tế. Đến năm 2020, về cơ bản KBNN không thực hiện giao dịch bằng tiền mặt; nghiên cứu triển khai thực hiện mô hình thanh toán tập trung, theo hướng mọi giao dịch của NSNN và các quỹ tài chính nhà nước đều được thực hiện qua tài khoản thanh toán tập trung.

Thứ năm, chuyển đổi mô hình kiểm tra, kiểm soát sang mô hình kiểm tra, kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao tính độc lập, thống nhất về hoạt động nghiệp vụ của hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ, đủ thẩm quyền cần thiết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các dấu hiệu bất thường trong hoạt động KBNN. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, kiểm soát trên cơ sở đổi mới nội dung, phương pháp và quy trình kiểm tra, kiểm soát phù hợp với sự phát triển của công nghệ thông tin và hiện đại hóa hoạt động KBNN; xây dựng hệ thống chỉ tiêu giám sát và hệ thống quản lý rủi ro nhằm cảnh báo sớm mọi rủi ro trong hoạt động KBNN ; phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hiện tượng vi phạm chính sách, chế độ của Nhà nước.

Thứ sáu, kiện toàn tổ chức bộ máy KBNN tinh gọn, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả và chuyên nghiệp; tăng cường tính chuyên môn hóa của một số đơn vị, đặc biệt là việc hình thành một số KBNN hoạt động theo chức năng (KBNN thực hiện quản lý ngân quỹ và quản lý nợ; KBNN thực hiện nhiệm vụ tổng kế toán Nhà nước); hoàn thiện chính sách và quy trình quản lý cán bộ theo hướng nâng cao tính chuyên nghiệp, trình độ quản lý tiên tiến của đội ngũ cán bộ KBNN; chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu, hoạch định chính sách, chuyên gia đầu ngành có năng lực và trình độ chuyên môn cao; đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, chú trọng nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý và tác nghiệp cho đội ngũ cán bộ KBNN

theo chức trách và nhiệm vụ tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực ; kiện toàn tổ chức bộ máy KBNN tinh gọn, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả và chuyên nghiệp ; tổ chức lại các đơn vị thuộc KBNN ; thực hiện quản lý cán bộ theo khối lượng và chất lượng công việc được giao; quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm hành chính và trách nhiệm vật chất của cán bộ trên từng vị trí công tác; sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực của các tổ chức cung ứng dịch vụ chuyên nghiệp.

Thứ bảy, tăng cường hợp tác quốc tế, áp dụng các thông lệ và chuẩn mực quốc tế vào hoạt động KBNN như chuẩn mực kế toán công, quản lý ngân quỹ và quản lý nợ trong điều kiện liên kết các nền tài chính trong khu vực; triển khai có hiệu quả các dự án hợp tác quốc tế đã ký kết; phát triển các dự án, chương trình hợp tác song phương của KBNN với Kho bạc các nước và các tổ chức quốc tế về tài chính và kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính - ngân sách.

Thứ tám, công nghệ thông tin: xây dựng hệ thống thông tin KBNN hiện đại, trong đó lấy hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc làm xương sống nhằm đáp ứng các yêu cầu cải cách quản lý tài chính - ngân sách; thiết kế và xây dựng các kho dữ liệu về thu, chi ngân sách, quản lý nợ, tài sản và các hoạt động nghiệp vụ khác của KBNN để cung cấp thông tin cho cơ sở dữ liệu quốc gia và phục vụ công tác quản lý, điều hành về tài chính - ngân sách; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, đồng bộ và chuyên nghiệp vào mọi hoạt động của KBNN, hình thành Kho bạc điện tử.

4.2. Một số giải pháp hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Trên cơ sở định hướng phát triển của KBNN đến năm 2020, phương hướng, mục tiêu hoàn thiện công tác KSC NSNN qua KBNN, trước thực trạng còn tồn tại, vướng mắc trong kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN Hiệp Hòa đã được phân tích ở trên, cũng như yêu cầu đổi mới để đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hiệp Hòa trong thời gian tới. Tôi xin đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường công tác KSC thường xuyên NSNN

qua KBNN Hiệp Hòa như sau:

4.2.1. Hoàn thiện tổ chức bộ máy tại Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa, Bắc Giang

Một là, ban lãnh đạo KBNN Hiệp Hòa cần sắp xếp, bố trí công chức tại KBNN Hiệp Hòa có hiệu quả.

Cần thực hiện sắp xếp, bố trí sử dụng công chức trên cơ sở bảng mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm và năng lực thực tế của từng công chức, đảm bảo nguyên tắc: Mỗi GDV đều được tiết cận hết các nghiệp vụ; Việc thực hiện không bị chồng chéo; Công việc được thực hiện với người phù hợp nhất, giúp họ phát huy tối đa sở trường năng lực của mình, đồng thời để việc thực hiện công việc đạt hiệu quả cao nhất. Thường xuyên tổ chức các cuộc thi nghiệp vụ để kiểm tra năng lực, kỹ năng thực tế của công chức và để điều chỉnh bố trí công chức vào vị trí việc làm thích hợp.

Ban lãnh đạo KBNN Hiệp Hòa cần có kế hoạch luân phiên nhiệm vụ định kỳ giữa các cán bộ làm nhiệm vụ kiểm soát chi để biết được nhiều việc, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau. Việc luân phiên cán bộ với nhau tránh được tình trạng tiêu cực. Vì cán bộ làm công tác kiểm soát, quản lý một số ĐVSDNS trong thời gian dài dễ dẫn đến tiêu cực do quen biết ĐVSDNS. Công việc lặp đi lặp lại do chủ quan ít kiểm tra khi nhận hạch toán chứng từ chuyển tiền của ĐVSDNS.

Hai là, đổi mới cơ chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc, khen thưởng và kỷ luật đối với công chức.

Đánh giá chất lượng và hiệu quả thực hiện công việc của công chức, KBNN cần xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thành công việc của từng công chức dựa trên cơ sở tổng hợp các tiêu chí đánh giá hoàn thành công việc của bảng mô tả công việc của từng vị trí việc làm.

Quá trình đánh giá phải thực hiện một cách minh bạch, rõ ràng. Kết quả đánh giá phải dựa trên các bằng chứng có thực, không định kiến phản hồi đến công chức được đánh giá. Kết quả đánh giá khách quan trung thực sẽ là cơ sở đáng tin cậy cho việc sắp xếp, bố trí sử dụng công chức.

Thực hiện khen thưởng, động viên kịp thời đối với những cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao hoặc có sáng kiến cải tiến trong công việc, quy trình kiểm soát, thanh toán. Mặt khác, xử lý nghiêm những cán bộ cố ý làm sai các quy trình nghiệp vụ, vi phạm các quy định về kiểm soát chi gây thất thoát tiền và tài sản nhà nước.

Hàng quý, Ban lãnh đạo cần tổ chức họp cơ quan đánh giá các mặt đạt được và khó khăn của công tác kiểm soát chi nhằm xử lý hoặc kiến nghị về trên giải quyết kịp thời cho cán bộ kiểm chi còn vướng mắc, khó khăn như chế độ chi tiêu phát sinh chi thực tế của các ĐVSDNS đặc thù. Bên cạnh đó, Đơn vị nên họp xét bình bầu khen thưởng theo quý dựa trên tiêu chuẩn chất lượng hiệu quả hơn công việc, sự hài lòng của khách hàng, chấp hành kỷ cương kỷ luật trong kiểm soát chi NSNN, có sáng kiến, cải tiến trong công việc; chấp hành nội quy quy chế của đơn vị, tham gia tốt các phong trào thi đua.

4.2.2. Hoàn thiện quy trình kiểm soát chi NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang

Cơ chế giao dịch một cửa giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính, công khai, minh bạch; công việc phải được giải quyết nhanh chóng đúng thời gian quy định; nhận yêu cầu và trả kết quả tại một bộ phận duy nhất nhằm giảm phiền hà cho tổ chức, cá nhân. Đây là cách làm truyền thống đã được Thủ tướng chính phủ ban hành bằng văn bản. Không chỉ dừng lại ở việc giao dịch một cửa bằng giấy, để đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng 4.0, chúng ta phải tiến tới giao dịch điện tử, hay cũng chính là một cửa điện tử. Giao dịch điện tử mở ra cuộc cách mạng số không chỉ ngành Kho bạc nói riêng mà còn cho ngành tài chính nói chung. Đơn vị có thể ở nhà thực hiện gửi chứng từ lên Kho bạc mà không cần lên trực tiếp giao dịch, việc này giúp tiết kiệm thời gian đi lại, tiết kiệm chi phí, nếu chứng từ sai các GDV sẽ trả lại cho đơn vị, đơn vị có thể hoàn thiện và gửi lại ngay được không cần mất công cũng như thời gian để quay lại Kho bạc. Ngoài ra cách làm này có ưu điểm là cán bộ kiểm soát chi hạn chế gặp khách hàng trực tiếp, tránh làm khó hay vô vĩnh khách hàng để dẫn đến tiêu cực trong

quá trình KSC. Không chỉ vậy, sau khi hoàn thành giao dịch, đơn vị có thể ngồi ở nhà đợi thông báo và in chứng từ kịp thời, tránh mất mát thất lạc chứng từ. Giao dịch điện tử không chỉ mang lại thuận tiện cho ĐVSDNS mà cũng giúp giảm thiểu khối lượng công việc cho GDV Kho bạc, tránh được tình trạng chuyển sai cho đơn vị hưởng, sai chương loại khoản mục phải điều chỉnh nhiều lần, đặc biệt là thời điểm cuối năm khi quá nhiều chứng từ các GDV giảm thiểu khối lượng chứng từ, áp lực công việc, dành nhiều thời gian hơn cho kiểm soát các bộ chi đầu tư có tính chất phức tạp.

4.2.3. Giải pháp hoàn thiện nội dung kiểm soát chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang.

4.2.3.1. Tăng cường kỷ luật thanh toán tạm ứng

Để giảm được số dư tạm ứng chi NSNN, tránh tình trạng chiếm dụng vốn nhà nước, giảm công việc thanh toán tạm ứng dồn vào cuối năm gây quá tải cho cán bộ KSC. Theo qui định, chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng sau, các đơn vị sử dụng NSNN phải thanh toán số dư tạm ứng của tháng trước (trừ những khoản chi theo tiến độ). Để làm tốt công tác này thì bước sang đầu tháng sau từng cán bộ kế toán KBNN Hiệp Hòa rà soát lại các đơn vị do mình quản lý, chủ động nhắc nhở đơn đốc đơn vị mang hồ sơ đến thanh toán để giảm số dư tạm ứng đã rút của tháng trước và hạn chế tối đa việc các đơn vị mang hồ sơ đến thanh toán tạm ứng vào những ngày gần cuối tháng, nhằm khắc phục thói quen của các đơn vị mặc dù đã đầy đủ hồ sơ nhưng đến cuối tháng mới tập hợp và mang sang Kho bạc. Và nếu đơn vị nào không thanh toán tạm ứng kịp thời thì KBNN thực hiện không cấp tiếp tạm ứng.

4.2.3.2. Giải pháp nhằm ngăn chặn hiện tượng xé nhỏ gói thầu

Cùng với dự toán năm đơn vị sử dụng NSNN gửi đến KBNN vào đầu năm, KBNN yêu cầu đơn vị gửi thêm dự toán chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Dựa vào đó, KBNN biết được các gói mua sắm, sửa chữa mà đơn vị sẽ thực hiện trong năm. Thực hiện đối chiếu các khoản chi mua sắm, sửa chữa khi có phát sinh với các gói mua sắm, sửa chữa trong dự toán chi tiết. Phát hiện,

ngăn chặn kịp thời hiện tượng xé nhỏ các gói mua sắm, sửa chữa để tránh thực hiện đấu thầu theo quy định.

4.2.3.3. Hạn chế sử dụng tiền mặt trong thanh toán qua KBNN

Để giảm tỷ lệ thanh toán bằng tiền mặt quá cao tại KBNN Hiệp Hòa, cần có quy định cụ thể đối với các ĐVSDNS về thanh toán không dùng tiền mặt. KBNN Hiệp Hòa, cần thực hiện các giải pháp sau:

- Thực hiện phổ biến, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho ĐVSDNS, các đơn vị cung cấp hàng hoá dịch vụ hiểu rõ về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của việc thanh toán theo phương thức chuyển khoản, sử dụng thẻ ATM trong hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc quản lý tài chính, tiền tệ quốc gia, từ đó giúp họ ý thức trách nhiệm hơn nữa trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt theo chủ trương chung của Chính phủ để tiến tới mục tiêu phát triển thành Chính phủ điện tử.

- Ngoài việc chuyển lương qua thẻ ATM, KBNN Hiệp Hòa cần phối hợp với NHTM trên địa bàn để trang bị thêm máy rút tiền tự động ATM trên những địa bàn đã đủ điều kiện, xây dựng quy chế phối hợp thực hiện cụ thể nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị sử dụng NSNN, xử lý linh hoạt, có biện pháp giải quyết kịp thời các trường hợp: máy ATM bị trục trặc do lỗi kỹ thuật, hết tiền, mất điện...hoặc khi đơn vị có nhu cầu rút lượng tiền mặt lớn vượt mức ngân hàng cho phép hoặc các cơ chế vướng mắc về mở và quản lý thẻ để phù hợp với yêu cầu quản lý của đơn vị sử dụng NSNN. Yêu cầu các NHTM trên địa bàn phối hợp và tạo điều kiện cho các đơn vị sử dụng NSNN trong việc phát hành thẻ tín dụng cho các đơn vị trong trường hợp các đơn vị đó có nhu cầu sử dụng hình thức thanh toán bằng thẻ tín dụng trong thời gian tới.

- KBNN Hiệp Hòa cần đa dạng hóa, hiện đại hóa hơn nữa công nghệ trong các khâu thanh toán tại KBNN Hiệp Hòa để rút ngắn thời gian thanh toán cho nhà cung cấp, nhằm khuyến khích các đơn vị sử dụng NSNN tăng cường sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt tại KBNN. Điều này không chỉ có ý nghĩa đối với việc giảm bớt khối lượng thanh toán bằng tiền mặt qua

KBNN, mà nó còn giúp nâng cao khả năng kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan chức năng nhà nước đối với việc chi tiêu của các đơn vị thụ hưởng kinh phí NSNN.

- Xiết chặt kỷ luật thanh toán không dùng tiền mặt, dần dần tiến đến kiên quyết từ chối các khoản chi vi phạm chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, nhằm tạo thói quen không sử dụng tiền mặt trong thanh toán cho các đơn vị sử dụng NSNN.

4.2.4. Hiện đại hóa công nghệ thông tin KBNN trong quy trình quản lý cấp phát, thanh toán các khoản chi NSNN tại KBNN Hiệp Hòa

Hiện đại hóa công nghệ thông tin Kho bạc là một trong những điều kiện hết sức quan trọng để nâng cao chất lượng hoạt động KBNN nói chung và công tác KSC thường xuyên NSNN qua KBNN Hiệp Hòa nói riêng. Trong thời gian tới, để công nghệ thông tin hỗ trợ đắc lực hơn cho công tác KSC thường xuyên NSNN, cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng sau:

Rà soát, đầu tư nâng cấp hạ tầng truyền thông, intranet, thể chế hóa các quy định trao đổi văn bản điện tử, thư điện tử để thực hiện thống nhất trong hệ thống. Từng bước thiết lập nên một môi trường làm việc điện tử hiện đại, minh bạch, giảm giấy tờ, tiết kiệm chi phí và thời gian.

Trang bị hệ thống máy tính, máy chủ đủ mạnh và có hệ thống dự phòng để đảm bảo hoạt động của Kho bạc không bị gián đoạn. Thực hiện nối mạng với các cơ quan khác trên địa bàn như: Tài chính, Thuế, Ngân hàng,... để đảm bảo đối chiếu số liệu thu, chi NS nhanh chóng, chính xác; phối hợp với các NHTM trên địa bàn triển khai vận hành chương trình TTĐTSP tập trung giúp cho việc thanh toán được nhanh chóng, chính xác và an toàn hơn.

Bên cạnh đó, để giao dịch một cửa tại Kho bạc Hiệp Hòa từng bước đi vào nề nếp, phục vụ tốt hơn cho khách hàng, đòi hỏi cán bộ tin học phải nghiên cứu tạo ra phần mềm ứng dụng hỗ trợ như: chương trình giúp kế toán viên đối chiếu mẫu dấu chữ ký trên máy thay vì đối chiếu thủ công như hiện nay (giúp giảm bớt thời gian lật tìm mẫu dấu chữ ký đã lưu ngoài theo đơn vị), chương trình

giúp kế toán trưởng quản lý hồ sơ đăng ký mẫu dấu chữ ký của các đơn vị (thống kê nhanh số lượng tài khoản của từng đơn vị), chương trình quản lý các văn bản đến phục vụ cho nghiệp vụ kiểm soát chi (tìm nhanh các văn bản hướng dẫn về chế độ định mức, các văn bản điều hành NSNN của cơ quan cấp trên và địa phương), chương trình quản lý hồ sơ giao nhận khách hàng (tiết kiệm thời gian vì không phải lập phiếu giao nhận thủ công, kế toán theo dõi chặt hơn thời gian hoàn trả hồ sơ cho khách hàng, lãnh đạo có thể kiểm tra trạng thái của hồ sơ chứng từ đã được kế toán thực hiện đến đâu khi có khách hàng phản ánh)

4.2.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Kho bạc Nhà nước

Nhận thức tầm quan trọng của yếu tố con người trong công tác kiểm soát chi NSNN. Để công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN ngày càng hoàn thiện hơn thì trước hết đội ngũ cán bộ công chức KBNN nói chung và cán bộ kiểm soát chi thường xuyên nói riêng cũng phải được hoàn thiện. Để làm được điều đó, Kho bạc phải thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và phẩm chất cán bộ KBNN, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có đạo đức, đủ phẩm chất của người cán bộ công chức là cần - kiệm - liêm - chính - chí công - vô tư, đồng thời được đào tạo trang bị đủ kiến thức, đủ khả năng, kỹ năng để xây dựng làm chủ vận hành Kho bạc điện tử trong thời gian tới. Đây là nhân tố giúp KBNN Hiệp Hòa nâng cao năng lực, hoàn thành nhiệm vụ nói chung và hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát chi nói riêng trong tình hình thực hiện Luật NSNN hiện nay.

Việc bố trí cán bộ làm công tác kiểm soát chi, không chỉ chú trọng khả năng chuyên môn mà còn phải chọn người có đạo đức tốt, liêm khiết, công minh, cần chú trọng mở các lớp tập huấn ngắn hạn để bồi dưỡng chuyên sâu kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật kiến thức mới, phải bồi dưỡng cho cán bộ kiểm soát chi kiến thức về văn hóa, văn minh công sở, nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử với khách hàng, làm cho cán bộ kiểm soát chi ý thức được trách nhiệm phục vụ khách hàng của một công chức Nhà nước từ đó sẽ có thái độ lịch sự, hòa nhã, tôn trọng khách hàng giao dịch tại Kho bạc, tiến tới xây

dựng đội ngũ cán bộ công chức KBNN chuyên nghiệp, hiện đại.

Xuất phát từ thực trạng, cán bộ làm nhiệm vụ KSC còn hạn chế về chuyên môn do thiếu kinh nghiệm, không tự ý thức nghiên cứu, cập nhật các văn bản của ngành, địa phương để áp dụng vào công việc kiểm soát, những cán bộ KSC còn gây khó khăn cho đơn vị đến giao dịch. Ban lãnh đạo KBNN Hiệp Hòa cần có kế hoạch luân phiên nhiệm vụ định kỳ giữa các cán bộ làm kế toán để họ am hiểu được nhiều nghiệp vụ và học hỏi được kinh nghiệm lẫn nhau trong quá trình kiểm soát chi, cần ra quy chế trong tuần bắt buộc cán bộ nghiệp vụ KSC phải dành vài giờ hoặc tranh thủ lúc đầu giờ làm việc phải xem qua các văn bản chế độ hướng dẫn về nghiệp vụ KSC, có vậy mới trang bị được cho họ những kiến thức cần thiết trong quá trình thực hiện KSC. Đồng thời, trong các cuộc họp của cơ quan cần đóng góp phê bình những cán bộ đã bị khách hàng phản ánh không hài lòng về các vấn đề trong quá trình giao dịch với họ, để có biện pháp xử lý chấn chỉnh kịp thời các sai phạm. Ngoài ra, cần phát huy khen thưởng những mặt tốt của cán bộ làm KSC khi họ đạt được kết quả, thành tích tốt trong công tác chuyên môn. Trong công tác lãnh, chỉ đạo, Ban lãnh đạo nên nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của từng cán bộ trong đơn vị để giúp họ giải quyết được vấn đề, từ đó họ mới có thái độ và tinh thần công tác tốt hơn vì được lãnh đạo quan tâm và giúp đỡ. Tạo nên môi trường làm việc thoải mái không bị áp lực, góp phần nâng cao hiệu quả và năng suất trong công tác kiểm soát chi.

4.2.6. Tăng cường phối hợp với các cơ quan, ban, ngành và ĐVSDNS trong thực hiện công tác KSC tại KBNN Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang

Nhằm nâng cao ý thức chấp hành chế độ chi tiêu NSNN của đơn vị sử dụng NSNN, KBNN Hiệp Hòa thực hiện báo cáo, tham mưu cho Ủy ban Nhân dân huyện Hiệp Hòa về tình hình thực hiện chi NSNN của các đơn vị dự toán cấp huyện, xã. Trên cơ sở đó Ủy ban Nhân dân huyện có giải pháp điều hành, thúc đẩy các đơn vị chấp hành chi NSNN đúng quy định và có căn cứ để xét thi đua, khen thưởng đối với các đơn vị. Đây cũng là giải pháp thúc đẩy các đơn vị thực hiện quản lý ngân sách đúng Luật. Khi đơn vị chấp hành đúng Luật thì khối

lượng công việc KSC của Kho bạc cũng được giảm tải.

KBNN Hiệp Hòa cần phải định kỳ trao đổi thông tin hai chiều giữa KBNN với đơn vị sử dụng NSNN thông qua các cuộc Hội nghị khách hàng. Tại các cuộc hội nghị về phía KBNN sẽ triển khai, hướng dẫn kịp thời các Thông tư, chế độ, định mức, chính sách mới ban hành về ngân sách, đồng thời nêu lên những lỗi mà đơn vị sử dụng NSNN thường hay mắc phải trong quá trình kiểm soát chi của Kho bạc để các đơn vị khắc phục thời gian tới nhằm rút ngắn thời gian giao dịch của Kho bạc và đơn vị sử dụng NSNN, đồng thời Kho bạc cũng thông qua báo tình hình thực hiện kiểm soát chi NSNN qua KBNN để đơn vị sử dụng NSNN nắm tiến độ mà thực hiện cho kịp tiến độ quyết toán NSNN theo thời gian đã quy định. Ngược lại các cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN phản ánh những vấn đề chưa rõ về quy trình, chế độ, mẫu biểu chứng từ, và những bất cập trong việc chấp hành NSNN và thái độ giao dịch của cán bộ Kho bạc tại hội nghị để ban lãnh đạo Kho bạc nắm được về xử lý chấn chỉnh kịp thời nhằm phục vụ tốt hơn cho đơn vị sử dụng NSNN trên địa bàn.

Đặc biệt, trong công tác điều hành quản lý chi NSNN trên địa bàn, KBNN Hiệp Hòa cần phối hợp chặt chẽ và tạo mối quan hệ tốt với cơ quan Tài chính huyện, thường xuyên trao đổi thông tin qua lại lẫn nhau để thống nhất các chế độ trong quản lý chi NSNN về ngân sách được đồng thuận, nhằm tham mưu giúp lãnh đạo địa phương điều hành NSNN một cách chính xác, tiết kiệm và hiệu quả công tác chi NSNN trên địa bàn.

4.2.7. Các giải pháp khác

v Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao tính tự giác và trách nhiệm của đơn vị sử dụng ngân sách.

KBNN Hiệp Hòa cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin, cập nhật kiến thức để những người thực hiện ngân sách tại các đơn vị sử dụng NSNN trên địa bàn huyện nhận thức đúng đắn về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN. KBNN Hiệp Hòa cần làm tốt vai trò tham mưu cho UBND huyện khi có văn bản quy định về cơ chế,

chính sách, chế độ, định mức chi tiêu liên quan đến GDV NSNN, đồng thời phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổ chức, hội nghị triển khai cho các đơn vị sử dụng NSNN nắm và thực hiện tốt các văn bản mới quy định về cơ chế, chính sách, chế độ, định mức chi tiêu, ... nhằm góp phần vào việc nâng cao chất lượng quản lý kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN.

▼ Tăng cường công tác thanh tra chuyên ngành và công tác tự kiểm tra tại Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa, Bắc Giang

Thanh tra chuyên ngành của KBNN tỉnh tăng cường thanh tra các đơn vị sử dụng NSNN nhằm chấn chỉnh sai sót và xử lý vi phạm hành chính qua KBNN để thủ trưởng đơn vị sử dụng NSNN nâng cao ý thức trong việc chấp hành quản lý chi tiêu của đơn vị.

KBNN Hiệp Hòa tiếp tục thực hiện theo kế hoạch tự kiểm tra năm của đơn vị; thực hiện kiểm tra và tự kiểm tra công tác quản lý quỹ ngân sách nhà nước, tự kiểm tra công tác GDV NSNN qua KBNN nhằm tăng cường kỷ cương, kỷ luật đối với công chức của KBNN trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm soát chi NSNN qua KBNN gắn với công tác kiểm tra phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4.3. Điều kiện thực hiện giải pháp

4.3.1. Về phía các cơ quan quản lý Nhà nước

4.3.1.1. Về phía cơ quan trung ương

Nhà nước cần phải xây dựng và ban hành đồng bộ Luật và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực NSNN phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay và xu hướng phát triển trong thời gian tới để tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý chi NSNN hoạt động một cách hiệu quả. Các cơ quan chức năng thuộc trung ương cần sửa đổi, bổ sung các nội dung còn thiếu hoặc chưa rõ ràng, cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn, định mức trong chi thường xuyên NSNN.

4.3.1.2. Về phía KBNN

Trong công tác triển khai thực hiện giao dịch một cửa, đề nghị KBNN trung ương cần nghiên cứu, tham khảo từ những kết quả thực tế của quá trình

thực hiện công tác này để ban hành một quy trình giao dịch một cửa thực sự có hiệu quả và đặc biệt thuận tiện cho khách hàng khi giao dịch, tránh những thủ tục rườm rà ảnh hưởng đến thời gian thanh toán nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác và kiểm soát đầy đủ.

Trong giai đoạn hiện nay, hệ thống TABMIS được triển khai thành công, các văn bản chế độ vì thế cũng phải thay đổi để phù hợp với hệ thống, điều đó đòi hỏi KBNN trung ương cần nhanh chóng hoàn thiện quy trình nghiệp vụ và các văn bản hướng dẫn kịp thời để KBNN Hiệp Hòa cũng như các KBNN cấp huyện khác đạt được hiệu quả cao nhất trong quá trình kiểm soát chi NSNN nói chung và kiểm soát chi thường xuyên NSNN nói riêng.

Hệ thống hóa một cách có khoa học các văn bản liên quan đến từng lĩnh vực chi tiêu NSNN từ đó hình thành một thư viện điện tử riêng để KBNN địa phương có nguồn thông tin để tra cứu, tham khảo một cách thuận tiện và đầy đủ nhất. Hình thành một trang thông tin trả lời trực tuyến các vướng mắc liên quan đến quá trình kiểm soát chi NSNN qua KBNN. Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc loại bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, kiểm soát chi NSNN gắn với thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật phòng chống tham nhũng.

Tiếp tục hoàn thiện chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN theo hướng đơn giản, gọn nhẹ, tiết kiệm thời gian lao động mà trọng tâm là rà soát lại hệ thống báo cáo, giảm bớt số lượng báo cáo, lược bỏ các chỉ tiêu trùng lặp, xác định công thức lập báo cáo hợp lý. Tập trung xây dựng hệ thống kế toán nhà nước lấy kế toán KBNN làm trung tâm.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra tài chính, bổ sung lực lượng và điều kiện vật chất để từng bước mở rộng thanh tra tài chính và kiểm toán nhà nước đối với tất cả các cấp ngân sách, các đơn vị sử dụng vốn, tài sản của nhà nước. Phần đầu ở đâu có sử dụng ngân sách thì ở đó phải được thanh tra giám sát.

4.3.1.3. Về phía các cơ quan Tài chính

Thứ nhất, Bộ Tài chính cần xây dựng các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi

tiêu áp dụng thống nhất trong cả nước làm cơ sở để xác định các điều kiện cho một khoản chi NSNN. Bên cạnh đó, Bộ tài chính cần nhanh chóng ban hành các thông tư hướng dẫn về nội dung, biện pháp, chế độ kiểm soát chi theo từng nội dung chi tiêu.

Thứ hai, cơ quan Tài chính cần cải tiến phương thức cấp phát NSNN theo hướng sử dụng phổ biến hình thức cấp phát bằng dự toán, hạn chế mức thấp nhất hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền để tránh tình trạng phân tán vốn NSNN trong quá trình điều hành.

Thứ ba, đổi mới công tác quản lý tài chính – ngân sách; thí điểm áp dụng cơ chế gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Thứ tư, cần có quy định cụ thể trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan tài chính, cơ quan chủ quản, KBNN và các ĐVSDNS đến đâu trong quá trình quản lý, kiểm soát các khoản chi NSNN.

4.3.1.4. Về phía chính quyền, các cơ quan chức năng huyện Hiệp Hòa

Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, định mức chi NSNN được phân cấp một cách nhanh chóng và không trái với các quy định của cơ quan chức năng cấp trên. Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản quy định chế độ chi tiêu NSNN đến tất cả các ĐVSDNS.

Chỉ đạo các ĐVSDNS thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ quy định về chi tiêu NSNN, chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, nhất là thanh toán qua thẻ rút tiền ATM. Có các biện pháp tác động bên phía Ngân hàng mở rộng mạng lưới máy ATM để phục vụ cho nhu cầu của khách hàng và dần hình thành thói quen không giữ tiền mặt.

4.3.2. Về phía đơn vị sử dụng ngân sách

Đơn vị sử dụng NSNN cần nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác quản lý chi tiêu nội bộ của đơn vị, không nên chỉ chú trọng đến công tác chuyên môn của đơn vị mà xem nhẹ công tác quản lý tài chính chi tiêu nội bộ. Bên cạnh, đó cần đào tạo nâng cao chất lượng của cán bộ quản lý tài chính tại đơn vị sử dụng NSNN.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Qua nghiên cứu thực trạng công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016 – 2018 ở Chương 3, tác giả đã làm rõ những kết quả đạt được và những hạn chế tồn tại trong công tác kiểm soát chi thường xuyên tại đơn vị trong những năm qua, đồng thời tìm ra những nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại đó. Căn cứ mục tiêu, phương hướng hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN trong những năm tiếp theo, tác giả đã đưa ra các nhóm giải pháp về tổ chức bộ máy, quy trình kiểm soát chi, về nội dung kiểm soát chi thường xuyên, về tổ chức quản lý điều hành ngân sách và có đề xuất một số kiến nghị đối với cơ quan có thẩm quyền: Chính phủ, Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước, nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN Hiệp Hòa.

Tác giả hy vọng với những nghiên cứu, đề xuất nói trên khi được áp dụng đồng bộ trong thực tiễn sẽ mang lại kết quả mới cho công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang nói riêng và Kho bạc Nhà nước nói chung.

KẾT LUẬN

Công tác kiểm soát chi NSNN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt của hệ thống KBNN từ khi thành lập đến nay, trong đó công tác kiểm soát chi thường xuyên qua KBNN là hoạt động liên tục, có phạm vi ảnh hưởng rộng khắp đến tất cả các đơn vị sử dụng NSNN giao dịch với Kho bạc. Vì vậy, việc kiểm soát chi chặt chẽ, an toàn hiệu quả luôn là mục tiêu mà hệ thống KBNN nói chung, KBNN Hiệp Hòa nói riêng; góp phần nâng cao chất lượng chi tiêu ngân sách, ổn định cán cân ngân sách, đồng thời là công cụ quản lý, điều hành quỹ NSNN hiệu quả trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

Với kết cấu 4 chương, tác giả đã giải quyết cơ bản được một số vấn đề sau:

Thứ nhất, hệ thống hoá và làm rõ thêm các vấn đề lý luận về NSNN, chi NSNN, kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN và vai trò của KBNN trong kiểm soát thanh toán các khoản chi từ NSNN.

Thứ hai, nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách tổng quan, có hệ thống thực trạng kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa, Bắc Giang. Từ đó, luận văn nêu ra những kết quả đạt được, những hạn chế tồn tại và nguyên nhân những hạn chế tồn tại trong công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Hiệp Hòa, Bắc Giang.

Thứ ba, đề xuất phương hướng và các giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa, Bắc Giang trong thời gian tới.

Công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN là một vấn đề khá phức tạp, nhạy cảm, liên quan đến các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị có sử dụng NSNN trên phạm vi toàn quốc nói chung và huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang nói riêng. Điều này đòi hỏi phải có sự nghiên cứu công phu và toàn diện hơn. Mặc dù, đã rất cố gắng trong nghiên cứu, song do thời gian có hạn nên luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Từ việc phân tích cơ sở lý luận đến đánh giá thực trạng, đề ra những giải pháp và điều kiện thực hiện. Với tinh thần học hỏi, tác giả mong muốn nhận được sự quan tâm đóng góp ý kiến của

các thầy giáo, cô giáo, các nhà nghiên cứu và những người quan tâm tới đề tài này để luận văn được tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng ở mức độ cao hơn, ứng dụng tốt hơn vào thực tiễn.

Cuối cùng, tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến TS. Đào Mạnh Huy và các thầy, cô giảng viên trường Đại học Lao động xã hội đã giúp đỡ để tôi hoàn thành đề tài luận văn của mình.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 hướng dẫn thi hành ND 163/2016/NĐ-CP
2. Bộ tài chính (2012), Thông tư 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 quy định chế độ kiểm soát thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN.
3. Bộ tài chính (2008), Thông tư 113/2008/TT-BTC ngày 27/11/2008 hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi NSNN qua KBNN.
4. Bộ tài chính (2016), Thông tư 40/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 sửa đổi bổ sung 1 số tiêu của TT 113/2008/TT-BTC ngày 27/11/2008.
5. Bộ tài chính (2017), Thông tư 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 hướng dẫn chế độ kế toán Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc.
6. Bộ tài chính (2012), Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 quy định chế độ, kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN tại KBNN.
7. Bộ tài chính (2016), Thông tư 39/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của TT 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 quy định chế độ, kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN tại KBNN.
8. Bộ tài chính (2016), Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ tài chính về việc Quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân thay thế TT 68/2012/TT-BTC ngày 26/4/2012 của Bộ Tài chính có hiệu lực từ ngày 16/5/2016.
9. Bộ tài chính (2017), Thông tư 55/2017/ BTC- của Bộ Tài chính về quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội.
10. Bộ tài chính (2015), Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 10

năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của quyết định số 32/2015/qđ-ttg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của thủ tướng chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

11. Bộ tài chính (2017), Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị.

12. Chính Phủ (2016), Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 hướng dẫn Luật NSNN 2015.

13. Chính Phủ (2018), Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31/08/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

14. Dương Thị Kiều Loan (năm 2014), “*Kiểm soát chi bằng dự toán tại KBNN Vĩnh Phúc*”, Luận văn Thạc sỹ kinh tế.

15. Đỗ Thị Thiên Hương (năm 2013), “Tổ chức công tác kiểm soát chi NSNN tại Kho bạc Nhà nước Cần Thơ” Luận văn Thạc sỹ kinh tế.

16. Đỗ Thị Thiên Hương (năm 2013), “Tổ chức công tác kiểm soát chi NSNN tại Kho bạc Nhà nước Cần Thơ” Luận văn Thạc sỹ kinh tế.

17. Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang (2017), Nghị quyết số 33/2017/QĐ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND Tỉnh Bắc Giang về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang để kiểm soát.

18. Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa (2016), Báo cáo chi NSNN Hiệp Hòa năm 2016.

19. Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa (2017), Báo cáo chi NSNN Hiệp Hòa năm 2017.

20. Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa (2018), Báo cáo chi NSNN Hiệp Hòa năm

2018.

21. Phan Tuấn Anh (năm 2011), “Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị”, Luận văn Thạc sỹ kinh tế.

22. Quốc hội (2015), Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015.

23. Thủ tướng Chính phủ (2007), Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

24. Vũ Đức Trọng, Nguyễn Quang Hưng (năm 2013), “ Hoàn thiện quy trình kiểm soát chi thường xuyên ngân sách xã tại Kho bạc Nhà nước Hải Dương”, đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành.

PHỤ LỤC

PHIẾU ĐIỀU TRA KHẢO SÁT

Kính chào ông (bà), xin gửi đến quý ông (bà) những lời chúc tốt đẹp nhất.

Tôi tên: Nguyễn Thị Thảo Linh, hiện đang công tác tại Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tôi đang thực hiện nghiên cứu đề tài luận văn ***“Hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang”***. Được biết quý Ông (Bà) đang công tác trong lĩnh vực quản lý kinh tế, có nhiều kinh nghiệm và hiểu biết về công tác quản lý chi ngân sách, rất mong ông (bà) giúp đỡ tôi hoàn thành phiếu điều tra này. Tính chính xác của những thông tin mà ông bà cung cấp có vai trò quan trọng trong việc đề ra giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý chi ngân sách trong thời gian tới.

Tất cả những thông tin trên phiếu mà ông (bà) cung cấp sẽ được bảo mật và được trình bày dưới hình thức báo cáo tổng hợp.

Xin trân trọng cảm ơn!

A. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐƯỢC PHỎNG VẤN

Câu hỏi 1: Tuổi

☐ 20-30

☐ 31-40

☐ 41-50

☐ 51-60

Câu hỏi 2: Giới tính

☐ Nam

☐ Nữ

Câu hỏi 3: Trình độ học vấn

☐ Trên đại học

☐ Đại học

☐ Cao đẳng

☐ Trung cấp Phổ thông

Câu hỏi 4: Vị trí công tác của ông/bà:

☐ Chủ tài khoản

☒ Kế toán đơn vị sử dụng ngân sách

☐ Vị trí khác

Câu hỏi 5: Thủ tục hành chính cần giải quyết thuộc lĩnh vực

☐ Chi thường xuyên

☐ Chi đầu tư xây dựng cơ bản

☐ Cả hai thủ tục trên

☐ Các thủ tục khác

B. BẢNG CÂU HỎI

Xin Ông (Bà) cho biết đánh giá của mình về môi trường giao dịch Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang bằng cách đánh dấu vào ô mà ông bà cho là phù hợp nhất.

Ghi chú: 1: Rất không đồng ý; 2: Ít khi đồng ý; 3: Bình thường, phân vân không biết có đồng ý hay không (trung lập); 4: Đồng ý; 5: Rất đồng ý (phát biểu hoàn toàn đúng)

	YẾU TỐ	Mức độ đồng ý				
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
A	Cơ sở vật chất	☐	☐	☐	☐	☐
1	Trụ sở nơi giao dịch khang trang	☐	☐	☐	☐	☐
2	Phòng làm việc rộng rãi, thoáng mát	☐	☐	☐	☐	☐
3	Trang thiết bị làm việc đầy đủ, hiện đại	☐	☐	☐	☐	☐
4	Bảng niêm yết thủ tục hành chính chính thuộc lĩnh vực KBNN cấp huyện đặt ở nơi dễ nhìn thấy	☐	☐	☐	☐	☐
5	Sơ đồ công chức giao dịch với khách hàng đặt ở nơi dễ nhìn thấy	☐	☐	☐	☐	☐
6	Có công khai tiến trình, thời gian giải quyết hồ sơ	☐	☐	☐	☐	☐
7	Quy trình nghiệp vụ công khai	☐	☐	☐	☐	☐
B	Sự tin cậy	☐	☐	☐	☐	☐
1	Hồ sơ giải quyết đúng hẹn	☐	☐	☐	☐	☐
2	Hồ sơ ngăn nắp không bị thất lạc, mất chứng từ	☐	☐	☐	☐	☐

3	Giải quyết hồ sơ chính xác, khách quan	☐	☐	☐	☐	☐
4	An tâm, an toàn khi đến giao dịch (có người trông xe)	☐	☐	☐	☐	☐
5	Không có tình trạng nhùng nhằng khi đến giao dịch	☐	☐	☐	☐	☐
C	Năng lực của công chức	☐	☐	☐	☐	☐
1	Công chức tiếp nhận giao tiếp tốt	☐	☐	☐	☐	☐
2	Có đủ công chức chuyên môn phục vụ	☐	☐	☐	☐	☐
3	Công chức giải quyết khiếu nại, thắc mắc nghiệp vụ nhanh chóng	☐	☐	☐	☐	☐
4	Công chức có tác phong sẵn sàng, xử lý công việc cho khách hàng	☐	☐	☐	☐	☐
5	Thực hiện đúng phát luật	☐	☐	☐	☐	☐
D	Thái độ của công chức	☐	☐	☐	☐	☐
1	Công chức vui vẻ, lịch sự	☐	☐	☐	☐	☐
2	Công chức không phiền hà, nhùng nhằng	☐	☐	☐	☐	☐
3	Công chức xử lý nghiệp vụ công bằng	☐	☐	☐	☐	☐
4	Công chức tỏ ra có trách nhiệm với hồ sơ cần giải quyết	☐	☐	☐	☐	☐
5	Công chức dễ dàng hiểu được yêu cầu của khách hàng cần giao dịch	☐	☐	☐	☐	☐
E	Sự hài lòng chung của khách hàng	☐	☐	☐	☐	☐
1	Đơn vị/ ông/ bà rất hài lòng với các dịch vụ hành chính công	☐	☐	☐	☐	☐
2	Đơn vị/ ông/ bà rất hài lòng khi thực hiện giao dịch với Kho bạc Nhà nước Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	☐	☐	☐	☐	☐

Xin trân trọng cảm ơn Ông/Bà đã hợp tác!